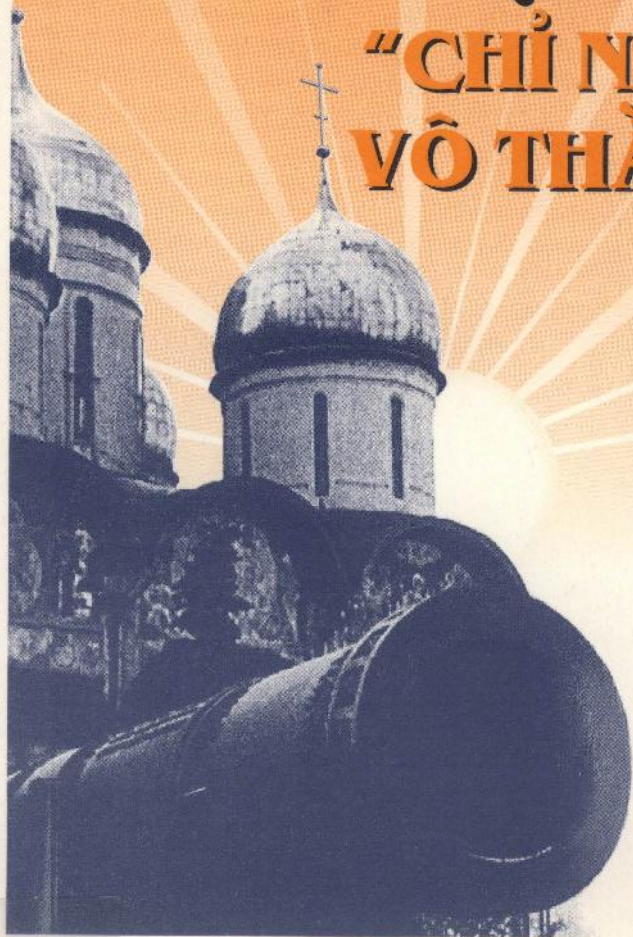


Richard Wurmbrand

# TRẢ LỜI CHO QUYỀN "CHỈ NAM VÔ THẦN"



Richard Wurmbrand

**TRẢ LỜI CHO QUYỀN "CHỈ NAM VÔ THẦN"**

# Answer to Moscow's Bible

## Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: [www.VM1.global](http://www.VM1.global)

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed "Attention: Permission Coordinator," at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

Richard Wurmbrand

**TRẢ LỜI CHO QUYỀN  
"CHỈ NAM VÔ THẦN"**

**Stephanus Edition**

**Uhldingen**





## MỤC LỤC:

- Dẫn nhập	4
- Chủ-nghĩa vô-thần có lý	8
- Chủ-nghĩa vô-thần vô lý	14
- Những quan-điểm sai-lầm của	
. quyển "Chi Nam Vo Than"	19
- Những người chống chúng tôi là ai ?	23
- Nan-đề của người vô-thần	31
- Định-nghĩa tôn-giáo	35
- Nguồn-gốc của tôn-giáo	41
- Nguồn-gốc Cơ-đốc-giáo	44
- Lời chứng của Tin-lành	50
- Các dẫn-chứng phủ-nhận nguồn-gốc	
. thực-sự của các sách Tin-Lành	56
- Sử-điệp của Tân-Uớc	58
- Những chỉ-trích chống lại Kinh-Thánh	66
- Giá-trị lịch-sử của những	
. nhân-vật trong Kinh-Thánh	70
- Người Do-thái được giải-phóng	
. thoát khỏi ách nô-lệ ở nước Ai-cập	78
- Những mâu-thuẫn trong Kinh-Thánh	82
- Cơ-đốc-giáo dạy phải	
. phục-tùng các chế-độ độc-tài ?	88
- Thiên-đàng trên trời	
. hay thiên-đàng dưới đất ?	95
- Có Thượng-Đế không ?	98
- Thượng-Đế là ai ?	106
- Hãy nhìn vào Chúa Giê-xu !	117
- Công-cuộc sáng-tạo	120
- Thượng-Đế hiện-hữu	122
- Tiên-tri	128

- Lời tiên-tri về dân-tộc Do-thái	131
- Lời tiên-tri về ngày tận-thế	137
- Ai dựng nên Thượng-Đế ?	142
- Sự sống sau cái chết	147
- Khoa-học và tôn-giáo	160
- Cửa-lễ chuộc-tội	179
- Lời kết	185
- Vài nét về tiểu-sử tác-giả	187

## DẪN NHẬP

Con người có sách Thánh từ khi con người biết viết. Người cộng-sản cũng có thánh-kinh riêng của họ: quyển “Chỉ Nam Vô Thần”. Quyển sách này do Hàn-lâm-viện khoa-học (Nhà xuất-bản chính-trị-học của nhà nước Xô-viết) xuất-bản lần đầu tiên vào năm 1961 và là thành-quả do sự hợp-tác của rất nhiều học-giả, trong đó có các sử-gia Beliaiev (Bê-li-a-i-ép) và Belinova (Bê-li-no-va), các triết-gia Tchanishev (Cha-ni-sép), Elshina (El-si-na) và Emeliah (Ê-mê-li-a). Người chịu trách-nhiệm xuất bản là giáo-sư đại-học S. Kovalev (Kô-va-lép). Từ đó đến nay, quyển sách này đã được tái bản nhiều lần.

Quyển sách này - một tóm-lược những chủ-trương của người vô-thần - đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, và phổ-biến trong các nước xã-hội chủ-nghĩa. Những suy-luận trong tác-phẩm này được giảng-dạy trong các trường cao-đẳng và đại-học, trên các đài truyền-thanh và truyền-hình, trong các phim-ảnh và các cuộc hội-hop. Khi một người vô-thần chết, để phù-hợp với những “giáo-điều” trong “thánh-kinh cộng-sản”, người vô-thần nhắc-nhở tang-gia trong bài phúng-điếu rằng người chết sẽ chết mãi và không có ai có thể an-ủi tang-gia được, rằng chết là vĩnh-biệt, rằng không có Thượng-Đế và không có sự sống vĩnh-cửu.

Mục-đích chính của quyển “Chỉ Nam Vô Thần” là phủ-nhận sự hiện-hữu của Thượng-Đế.

Nhưng chúng ta thử hỏi một cách giản-dị: nếu không có Thượng-Đế tại sao có cừu ?

Câu hỏi này đã được đặt ra trong một cuộc biểu-tình tại Nga. Diễn-giả của cuộc biểu-tình tuyên-bố rằng sự sống

tự-nhiên mà có và phát-triển bằng cách “tuyển-chọn” tự-nhiên. Trong cuộc chiến-đấu sinh-tồn, những thú-vật mau và mạnh thì thắng, còn những thú-vật yếu thì bị tiêu-diệt.

Một tín-hữu của Chúa Cứu-thế đã nêu lên câu hỏi: “Vậy thì tại sao cừu lại sống còn ? Tại sao cừu không bị chó sói diệt chủng ? Chó sói có thể sinh một lúc năm, sáu sói con, trong khi cừu chỉ có thể sinh từng con một. Như vậy tỉ-số là 5/1. Sói lại có răng nhọn, móng vuốt, có sức mạnh và nhanh-nhẹn. Còn cừu thì không có gì hết để tự-vệ. Vậy tại sao cừu vẫn sống còn ? Ngày nay cừu được con người bảo-vệ và săn-sóc, nhưng diễn-giả đã quả- quyết rằng thú-vật có trước con người. Vậy thì xin hỏi: ai đã bảo-vệ những con cừu yếu-ớt này ? Con người có thể giải-thích nhiều sự-kiện mà không cần giả-thiết sự hiện-hữu của Thượng-Đế, nhưng loài cừu không thể sống còn nếu không có Thượng-Đế. Và nếu không có Thượng-Đế thì những con chiên đáng thương của Chúa Cứu-thế Giê-xu lại càng khó sống còn hơn nữa kể từ khi Hội- Thánh của Chúa được thành-lập trên trần-thế và bị ngược-đãi tàn-bạo.”

Câu trả lời mà người tín-hữu can-đảm này nhận được là vài năm tù !

Một lần kia, trong một cuộc họp của một số các nhà trí-thức Xô-viết, người ta thảo-luận về một nhà thơ người Anh tên là Shakespear (Sết-pia). Trong một tác-phẩm của nhà thơ này có đoạn kể bà MacBeth (Mắc-bết) ám-sát vua Đun-can. Sau khi ám-sát vua, bà nhìn bàn tay đầm máu của mình, hét lên “Cút đi ! Vết nhơ khốn-nạn này, hãy cút đi !”

Một tín-hữu của Chúa Cứu-thế hỏi: “Làm thế nào để bà MacBeth được tha tội ?”. Một người cộng-sản trả lời: “Con người là một sinh-vật có lý-trí. Một nền giáo-dục tốt và một lời khuyên đúng lúc có thể giúp con người tránh

khỏi những hành-dộng xấu-xa.” Câu trả lời không thể giải-quyết được vấn-đề vì bà MacBeth đã phạm tội sát-nhân, giáo-dục và triết-lý không thể giúp ích bà được nữa ! Vì thế một người cộng-sản khác nói: “Theo ý tôi, sát-nhân phải bị kết-án tử-hình.” Đề-nghị này cũng vô-nghĩa vì người tử-tội sẽ chết với mặc-cảm tội-lỗi của mình. Một người cộng-sản khác cho rằng trong một xã-hội cộng-sản sẽ không còn vua chúa, những ham-muốn vị-kỷ sẽ không được thỏa-mãn và nhu-cầu phạm tội sẽ không còn nữa. Nhưng một xã-hội cộng-sản là một chuyện viễn-vong, không bao giờ có cả !

Cuối-cùng, người tín-đồ phát-biểu: “Lời giải-đáp của Kinh-Thánh là lời giải-đáp duy-nhất có giá-trị: Huyết của Chúa Cứu-thế Giê-xu rửa sạch tất cả tội-lỗi của chúng ta.”

Nhưng trả lời giản-dị như vậy chưa đủ. Các nhà trí-thức vô-thần cho rằng tôn-giáo, nhất là Cơ-đốc-giáo, hoàn-toàn sai-lạc. Chúng tôi xin phép tìm-hiểu quý vị và cố-gắng trả lời tất cả những điểm mà quý vị nêu ra. Chúng tôi chấp-nhận nhiệm-vụ này vì lịch-sự và vì tình-yêu.

Theo chủ-nghĩa vô-thần, con người chỉ là bụi và bóng, hoàn-toàn vật-chất. Vậy vật-chất có sức mạnh để tiêu-diệt tôn-giáo không ?

“Một hòn-đề tốt không sợ bị búa đập.” Ở Ba-lê có một đài kỷ-niệm các tín-hữu Huguenot (Hu-gơ-nô) bị ngược-đãi. Đài kỷ-niệm có một hòn-đề và nhiều cái búa bị bể-nát, có tạc chữ: “Quân thù ơi, những búa đập ơi, hãy rút đi ! Búa đập của bây bị bể-nát nhưng hòn-đề của Thượng-Đế vẫn hằng còn.”

Chính chúng tôi cũng kiểm-điểm những suy-nghĩ của chúng tôi, một cách cẩn-thận, vì chúng tôi cho rằng phê-bình rất có ích-lợi. Chủ-nghĩa Cộng-sản đã tự hại mình vì chủ-nghĩa này đã thành-lập các chế-độ độc-tài trong các nước cộng-sản. Nếu không chấp-nhận sự phê-bình của

người khác thì làm sao biết mình đúng được ?

Ở các nước Tây-âu, chủ-nghĩa vô-thần được phép tuyên-truyền tự-do. Cơ-đốc-giáo không sợ tuyên-truyền của Cộng-sản. Trong các cuộc thảo-luận tự-do, Cơ-đốc-giáo luôn-luôn thắng lý. Vì như hai căn phòng sát bên nhau, chỉ ngăn cách nhau bằng tấm màn dày. Một phòng thì tối đen, còn phòng kia thì có đèn thấp sáng trưng. Nếu ta kéo màn che qua một bên thì bóng tối không thể chế-ngự ánh sáng được, vì bóng tối không có năng-lực. Bóng tối là sự thiếu ánh-sáng. Nhờ đèn thấp sáng, căn phòng đen biến thành một căn phòng sáng đẹp.

Tín-hữu của Chúa Cứu-thế Giê-xu không sợ ngục-tù Cộng-sản, cũng không sợ bị tra-tấn hành-hạ. Chúng tôi không sợ sách-báo vô-thần. Trong cuộc đấu-tranh tư-tưởng, lẽ phải nằm trong tay chúng tôi.

## CHỦ NGHĨA VÔ THẦN CÓ LÝ.

Các bạn vô-thần nên biết rằng chúng tôi, những tín-hữu của Chúa Cứu-thế Giê-xu, không phải là kẻ thù mà là thân-hữu của các bạn. Chúng tôi yêu-thương các bạn vô-thần, và tình yêu dẫn đến sự thông-cảm.

Hiện nay trên thế-giới có rất nhiều người theo chủ-nghĩa vô-thần. Điều này không có gì lạ. Trong thế-kỷ 20 này có cả hàng triệu người đã bị hỏa-thiêu trong các lò sát-sinh, bị chết ngạt hay bị thủ-tiêu trong các trại tập-trung của nhiều chế-độ khác nhau. Một vài chế-độ đó đã mạo-nhận mình thuộc Cơ-đốc-giáo. Vì thế tin-nhận Thượng-Đế là một Đấng có quyền-năng đã khó, mà tin-nhận Thượng-Đế là một Đấng có tình-yêu lại còn khó hơn nữa ! Nếu Chúa có quyền-năng, tại sao Chúa không ngăn-cản những bạo-hành đó ? Nếu Chúa có tình yêu, tại sao Chúa lại tạo-dựng trần-thế dã-man này ?

Chúng tôi không chỉ-trích những bạn theo chủ-nghĩa vô-thần, vì thật sự có một số các bậc lãnh-đạo tôn-giáo ủng-hộ các nhà độc-tài, đứng về phía giai-cấp đàn-áp và bóc-lột, hay đang cùng chiến-đấu chung với giặc cướp, là những người sau này sẽ trở-thành những nhà độc-tài chuyên-chế !

Trên cây thập-tự, Chúa Giê-xu đã lớn tiếng cầu-nguyện: “Thượng-Đế ôi ! Thượng-Đế ôi ! Sao Ngài lìa bỏ con ?” Không ai có thể tin được rằng con người bị treo trên cây thập-tự đó sẽ là nguồn Hy-vọng của nhân-loại, rằng con người đang khát nước đến nỗi phải uống dấm đó đang nắm trong tay tất cả uy-quyền trên trời cũng như dưới thế. Chỉ nhờ sự sống lại của con người đó mà chân-lý này mới được quán-bá ra.

Trong thời-đại của chúng ta, nhiều người tự nhận là con của Chúa đã tàn- sát lẫn nhau trong hai cuộc thế-chiến. Còn người ra lệnh thả trái bom đầu- tiên là một người đã chịu lễ Báp-têm.

Thêm vào đó, giả sử những người con đang đi hoang muốn trở về Nhà Cha thì họ cũng không thể tìm ra được Nhà Cha nữa. Thay vì Nhà Cha thì có nhiều giáo-phái khác nhau. Giáo-phái nào cũng quả-quyết rằng mình là chân-lý. Các giáo-phái này chỉ giống nhau ở một điểm: họ không thực-hiện tình thương đối với những người đang bị kềm-kep và đang chết dần mòn trong các trại tập- trung.

Ngoài ra theo sự suy-nghĩ thông-thường của con người, tôn-giáo thuộc lãnh-vực siêu-hình, là lạc-hậu hay có tính cách giáo-điều.

Chủ-nghĩa vô-thần là hậu-quả của những nguyên-nhân này, hay của các nguyên-nhân khác. Vì thế chúng tôi không ngạc-nhiên khi thấy có nhiều người theo chủ-nghĩa vô-thần.

Chính Thượng-Đế đã cho phép chủ-nghĩa vô-thần hoạt-dộng trên trần-thế này. Kinh-Thánh dạy rằng Thượng-Đế đã tạo-dựng nên vũ-trụ vật-chất với nhiều định-luật và một chuỗi nhân-quả. Chúa đã tự giới-hạn để bảo-trì những yếu-tố ngoài Chúa. Vì thế chủ-nghĩa vô-thần cũng nằm trong chương- trình sáng-tạo của Thượng-Đế. Khi Chúa Cứu-thế Giê-xu chịu chết trên cây thập-tự; dùng huyết của mình để chuộc tội cho nhân-loại, Chúa cũng đã chết để chuộc tội cho những người vô-thần. Nếu Thượng-Đế đã cho phép chủ-nghĩa vô-thần sinh-tồn thì chúng tôi là ai mà dám cấm cản chủ-nghĩa đó ? Chúng tôi thông-cảm hoàn-toàn với các bạn vô-thần. Nhưng ngược lại, các bạn vô- thần cũng phải chấp-nhận những điều “bất-thường” đối với quan-niệm của họ: trên thế-giới - thế-giới do Thượng-Đế sáng-tạo - có nhiều người đang chịu đau khổ và sẵn-sàng chịu đau khổ vì họ yêu-thương Thượng-



Để với tất cả tâm-hồn của mình. Đi nhà thờ hay tham dự các lễ-ngợi tôn-giáo có thể là truyền-thống hay thói-quen, nhưng tình yêu thẩm-thiết dành cho Thượng-Đế biểu-lộ rõ-ràng nhất qua những con người đang sẵn-sàng chịu đau khổ đầy-đọa này. Các bạn vô-thần giải-thích sự thật này như thế nào ? Nhiều tín-hữu của Chúa Cứu-thế Giê-xu đã “vui-mừng trong Chúa” lúc họ vì cơ niềm tin của mình mà bị đánh-đập, hay khi tay chân của họ bị xiềng bằng dây xích nặng hàng trăm ký. Các bạn vô-thần giải-thích điều đó như thế nào ?

Tôn-giáo đang được bành-trướng trên một số quốc-gia đang phát-triển. Nhiều gia-đình đói khổ, các bậc phụ-huynh cùng các con em của mình nhóm họp lại với nhau trong ngày Chúa-nhật để ca-ngợi sự vinh-hiến của Thượng-Đế. Tại sao ? Tại sao người góa-phụ chỉ còn ‘hai đồng’ để sống cũng đã sẵn-sàng dâng-hiến số tiền cuối-cùng này để phụng-sự Thượng-Đế ?

Những câu hỏi mà các bạn vô-thần đặt ra để hỏi người của Chúa Cứu-thế Giê-xu rất có lý. Nếu Thượng-Đế có uy-quyền, tại sao Ngài lại cho phép cái chết hoành-hành trên trần-thế ? Nhiều người vô-thần đã đặt câu hỏi: Tại sao tôi mất người thân yêu nhất của tôi ? Tại sao con tôi phải chịu khổ ? Hay là: Tại sao bạn tôi còn trẻ mà phải chết ? Mặt khác có nhiều người rất bình-tĩnh, có khi vui-thỏa nữa, chấp-nhận những mất-mát trong cuộc đời hay khi họ phải đối-diện với cái chết. Đối với những người này - những tín-hữu của Chúa Cứu-thế Giê-xu - chết là trở về Nhà Cha. Các bạn vô-thần giải-thích những điều này như thế nào ?

Thời xưa, thời người ta xây cất các kim-tự-tháp, con người phủ-nhận Thượng-Đế, phản-ngịch chống lại Ngài và sát-hại những người nô-lệ một cách dã-man. Có một

bài thơ xuất-xứ từ thời đó còn được lưu-truyền đến ngày nay. Bài thơ như sau:

Hôm nay tử-thần đến  
 Tựa lão ông lành bệnh,  
 Tựa tù-nhân được phóng.  
 Hôm nay tử-thần đến  
 Tựa trầm-hương ngào-ngat  
 Tựa ngòi vông hưởng nhàn.  
 Hôm nay tử-thần đến  
 Tựa mùi thơm sen nở,  
 Tựa ngòi bờ uống say.  
 Hôm nay tử-thần đến  
 Tựa trời mưa vừa tạnh,  
 Tựa đi xa mới về.  
 Hôm nay tử-thần đến  
 Tựa bầu trời xanh biếc,  
 Tựa người tìm mệnh-mông.  
 Hôm nay tử-thần đến  
 Tựa lòng mong về nhà,  
 Sau bao năm tù khổ.

Nhiều người đối-diện với tử-thần một cách thần-nhiên, cũng có người chết một cách vui-vẻ nữa, vì họ tin rằng chết là trở về với thế-giới thần-linh.

Cây-cối cần ánh sáng mặt trời. Tuy nhiên cũng có loại cây có thể lớn mạnh trong bóng tối. Cũng vậy có nhiều người yêu-thương Thượng-Đế trong khi chịu đau khổ vì niềm tin vào Thượng-Đế. Những khốn-khổ mà các bạn vô-thần than-vãn thì người tuận-đạo chấp-nhận bằng tình yêu. Cái khổ không làm họ chối bỏ niềm tin, trái lại, nhiều người đã tìm được niềm tin hay niềm tin của họ đã được vững-mạnh hơn trong khi chịu khổ.

Oscar Wilde đã sống một cuộc đời tội-lỗi, không chịu tìm-kiếm Thượng-Đế. Cuối-cùng bậc thiên-tài này đã bị ngồi tù một cách nhục-nhã. Trong tù ông đã viết: “Nếu thế-giới này đã được tạo-dựng trong lo-âu thì thế-giới này đã được tạo-dựng bằng những bàn tay đầy tình yêu, vì linh-hồn của con người - mà thế-giới được tạo-dựng là vì cơ linh-hồn của con người - không có cách nào khác hơn để đạt đến sự toàn-hảo của mình được.”

Trong tác-phẩm “Tội và giải tội” của Dostoievski có ghi mẫu đối-thoại giữa Raskolnikov (Ra-kôn-ni-cốp) và cô gái làng chơi Sonya (Sô-nia). Sonya cam thân chịu cảnh nàng Kiều vì có một người cha say-sưa và vì các em đói khổ. Nàng rất đau-khổ về thân-phận hẩm-hiu của mình. Raskolnikov hỏi: “Cô Sonya, cô có cầu-nguyện với Thượng-Đế không?”. Sonya trả lời nho-nhỏ: “Tôi sẽ là gì nếu không có Thượng-Đế?”. Raskolnikov trầm-ngâm hỏi tiếp: “Nhưng Thượng-Đế đã làm gì cho cô?”. Sonya trả lời. “Anh đừng hỏi tôi nữa, anh không xứng-đáng để biết điều đó...Chúa đã làm tất cả.”

Raskolnikov cũng hỏi Polenka, cô em gái bất-hạnh của Sonya: “Em cũng biết cầu-nguyện chứ?”. Polenka đáp: “Vâng, dĩ-nhiên em biết, tội em biết cầu- nguyện từ hồi còn nhỏ. Bây giờ em lớn rồi, em biết cầu-nguyện một mình, còn Kolya và Lida thì cầu-nguyện với mẹ. Tội nó cầu-nguyện ‘Kính Lạy Chúa’ rồi xin Chúa ban phước cho chị Sonya và tha tội cho chị. Và rồi xin Chúa ban phước cho dượng và tha tội cho dượng vì ba của tội em đã mất, ba này là dượng thôi, nhưng tội em cũng cầu-nguyện cho dượng nữa.”

Tại sao Sonya và Polenka có thể yêu Chúa ? Phải chăng tôn-giáo chỉ là một loại thuốc phiện hay rượu ? Nhưng thuốc phiện và rượu phá hoại con người, còn niềm tin Chúa mãnh-liệt của Sonya có thể làm tên sát-nhân Raskonikov phục thiện và trở-thành một con người mới. Vậy niềm tin của Sonya là một thực-sự có sức sống.

Sonya tặng cho Raskolnikov một cây thập-tự và đọc Kinh-Thánh Phúc-âm cho anh nghe. Nhờ đó tên sát-nhân này đã hồi tâm, ra đầu-thủ công-an, sẵn- sàng chịu bị dày qua Tây-bá-lợi-á và bắt-đầu sống một cuộc sống mới. Giả sử Sonya tặng cho anh một kỷ-vật có hình “Búa và lưỡi liềm” rồi đọc cho anh nghe những bài diễn-văn của Stalin hay quyển Tư-bản-luận của Marx (Mác) thì anh đã phản- ứng như thế nào ?

Nhờ tình yêu của Chúa mà cả hai, cô gái đáng thương Sonya và tên sát- nhân hồi tâm Raskolnikov, đã có được một niềm tin.

Đối với nhiều người, tôn-giáo chỉ là một trong những nguồn vui khác nhau trên đời, là một yếu-tố làm cuộc đời thêm đẹp, bên cạnh nghệ-thuật, tiện- nghi... Đối với một số người khác, tôn-giáo là tất cả. Họ khát-khao Thượng-Đế như nai thèm khát nước suối. Họ chứng rằng họ biết Thượng-Đế. Họ ca-tụng Thượng-Đế là Đáng yêu-thương họ. Họ tin-tưởng xin Chúa hướng-dẫn mình, mặc- dầu cuộc đời của họ lóit đầy chông-gai.

Những người này rất thông-cảm với các bạn vô-thần, nhưng các bạn vô-thần có hiểu họ không ?

Vào tháng 9 năm 1932, đặc-san Xô-viết “Molodoja Gardija” đăng tin: Theo kế-hoạch 5 năm của chủ-nghĩa vô-thần thì đến năm 1937 tất cả những dấu-vết của tôn-giáo sẽ bị xóa-bỏ và giáo-lý của Chúa Cứu-thế Giê-xu sẽ bị tiêu-diệt mãi mãi. Những điều đó đã không thành sự thật. Trái lại Cơ-đốc-giáo đã bành- trướng mạnh-mẽ trong nhiều nước cộng-sản, dầu rằng tín-hữu bị cấm- đoán và ngược-đãi. Tại sao ? Chủ-nghĩa vô-thần chỉ có lý nếu chủ-nghĩa này khám phá ra được nguồn-gốc của niềm tin thiêng-liêng.

## CHỦ NGHĨA VÔ THẦN VÔ LÝ.

Xã-hội con người thay-đổi nhanh-chóng. Nhiều tôn-giáo đã không thể thay đổi hợp với trào-lưu tiến-hóa của xã-hội. Một số các bậc lãnh-đạo tôn-giáo thường giảng-dạy về những bài biện-luận của Chúa Giê-xu, về những nan-đề của con người trước đây 2000 năm thay vì dựa theo tinh-thần của Chúa giải- đáp những nan-đề của xã-hội ngày nay. Có thể vì thế mà nhiều người đi đến kết-luận: Tôn-giáo xa rời xã-hội hiện-đại.

Ngoài ra còn nhiều nghi-lễ đã lỗi-thời. Thêm vào đó Giáo-hội còn quá- quyết có khả-năng giải-cứu con người khỏi địa-ngục. Nếu điều này là sự thực thì Giáo-hội phải thể-hiện tình yêu của mình đối với quần-chúng bằng cách giải-phóng quần-chúng khỏi địa-ngục mù chữ, địa-ngục thiếu ăn, địa-ngục nghèo khổ, địa-ngục độc-tài, địa-ngục bóc-lột, địa-ngục ô-nhiễm môi-trường sinh sống và địa-ngục chiến-tranh.

Tín-hữu cơ-đốc chấp-nhận tất cả những lời phê-bình này của các bạn vô-thần. “Tình yêu tin tất cả.” (Kinh-Thánh sách Cô-rinh-tô chương 13 câu 7). Chúng tôi tin nơi lý-trí của các bạn vô-thần. Chúng tôi cũng nghĩ như Hegel (Hê-ghen): “Tất cả mọi điều hiện-hữu đều hợp-lý”, kể cả chủ-nghĩa vô-thần. Các bạn vô-thần sẽ thất-lợi nếu các bạn không thông-cảm niềm tin của chúng tôi. Có một khuynh-hướng triết-lý tên là thuyết “Vô-thần Cơ-đốc”. Các đạo-sĩ nổi-tiếng như thầy Êt-cơ-hát dạy rằng, nếu ta hợp-nhất với Thượng-Đế thì ta sẽ không thể nào ca-tụng một vị nào khác. Nhưng không có một khuynh-hướng nào tên là “Cơ-đốc-giáo vô-thần” cả. Giáo-lý cơ-đốc phản-ảnh toàn-thể thực-trạng, còn chủ-nghĩa vô-thần phản-ảnh

một phần của thực-trạng mà thôi.

Người vô-thần chủ-trương thuyết duy-vật. Tín-hữu cơ-đốc cũng tán-đồng thuyết duy-vật. Giáo-lý căn-bản của Cơ-đốc-giáo là: Thượng-Đế đã trở-thành người, nghĩa là trở-thành vật-chất, qua Chúa Cứu-thế Giê-xu. Thượng-Đế của chúng tôi không phải chỉ là một ý-niệm mà là một nhân-vật. Mục-tiêu của Cơ-đốc-giáo không phải chỉ là giải-phóng phần tâm-linh của con người nhưng cũng là sự sống và là sự sống vĩnh-viễn của thể-xác. Tuy-nhiên chúng tôi không dừng lại ở thể-xác như các bạn vô-thần. Khuynh-hướng duy-vật vô-thần rất phiền-diện vì không đặt căn-bản trên tình yêu và chân-lý, không nhận Thượng-Đế là Đấng đang quản-trị thế-giới này. Có đồng tiền nào lại chỉ có một mặt mà thôi không ? Hay có dòng điện nào lại chỉ có một cực ? Cơ-đốc-giáo bao trùm cả hai phương-diện tinh-thần lẫn vật-chất. Chủ-nghĩa vô-thần sai-lầm vì chủ-nghĩa này phiền-diện. Có một anh ngốc đem một cái lọ đi mua bột và muối. Người nhà dặn anh không được để bột trộn chung với muối; hai thứ ấy phải để riêng ra. Anh ngốc mua bột trước, người bán hàng đổ bột vào đáy lọ. Rồi chợt nhớ người nhà dặn, anh lật ngược lọ bột lại xin người bán hàng đổ muối lên đáy lọ (bên ngoài) ! Anh vừa lật ngược lọ, bột trong lọ rơi tất cả xuống đất, nhưng may còn một ít muối đem về. Về đến nhà, người nhà hỏi: “Bột đâu ?”, anh ngốc lật lọ lại, đến lượt muối rơi tất cả xuống đất !

Người vô-thần nhiều lúc cũng tương-tự như anh này. Các bạn phê-bình tôn-giáo rất chín-chắn. Các bạn có muối, nhưng phải chăng các bạn đã đánh rơi tất cả bột xuống đất rồi ?! Phải chăng các bạn đã đánh mất tất cả

những lập-luận chính-đáng để xây-dựng tôn-giáo ? Và rồi, phải chăng cuối cùng, khi gặp hoàn-cảnh khẩn-trương, các bạn sẽ đánh rơi luôn lớp muối vô-thần bên ngoài của mình ?! Cơ-đốc-giáo hãnh-diện vừa có bột vừa có muối. Triết- lý của Cơ-đốc-giáo là triết-ly mà Sô-lô-vi-ép gọi là “duy-vật duy-tâm”, vừa bao gồm vật-chất, vừa bao gồm Thượng-Đế là Đấng đã sáng-tạo ra vật-chất. Cơ-đốc-giáo là đạo của chân-ly nên cởi-mở đón mời, không những cởi-mở đón mời mà còn hoan-nghehnh tất cả những phê-bình liên-hệ đến chân-ly. Tất-cả những phê-bình này có thể ví tựa như dây cương thúc ngựa chạy nước đại trên con đường chân-ly vậy. Niềm-tin sinh-tồn nhờ sự sửa-sai và chấp-nhận những kích-thích tìm hiểu chân-ly.

Có một câu chuyện kể như sau: Một ngày kia, Mặt Trời và Mặt Trăng cãi với nhau. Theo Mặt Trời, lá cây có màu xanh. Ngược lại, Mặt Trăng cho rằng lá cây màu bạc. Mặt Trăng nói, con người trên địa-cầu ngủ nhiều quá, Mặt Trời cãi lại, con người làm việc nhiều. Mặt Trăng hỏi: “Tại sao dưới địa- cầu yên-lặng vậy ?” Mặt Trời hỏi lại: “Ai nói với chị như vậy ? Dưới địa- cầu ồn-ào lắm !” Hai bên cứ tiếp-tục cãi với nhau như vậy !

Bỗng đâu có Ngọn Gió chợt đến, lắng nghe cuộc tranh cãi, rồi mỉm cười: “Hai anh chị cãi nhau chi vậy ! Tôi thì thổi mỗi khi anh chị chiếu sáng. Ban ngày, lúc anh Mặt Trời chiếu sáng thì dưới địa-cầu ồn-ào, con người làm việc và lá cây có màu xanh đúng như lời anh nói vậy. Còn ban đêm, lúc chị Mặt Trăng chiếu sáng, thì cảnh-vật hoàn-toàn khác hẳn. Lúc đó địa-cầu đi ngủ nên yên-tĩnh và lá cây màu bạc, cũng có khi màu đen lúc chú Mây che ánh sáng của chị. Cả anh và chị đều nói đúng sự thật.

Người duy-vật chỉ nhìn sự vật theo bình-diện duy-vật mà tưởng mình nhận-thức được toàn-thể chân-ly. Các phật-tử thì cho rằng nhân-duyên là chân-ly duy-nhất, vật-chất chỉ là hư-vô. Nhưng Kinh-Thánh xử-dụng - trong tiếng Hy-bá-lai cũng như tiếng Hy-lạp - cùng một từ-ngữ để chỉ

“Linh” và “Gió”. Gió - “Linh” - thổi đến bốn phương trời trong tất cả mọi mùa. Ai có Linh của Thượng-Đế sẽ nhìn thấy được toàn-thể sự thật. Người đó sẽ không còn chỉ duy-vật hay chỉ duy-tâm nữa.

Ngoài ra Kinh-Thánh cũng dạy ta phải cẩn-thận đối với các khuynh-hướng triết-học vì hầu hết các triết-gia chỉ chủ-trương theo quan-điểm cá-nhân của họ. Quan-điểm luôn-luôn phiến-diện. Quan-điểm của cá-nhân không có khả-năng nhận-định quan-điểm của tha-nhân. Nếu đứng từ một chỗ để quan-sát một căn phòng, tôi sẽ thấy căn phòng không có cửa, quay lại tôi sẽ thấy cửa lớn, nhưng căn phòng không có cửa sổ, nếu nhìn lên tôi sẽ không thấy nền, nhìn xuống tôi sẽ thấy căn phòng thiếu trần. Chúng ta chỉ có thể nhận-thức sự vật một cách hoàn-toàn hơn nếu biết tránh không gò bó mình vào một phiến diện nào cả. Lý-tưởng của tín-hữu của Chúa Cứu-thế Giê-xu là “nên thánh”. Chữ “nên thánh” trong tiếng Anh là “whole” (hoàn-toàn, toàn thể), trong tiếng Nga là “swjatoi” (thánh), có nghĩa là chiếu sáng; trong tiếng Đức cũng tương-tự. Như vậy, “nên thánh” có nghĩa là “từ bỏ quan-điểm”.

Feuerbach (Phôi-ơ-bát) nói: “Không có Thượng-Đế. Sự kiện này rõ-ràng như mặt trời và dễ thấy như mặt trăng. Hay nói khác hơn, không thể có Thượng-Đế được.” Chính chủ-nghĩa vô-thần, chứ không phải Cơ-đốc-giáo, đã hứa-hẹn có khả-năng đưa ra lời giải-đáp có giá-trị tuyệt-đối. Nhưng nếu “sự-kiện Thượng-Đế không hiện-hữu rõ như ban ngày” thì tại sao tất cả mọi người đều nhìn-nhận sự thực-hữu của mặt trời, còn chủ-trương phủ-nhận sự hiện-hữu của Thượng-Đế lại bị nhiều người phản-đối ?

Theo các bạn vô-thần, chủ-nghĩa vô-thần hiển-nhiên và dễ hiểu. Vậy tại sao một sự-kiện hiển-nhiên dễ hiểu lại cần phải được tuyên-truyền ? Tín-hữu của Chúa Cứu-thế không quan-niệm Cơ-đốc-giáo hiển-nhiên dễ hiểu như hai với hai là bốn. Nếu Cơ-đốc-giáo hiển-nhiên dễ hiểu



như vậy thì đã không có ai theo chủ-nghĩa vô-thần rồi. Theo chúng tôi, nhiều quan-điểm của các bạn vô-thần có lý. Chúng tôi hiểu những quan-điểm đó. Nhưng vì các bạn vô-thần chỉ biết chủ-nghĩa vô-thần và gạt bỏ quyền sống của tôn-giáo thì chủ-nghĩa vô-thần vô-lý.

Mác Sô-ti-nê, lý-thuyết-gia phủ-nhận tất cả quyền-hành của nhà nước, đã nhận thấy những ung-nhọt của xã-hội và chủ-trương tiêu-diệt xã-hội con người. Nhưng chính ông cũng là một phần-tử của xã-hội đó. Các học-trò của Sô-pen-hau chủ-trương con người chỉ có thể giải-quyết các nan-đề của mình bằng cách tự-tử. Nhưng khi trong thành-phố có bệnh dịch-tả thì chính ông cũng đã tìm cách chạy trốn.

Chúng ta đã nhận-định những điều hợp-lý của chủ-nghĩa vô-thần. Ngoài ra chủ-nghĩa vô-thần còn có những điểm hợp-lý khác nữa. Nhưng các bạn vô-thần cũng nên nhận-định những điểm hợp-lý của tôn-giáo. Có lẽ nhờ đó chúng ta có được một mẫu-số chung.

# NHỮNG QUAN ĐIỂM SAI LẦM CỦA QUYỀN

## "CHI NAM VO THAN MOSKAU"

Các tác-giả vô-thần ở Moscow (Mốt-cau) đã ngồi lại viết quyển sách “Chỉ Nam Vô Thần” để bàn về những vấn-đề của cuộc sống. Những vấn-đề đó rất khó giải: Thượng-Đế hiện-hữu hay không ? Con người có những hy-vọng và những thất-vọng nào ? Tôn-giáo đóng vai-trò nào ? v.v...

Các tác-giả này là những người nào ?

Quý vị học-giả vô-thần này quả-quyết rằng họ không do Thượng-Đế dựng nên. Theo quan-điểm của họ, luật tiến-hóa của vật-chất không có kế-hoạch nào định trước để sản-xuất ra họ.

Vậy thì làm sao lý-trí của những vị học-giả này, những lý-trí thành-hình do sự gặp-gỡ ngẫu-nhiên của các nguyên-tử di-động, có khả-năng khám phá chân-lý ?

Hồi còn trẻ tôi rất yêu nhạc, nhưng nhà nghèo, cha mẹ không có đủ tiền cho tôi đi học nhạc ! Ngày nay, nhiều lúc hứng-khởi tôi cũng viết một vài nốt nhạc lên khung nhạc, nhưng những nốt nhạc đó không thể tự hình thành một bản nhạc được.

Tôi may-mắn có cơ-hội học một vài ngoại-ngữ khác nhau. Có lẽ tôi có khoảng một triệu từ-ngữ khác nhau trong đầu. Ngoài ra cũng như bao nhiêu người khác, tôi còn có kiến-thức về toán-học, địa-lý, vật-lý, nghệ-thuật... Vậy mà lý-trí có thể lựa-chọn những từ-ngữ thích-hợp cho

những trường-hợp thích-hợp, lựa chọn giọng nói, cách diễn-đạt... để có thể diễn-tả điều tôi muốn trình-bày. Chủ-trương cho rằng sự-kiện này là kết-quả của sự gặp-gỡ ngẫu-nhiên của các nguyên-tử di-động là một chủ-trương vô-lý. Đó là chưa bàn đến sự chuyển-động của vũ-trụ.

Nếu tính một thế-kỷ có ba đời - hai cha mẹ, bốn ông bà nội ngoại, tám ông bà cố...- tôi có thể tính được vào đời nào tôi có một triệu tổ-tiên. Tôi thừa-hưởng tính-tình do tổ-tiên để lại. Tôi là sản-phẩm của một cuộc chiến-đấu sống còn của tổ-tiên tôi. Nhưng tôi có biết gì về các bậc tổ-tiên tôi không ? - Không ! Tôi có biết gì về những điều mà tổ-tiên tôi đã di- truyền lại không ? Tổ-tiên đã để lại ngôn-ngữ để tôi suy-tư, một xã-hội có tổ-chức để tôi sinh trưởng. Tôi không quen biết tổ-tiên. Tôi cũng không biết gì về thuở thơ-ấu của mình mặc-dẫu thuở thơ-ấu là giai-đoạn quan-trọng đối với vấn-đề chấp-nhận đức-tin tôn-giáo hay chủ-nghĩa vô-thần trong tương lai.

Tôi sống trong một thế-giới tí-hon. Địa-cầu chỉ là một hạt bụi trong vũ-trụ. Đối với chúng ta con người đặt chân lên mặt trăng là một chuyện phi-thường. Lớp khí-quyển xung-quanh địa-cầu và toàn thể nhân-loại đang sống trong lớp khí-quyển đó rất bé-bỏ sánh với vũ-trụ mênh-mông. Về phần tôi, tôi chỉ là một cá-nhân vô-nghĩa bên cạnh hàng triệu cá-nhân khác.

Trong số mười ngàn người không có được một người biết tên của quyển sách nổi tiếng nhất thế-giới. Trong số một triệu người không có được một người đã từng đọc tác-phẩm đó. Có bao nhiêu người đã từng nghe danh các tác-giả của quyển “Chỉ Nam Vô Thần” ?

Có lần tôi quên tên tác-giả của quyển “Tội và giải tội”. Tôi phải hỏi đến người thứ hai mươi mới biết tên của tác-giả là Dostoievski.

Con người rất bé nhỏ. Kiến-thức của con người về vũ-

tụ không rộng hơn kiến-thức về chủ-nghĩa vô-thần của một con mối đang ăn sách của Karl Marx.

Nghe tiếng chim trời ca hát lòng ta cảm thấy vui vui mà không biết con chim nào sắp là mồi ngon của các chim ưng ! Gió thổi, ta nghe tiếng rì-rào của cành lá mà không biết cây nào đang bị sâu ăn ! Ta thích được nổi-tiếng, thích có tiền, tài, danh, vọng. Các bậc sống trước ta cũng thích như vậy, nhưng nay họ chỉ là bụi đất !

Bukharin (Bu-ca-rin) từng là một lý-thuyết-gia rất lớn của chủ-nghĩa vô-thần. Trong tác-phẩm “Duy-vật biện-lý”, Bukharin đã dẫn-nhập với lời ca-tụng chủ-nghĩa này, vì theo ông, chủ-nghĩa vô-thần có thể giúp ông nhìn thấy tương-lai. Điều duy-nhất mà Bukharin không thấy trước là sau này ông bị chính các đồng-chí của mình tra-tấn và ám-sát.

Viết một quyển sách để giúp đời là một công-tác đòi-hỏi nhiều khôn-khéo. Nhưng có tác-giả nào biết được rằng đọc-giả tương-lai của mình đang vui hay đang buồn và tác-phẩm của mình sẽ giúp ích được gì cho đọc-giả ?

Có ai biết được rành-rẽ về một trong số hàng tỷ tế-bào đã cấu-tạo ra trí-khôn không ? Chỉ cần một sự lệch-lạc nho-nhỏ cũng đủ làm tác-giả viết ra những điều ngớ-ngẩn. Các bậc thiên-tài đã từng có những kinh-nghiệm này. Điều này có thể xảy ra cho bạn không ? Các bạn đã nhận thấy các điều ngớ-ngẩn trong tác-phẩm của người khác. Trong các tác-phẩm của các bạn có điều nào ngớ-ngẩn không ? Các bạn không biết gì về cơ-thể của mình, các bạn có biết gì về thế-giới vô-thức của mình không ? Về phần tôi ngày nào tôi cũng ngạc-nhiên về chính mình.

Chúng ta đang sống trong một cuộc đời đầy bí-hiểm trên một thế-giới đầy bí-hiểm. Chúng ta không biết gì về thế-giới đó vì chúng ta bị giam trong ngục-tù của giác-quan.

Các bạn vô-thần quả-quyết không có Thượng-Đế. Tại sao các bạn có thể quả-quyết như vậy ?

Quyển sách này được viết trong ngục-tù. Công-an giữ ngục thường khám tù mỗi ngày để tịch-thu cờ-tướng, dao, đinh, sách và giấy. Nhưng họ không tìm được gì hết vì tù-nhân chờ lúc công-an đi rồi mới lấy những thứ đó ra. Họ tìm những thứ họ cấm nhưng họ không tìm thấy. Tìm không thấy chứ không phải những thứ đó không có. Ai đã từng lục-lọi vũ-trụ và dám quả-quyết rằng không có Thượng-Đế ?

Các bạn vô-thần có chắc-chắn các bạn biết rành về những điều các bạn quả quyết không ?

Mãi cho đến gần đây người ta còn chủ-trương các nguyên-tố đơn-thuần không thể thay-đổi. Chủ-trương này đặt căn-bản trên những kinh-nghiệm từ hàng ngàn năm nay. Nhưng chủ-trương này sai-lầm ! Các học-giả đã tưởng lầm rằng nguyên-tử không thể chia cắt được và con người không thể thám-hiểm cung trăng. Các học-giả đã dựa trên kinh-nghiệm của con người và đã sai-lầm. Các bạn vô-thần thân mến, làm sao các bạn có lý được ?

Giáo-sư thần-học Tertulian (Téc-tu-li-an) đã từng bị chế-nhạo vì câu nói “Credo quia impossibile” (Tôi tin vì phi-lý). Ngày nay khoa-học đã thực-hiện được những điều mà lý-trí đã từng cho là phi-lý và không thể hiểu được.

Con người rất bé nhỏ và vô giá-trị. Con người không biết gì hết. Kinh- Thánh sách I Cô-rinh-tô chương 8 câu 2 dạy: “Ai tự nghĩ mình hiểu-biết nhiều là người chưa biết đủ những điều đáng phải biết.”

## NHỮNG NGƯỜI CHỐNG CHÚNG TÔI LÀ AI ?

Nếu một nhân-viên cảnh-sát mặc thường-phục muốn xét giấy-tờ thì tôi sẽ hỏi lại xem người đó có phải là cảnh-sát thực hay không. Người đó phải chứng minh mình là cảnh-sát. Nếu không người đó không có quyền xét hỏi tôi.

Nếu bây giờ, trước những sự-kiện khó hiểu trong vũ-trụ, tôi đến hỏi con quái-vật Sphinx (trong truyền-thuyết Ai-cập, có đầu người mình sư-tử !): “Mi là ai ? Mi có phải là một vị thần không ? Mi đã được đúc nặn hay mi đã tự sinh ra từ thời miên-viễn ?”, chắc con vật sẽ trả lời: “Con người bé nhỏ kia ơi, trước hết hãy nói cho ta biết mi là đã ! Mi xứng-đáng được mặc-khải những điều nhiệm-mầu này không ? Và nếu bây giờ ta trả lời các câu hỏi của ngươi, liệu ngươi có đủ khả-năng hiểu và chấp-nhận chân-lý một cách tuyệt-đối, đầu rằng chân-lý đó đi ngược lại với quyền-lợi của ngươi và nhất là đi ngược lại với những điều mà ngươi vẫn hằng tin-tưởng và yêu-mến ?

Các học-giả vô-thần chối bỏ sự hiện-hữu của Thượng-Đế. Nhưng chính họ có hiện-hữu hay không ? Họ là ai ? Họ có thể minh-chứng sự hiện-hữu của mình không ?

Nếu ngày nay một học-giả vô-thần muốn đặt những câu hỏi phạm đến Thượng-Đế thì người đó phải giả-thiết và minh-chứng sự hiện-hữu của dãy ngân-hà hằng tỷ năm trước ngày người đó sinh ra đời. Sự di-hành của địa-cầu - không gian của sự sống - được điều-chỉnh đều-đặn là nhờ các ngôi sao, mặt trời, các định-luật chuyển-động... Các bạn vô-thần có thể đặt ra những câu hỏi phạm-thượng là nhờ sự hiện-hữu của nước, cây-cỏ, súc-vật, cơ-thể, nhờ điện- lực và sức nóng, nhờ có gạo và trà, nhờ nắng và mưa,

nhờ sự thực-hữu của cá- nhân con người, nhờ các bậc tổ-tiên, nhờ sữa và tình thương của người mẹ. Nếu dựa vào giả-thiết của các bạn vô-thần mà lý-luận thì một thực-hữu vô căn cứ đã hình thành một học-giả vô-thần cũng như một tín-hữu của Chúa bằng những tác-dụng thay-đổi của thời-gian và sự ngẫu-nhiên trong một khoảng thời gian dài - không thể ước tính - hằng tỷ năm.

Tại sao ? Quý vị là ai ? Tại sao quý vị hiện-hữu ? Quý vị hiện-hữu thật sự không ?

Ta chỉ có thể trả lời những câu hỏi này một cách mập-mờ ! Cũng như câu hỏi: Tại sao địa-cầu, như thế có hện-hò trước, di-hành không ngừng trong thái-dương-hệ trên một quỹ-đạo nhất-định ? Trả lời: Sức hút ! Nhưng sức hút của vũ-trụ là gì ? “Thu hút”, “hấp-dẫn”, là từ-ngữ diễn-tả tình yêu. Ai yêu và ai được yêu ?

Các bạn vô-thần đã phát-biểu rất nhiều. Nhưng nếu nay ta không lắng-nghe tiếng nói của người mà thử lắng-nghe tiếng xào-xạc của lá cây, tiếng rì-rào của suối nước, tiếng rít của gió-bão, tiếng hót của chim-muông và của các bé thiếu-nhi, ta sẽ thấy thế nào ? Có lẽ những âm-thanh này phong-phú hơn tiếng nói của con người rất nhiều !

Người nào sống hòa-hợp với thiên-nhiên sẽ có đức-tin. Chủ-nghĩa vô-thần buổi đầu xuất-thân từ thành-thị, là suy-tư méo-mó của những người sống cô-lập, nếu xét về phương-diện xã-hội.

Chúng ta hãy thử yên-lặng lắng-nghe. Vẻ đẹp của tuyết trắng, của cỏ cây, của bông hoa... đến từ đâu ? Mọi thứ, mọi loài đẹp như thế một bức hình thêu. Sự cấu-tạo kỳ-lạ của các nguyên-tử bởi đâu mà có ?

Ai đã làm cho một âm điện-tử chạy quanh một quỹ-đạo một trăm triệu lần trong vòng một phần trăm ngàn của một giây đồng-hò ?

Bạn đã từng thấy một cái máy gồm tám mươi tỷ máy điện nhỏ chưa ? Máy này có thể sản-xuất, thu-nhận, ghi-chú,

phát ra... Đó là cơ-thể của bạn. Nếu có ai tặng bạn một chiếc xe hơi chắc bạn mừng lắm, nhưng bạn hiện đang có một cái máy còn tốt, đẹp, quý hơn xe hơi nhiều. Ai đã tặng cho bạn cái máy này vậy ?

Tại sao mỗi lần chúng ta có ý-định làm một điều bất-nhân bất-nghĩa hình như có một cánh tay giữ chúng ta lại. Cánh tay đó của ai ? Rồi những lúc chúng ta vô lương-tâm thực-hiện một điều bất-nhân bất-nghĩa thì sau đó chúng ta cảm thấy hối-hận. Tại sao ?

Con người là ai mà dám hỏi xuất-xứ của chân-lý ? Nếu Chân-lý hỏi chúng ta: “Vì mi quá kiêu-ngạo nên hãy nói cho ta biết trước, mi là ai ?”, liệu chúng ta có thể trả lời câu hỏi đó không ? Khoa-học càng phát-triển, kiến- thức của con người càng rộng, nhưng các nan-đề khó giải lại càng tăng thêm nhiều hơn nữa.

Chúng ta vận hỏi chân-lý, vận hỏi về những lẽ huyền-nhiệm sâu-xa, về mục đích, về chương-trình của chân-lý, và vận hỏi về sự hiện-hữu của Đấng Tạo- hóa. Chân-lý phải trả lời cho ai và trả lời bằng ngôn-ngữ nào ? Ngôn-ngữ của các bộ-lạc dã-man thời xưa không có những danh-từ trừu-tượng như tình yêu, đức-tin, tha-thứ, thần-linh, thánh-thiện... Vì thế nên công-tác truyền-giáo của các giáo-sĩ đầu-tiên bị giới-hạn phần nào. Các bạn có một ngôn-ngữ đồng nhất với ngôn-ngữ của chân-lý hay không ?

Và chân-lý phải tiếp chuyện với ai ? Các bạn chỉ chấp-nhận lý-trí. Nhưng theo thuyết duy-vật của các bạn thì lý-trí chỉ là phương-cách hoạt-động của trí-khôn con người. Trí-khôn của một con voi có cách cấu-tạo khác. Người ta gọi trí-khôn của thú-vật là bản-năng. Các bạn đặt cho trí-khôn của các bạn bằng một cái tên đẹp hơn. Dầu vậy các bạn cũng chủ-trương rằng, hai loại trí-khôn này chỉ là những trường-hợp ngẫu-nhiên của sự tiến-hóa, là kết-quả của sự gặp-gỡ ngẫu-nhiên của các nguyên-tử trên vũ-trụ,



không có sự hướng- dẫn của Đấng Tạo-hóa.

Theo các bạn, chủ-nghĩa vô-thần là chân-lý. Nhưng nếu các bạn muốn dùng chữ “chân-lý” gán cho chủ-nghĩa vô-thần thì các bạn phải định-nghĩa chữ chân-lý trước.

Tổng-đốc Phi-lát đã hỏi Chúa Cứu-thế Giê-xu: “Chân-lý là gì?”. Người nào không có khả-năng trả lời câu hỏi này sẽ không có đủ thẩm-quyền để xác-định chân-lý. Nhưng người nghi-ngờ thường gọi “chân-lý” là “suy-đoán”, hay là “ảo-tưởng”. Nhưng điều mà họ cho là “ảo-tưởng” cũng có thể là “chuyện khó tin nhưng có thật”. Môn bói-toán là một trong những “chuyện khó tin nhưng có thật” ấy đã là nguồn-gốc của môn thiên-văn-học. Vậy xin các bạn định-nghĩa chữ Chân-lý.

Người vô-thần có thể cho rằng chân-lý tùy thuộc vào giai-cấp xã-hội. Điều-kiện kinh-tế của môi-trường sinh sống quyết-định cách suy-nghĩ của con người.

Trong một bức thư gửi cho Cluss đề ngày 7 tháng 12 năm 1852, Marx đã đề- cập đến tình-trạng kinh-tế của mình. Marx kể rằng mình sống gần như mình sống trong tù, không có quần áo, giày dép, và cả gia-đình rất nghèo khổ. Đọc thư ai cũng tội-nghiệp cho Marx. Kết-quả là chủ-nghĩa Mác-xít đã trở-thành hiện thân của giai-cấp không có quần áo, giày dép. Ngày nay ai ai cũng có quần áo, giày dép, kể cả những người vô-sản. Chủ-nghĩa Mác-xít như vậy không còn hợp-thời nữa. Chúng ta ngày nay cần có chân-lý riêng cho chúng ta. Chủ- nghĩa Mác-xít tự cho mình là chân-lý nhưng không thể định-nghĩa chân-lý là gì !

Điểm đặc-biệt là chủ-nghĩa Mác-xít tự nhận mình là lý-thuyết của giai- cấp vô-sản nhưng gạt bỏ những suy-tư về chân-lý của người vô-sản. Marx viết trong thư gửi Sorge đề ngày 19 tháng 10 năm 1877 như sau: “Ngay cả công-nhân, nếu họ bỏ lao-động tay chân làm những công-việc trí-óc thì họ cũng sẽ trở- thành cái ”họa lý-thuyết“ và sấn-

sàng nhập bọn với những tay ngoan-cổ...” Theo Marx, những phong-trào sinh-viên cực-đoan cũng không có chân-lý. Marx viết: “Các sinh-viên Nga đã mắc phải những điều vô-nghĩa ngu-đần.” Vì thế đối với chủ-nghĩa Mác-xít, chỉ có một định-nghĩa chân-lý duy-nhất: “Chân-lý là những điều ta suy-nghĩ khi ta không có giày dép.”

Chúng tôi xin tạm nêu ra một định-nghĩa về chân-lý: Chân-lý là sự tồn-tại của đối-tượng suy-tư (sự thực) dựa vào kiến-thức riêng của chúng ta. Nhưng sự-kiện tồn-tại không minh-chứng được rằng ta hiểu sự thực một cách đúng-đắn. Vì nếu ngược lại thì ta không thể giải-thích sự tồn-tại của những điều sai-lầm. Các bạn quả-quyết rằng tôn-giáo sai-lầm. Nhưng tôn-giáo là sự tồn-tại của sự thực dựa vào cá-tính của một người khác. Vì thế cho nên mặc dầu con người đang sai-lầm nhưng vẫn có thể tưởng rằng cách suy-nghĩ của mình là đúng. Như vậy các bạn là nạn-nhân của sự lầm-lẫn ấy.

Giả sử một cơ-đốc-nhân trở-thành một người vô-thần, người ấy cho rằng cách suy-nghĩ trước đây của mình là sai-lầm. Người ấy chấp-nhận một lý-thuyết mới nhưng có kinh-nghiệm là mình có thể sai-lầm. Làm sao người ấy có thể biết chắc rằng lần này mình không sai-lầm nữa ? Có lẽ người ấy cảm thấy rằng sự suy-nghĩ của mình bây giờ dựa vào sự thật. Nhưng khi còn mộ đạo thì người ấy cũng nghĩ như vậy. Xin các bạn chấp-nhận điểm này: con người cần có một ánh-sáng dẫn đường mới có thể nhận thấy đâu là sự thật đâu là ảo-tưởng, cái gì là chân-lý cái gì sai-lầm. Ngay cả những điều mà người vô-thần tin-tưởng cũng có thể tồn-tại nếu người ấy biết chấp-nhận ánh sáng thiên-thượng mà tôn-giáo đang tôn-sùng.

Thượng-Đế phải phán với các bạn bằng tiếng nói của lý-trí ? Lý-trí có thể hiểu được bao nhiêu ? Lý-trí đã từng biện-hộ cho chế-độ nô-lệ, chế-độ quân-chủ chuyên-chế, mê-tín dị-đoan. Lý-trí đã cho phép chúng ta hoan-hô các nhà độc-tài và các thế-chiến. Pe-phíc-to nói: “Con người

gọi nó là lý-trí và xử-dụng nó để sống thú-vật hơn chính là thú-vật." Con người luôn yêu-chuộng những điều hợp-lý, có hệ-thống và trí-thức.

Nhưng lý-trí thường bị tình-cảm chi-phối. Ước-mong được nổi-tiếng và chiếm-hữu cũng ảnh-hưởng đến lý-trí. Lý-trí duy-nhất không thể đưa ta đến kết-quả chính-xác. Nhưng tại sao các bạn bỏ công đi tìm kết-quả chính-xác trong khi chính các bạn lại không được lòng yêu-chuộng chân-lý thúc-đẩy ? Lòng yêu-chuộng chân-lý là một tình-cảm rất mạnh-mẽ, có thể là một trở-ngại, nhưng trong nhiều trường-hợp lại là động-cơ thúc-đẩy ta suy-nghĩ đúng-đắn. Yêu chân-lý là điều-kiện tiên-quyết.

Bằng-chứng không chỉ có ngoại-diện. Có những bằng-chứng có nội-diện hoàn toàn mâu-thuẩn với lý-trí. Bằng-chứng nội-diện này - niềm tin - là một trong những sự thực quan-trọng trong cuộc đời. Vì thế niềm tin, cũng như những điều khác trong thiên-nhiên, phải được kính-trọng và giải-thích.

Thuyết của Einstein (Ai-nơ-sơ-tai-nơ) đặt căn-bản trên những giả-thiết bên ngoài lý-trí.

Chủ-nghĩa vô-thần cũng đặt căn-bản trên một niềm tin, cũng có những giả- thiết của mình. Chủ-nghĩa này đặt căn-bản trên giả-thiết cho rằng cuộc đời chỉ có giá-trị nếu cuộc đời từ-khước Đấng-Không-Hiện-Hữu. Nít-sơ, một người rất chống-đối các tín-đồ của Chúa Giê-xu, đã thành-thật thú-nhận điều này. Ông viết: "Ngay cả chúng ta là những người yêu-chuộng kiến-thức, là những người vô-thần, vẫn còn phải lấy lửa từ ngọn lửa do niềm tin thấp sáng. Niềm tin này đã cũ hàng ngàn năm. Đó là niềm tin vào Chúa Cứu-thế, cũng là niềm tin của Plato, tin rằng Thượng-Đế là Chân-lý, và rằng Chân-lý là Thiên- Thượng."

Nếu cảm-giác đóng một vai-trò quan-trọng trong niềm tin của người tín-đồ lẫn người không tin như thế thì tại sao Đấng Tối-Cao lại phải trò-chuyện với lý-trí kiêu-hãnh

mà không trò-chuyện với cảm-giác ? Lenin viết trong “Tập- san Triết-học” rằng, vật-chất có khả-năng tự phản- chiếu. Vật-chất tự phản- chiếu trong suy-tư. Trong suy-tư của ai ? Trong suy-tư của một người. Nếu tất cả những điều chúng ta suy-tư đều là phản- chiếu của thực-tại và nếu tất- cả sự suy-nghĩ của chúng ta đều riêng-tư thì thực-tại cuối-cùng phải là một người mà chúng ta chỉ có thể hiểu một cách mập-mờ hay méo-mó, hay hiểu mà không biết thực-sự là hiểu ai. Chúa Giê-xu dạy rằng Chân-lý là một nhân-vật: chính Chúa. Xin các bạn hãy suy-nghĩ lại điểm này. Các bạn sẽ nhận thấy rằng lời dạy của Chúa Giê-xu là chân-lý, là một chân-lý huyền-nhiệm.

Người nào có cảm-tình đối với huyền-nhiệm thì người đó có thể đạt đến chân-lý.

Tại sao các bạn tin và lý-trí ? Như các bạn biết, lý-trí rất bất-cần. Lý-trí lừa các bạn trong giấc ngủ bằng một thế-giới không-tưởng. Lý-trí lừa-đảo các bạn mỗi đêm ! Lý-trí cũng lừa-gạt các bạn trong những giấc-mơ ban ngày và trong óc tưởng-tượng của các bạn. Vậy thì tin-cậy mù-quáng vào lý-trí có còn là hợp-lý hay không ? Hàng triệu người đã dựa vào lý-trí mà hoan-hô Hitler (Hít-le) và Stalin. Cũng lý-trí của hàng triệu người này đã gọi hai nhân-vật ấy là những tay sát-nhân. Chắc-chắn các bạn vẫn thường nhận thấy lý-trí của mình sai-lầm. Lý-trí không hề nói cho chúng ta sự thật mà chỉ kể những điều chúng ta muốn nghe. Lý-trí nói với các bạn vô-thần rằng Thượng-Đế không hiện-hữu. Lý-trí nói với những người mộ đạo rằng Thượng-Đế đáng tin- cậy. Cũng chính lý-trí nói với đảng-viên của các đảng-phái chính-trị rằng chương-trình của đảng mình hay nhất. Chỉ có một sự thật duy-nhất: chính Thượng-Đế. Thượng-Đế tự-hữu và hằng-hữu. Con người, sự sống và các sinh-hoạt của chúng ta hiện-hữu. Chúa bao-phủ tất cả những điều mà Ngài đã tạo-dựng ra. Cũng như hàng tỷ tế-bào trong cơ-thể, mỗi tế-bào là một cơ-quan toàn-vẹn, có tất cả những nhu-cầu sinh-tồn, chỉ

hiện-hữu từ, qua, và bởi cơ-thể. Cũng vậy, tất cả chúng ta đều là một phần-tử của Thực-Thể Tối-Cao. Chúng ta sống trong Thượng-Đế. Nếu chúng ta chống-cự lại Ngài thì sự hiện-hữu của chúng ta không còn giá-trị nữa.

## NAN ĐỀ CỦA NGƯỜI VÔ THẦN.

Nhiều người tự nhận mình theo chủ-nghĩa vô-thần, nhưng những người ấy không phải là những người vô-thần thực-sự. Bá-tước Hô-bát, triết-gia vô-thần của thế-kỷ 18, đã gọi Thượng-Đế là kẻ thù của mình. Theo quan-điểm của Hô-bát, thiên-nhiên tự-nhiên mà có. Thiên-nhiên vô giới-hạn và miên-viễn. Trong thiên- nhiên có luật-lệ, trật-tự, mục-đích và linh. Càng nghiên-cứu quan-điểm về thiên-nhiên của Hô-bát người ta càng có cảm-tưởng Hô-bát lấy chữ thiên-nhiên thay-thế cho chữ Thượng-Đế. Đó không phải là chủ-nghĩa vô-thần thực-sự. Đối với nhiều người, chủ-nghĩa vô-thần chỉ là phản-ứng tự-vệ chống lại nỗi thất-vọng trên đường tìm hiểu tôn-giáo. Chủ-nghĩa vô-thần của họ do lòng mộ đạo bị đè-nén. Thật ra đây là lỗi của chúng tôi đã không giải-thích cho những người này rõ-ràng. Cơ-đốc-nhân cần học cách tiếp-xúc với những người chưa tiếp-nhận Chúa. Các bác-sĩ dùng những danh-từ y-khoa để thảo-luận với nhau. Nhưng bác-sĩ giỏi là bác-sĩ biết nói chuyện với bệnh-nhân bằng ngôn-ngữ dễ hiểu của bệnh-nhân. Một số cơ-đốc-nhân không thể trình-bày đức-tin của mình một cách rõ-ràng mạch-lạc cho các thân-hữu chưa quen-thuộc với những khái-niệm trong Kinh-Thánh. Điều này làm nhiều người sợ tôn-giáo. Vì vậy chúng tôi rất thông-cảm với những bạn ấy.

Chúng tôi rất thương-cảm các bạn vô-thần vì các bạn phải mang gánh rất nặng. Làm người vô-thần khó hơn làm người mộ đạo. Người vô-thần phải có một niềm tin rất vững-chắc. Các bạn thường phê-bình rằng niềm tin của chúng tôi không có bằng-chứng. Chúng tôi xin cố-gắng minh-chứng đức-tin của chúng tôi qua quyển sách

này. Nhưng ai là người có khả-năng minh-chứng thuyết vô-thần ?

Lý-thuyết đầu-tiên là: “Ban đầu có vật-chất, chuyển-động không ngừng, nhờ đó sinh ra sự sống.”

Làm sao các bạn vô-thần biết được điều này ? Nhà thiên-văn-học Hôi-lê đã đưa ra những bằng-chứng phủ-nhận điều này ! Ông viết trong tác-phẩm “Thiên- nhiên và vũ-trụ” như sau: “Để tránh đề-tài sáng-tạo, người ta cho rằng tất cả vật-chất trong vũ-trụ đều có từ ngàn xưa. Điều này khó tin vì một lý-do rất thực-tiến. Nếu tất cả vật-chất đều có từ ngàn xưa thì trong vũ-trụ không có chất hy-đrô nữa. Nhưng tôi đã chứng-minh khi tôi đề-cập đến lòng đất bên trong các ngôi sao, chất hy-đrô biến thành chất khí hê-lium. Sự biến-đổi này có tính-cách một chiều, tức là khí hy-đrô không thể được bào-chế bằng cách phân-tích chất khí tro. Vậy thì do đâu mà vũ-trụ hầu như là được cấu-tạo toàn bằng chất hy-đrô ? Nếu vật-chất có từ nghìn xưa thì sự-kiện này khó có thể xảy ra. Như vậy, khi đề-cập đến vũ-trụ, chúng ta khó có thể tránh không đề-cập đến đề-tài sáng-tạo.

Chúng ta cũng biết rằng, theo định-luật thứ hai của nhiệt-động-học trong tất cả tiến-trình vật-lý của vũ-trụ mà người ta có thể quan-sát được thì năng- lượng càng ngày càng ít đi. Nhưng vì ngày năng- lượng bị sử-dụng hết cũng còn xa nên ta có thể suy-đoán rằng năng- lượng phải có điểm bắt-đầu nào đó chứ không thể chủ-trương năng- lượng tự-nhiên mà có được.”

Kinh-Thánh đã dạy rất có tính-cách khoa-học như sau: “Những sự-vật hữu- hình có thời-hạn.”

Các bạn vô-thần có những bằng-chứng nào chứng-minh ngược lại không ? Điều nào làm cho các bạn tin chắc rằng vật-chất đã có từ muôn thuở ? Vậy mà các bạn cũng phải tin điều này, và tin như vậy không phải là một việc dễ. Tin rằng không có Thượng-Đế, rằng không có người Cha Yêu Thương, rằng không có sự sáng-tạo, rằng cuộc đời không

có hy-vọng, rằng cuộc đời sắp tàn, tin như vậy không phải là dễ.

Phải chăng tất cả đều do sự gặp-gỡ ngẫu-nhiên của các nguyên-tử mà thành ? Nhà văn vô-thần Anatole France (A-na-tôn Phrăn-sơ) viết: “Ngẫu-nhiên có lẽ là ẩn-danh của Thượng-Đế, những lúc mà Ngài không muốn ký tên.”

Con người không có xu-hướng vô-thần khi gặp hoạn-nạn, nguy-hiểm, lúc yêu- thương hay lúc chiêm-ngưỡng. Trong lúc hấp-hối ít có người vô-thần nào còn là vô-thần. Ta phải nhận rằng có một số giữ vững lập-trường đến giờ chót, trong những hơi thở cuối-cùng cũng không để lộ mỗi nghi-ngờ của mình. Nhưng nếu như lúc đó có người mộ đạo bên cạnh thì người vô-thần rất dễ trở nên tiếp-nhận Chúa Cứu-thế Giê-xu.

Những khủng-hoảng trong cuộc đời cũng dễ làm cho niềm tin của người vô- thần lung-lay.

Lúc cuộc cách-mạng Sô-viét gặp nguy-hiểm đến cực-độ, tức là lúc mà thành- phố Petersbourg (Pê-tơ-buốc) bị quân-đội của đại-tướng Kornilov (Ko-ni-lốt) bao vây Lenin đã kêu gọi dân-chúng trong một bài diễn-văn: “Đại Boje” - “Cầu xin Thượng-Đế cho chúng ta thoát.” Người ta có thể cho rằng đó là cách nói thường tình của người Nga. Nhưng Lenin chỉ dùng câu nói đó trong dịp này lúc gặp nguy-hiểm cực-độ.

Ba lãnh-tụ đã chống lại Hitler, đó là Churchill (Chốt-chin), Roosevelt (Ru-sơ-ven) và Stalin. Churchill và Roosevelt là tín-đồ. Churchill đã viết lại sáu tập hồi-ký kể lại cuộc đại-chiến, cho biết hai người tín-đồ không hề nhắc đến chữ “Thượng-Đế” trong khi chính Stalin lại nói: “Xin Thượng-Đế cho cuộc hành-quân Torch (cuộc đổ bộ lên miền bắc Phi) được thành-công.”, “Quá khứ thuộc về Thượng-Đế.” và vân vân.

Mao là một người vô-thần quá-khích. Vậy mà lúc đau nặng vào năm 1936, Mao đã xin được nhận lễ Báp-têm và



Mao đã được một nữ tu-sĩ làm phép Báp-têm cho. Khi vợ của Mao bị lính của Tưởng-giới-Thạch bắn chết, Mao đã làm một bài thơ rất có tính-cách tôn-giáo: “Những người không chết.” Trong cuộc phỏng-vấn với phóng-viên báo-chí người Anh tên là Sô-nô vào năm 1971, Mao đã nói: “Tôi sắp phải đến trước mặt Thượng-Đế.”

Zinoviev (Zi-nô-i-ép), chủ-tịch Cộng-sản Quốc-tế, đã bị Stalin hạ lệnh giết chết. Lời nói cuối-cùng của ông là: “Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe ! Thượng-Đế của chúng ta là Thượng-Đế duy-nhất.” Gia-go-đa, bộ-trưởng nội-vụ Sô-viét, cũng bị Stalin hạ lệnh giết chết, đã nói: “Phải có Thượng-Đế, vì tội-lỗi đã bắt kịp tôi.” Gia-rô-láp-ki, chủ-tịch Liên-đoàn Người Vô-thần tại Nga, trước khi chết đã xin Stalin: !Xin đốt bỏ tất cả các tác-phẩm của tôi ! Kia Chúa đang ở đây! Ngài đang chờ tôi. Xin đốt bỏ tất cả các tác-phẩm của tôi !“

Trong thời-gian tôi bị ngồi trong tù cộng-sản, tôi được tiếp-xúc với nhiều nhân-vật cộng-sản cũng bị ngồi tù sau các cuộc thanh-trừng. Trong thời-gian này tôi cũng đã chứng-kiến những cảnh tương-tự.

Tôi xin khuyên các bạn vô-thần nên suy-nghĩ về điểm này.

Trước khi tôi đi vào quyển sách “Chỉ Nam Vô-thần”, tôi xin thành-thật cảm ơn các bạn cộng-sản tại Nga đã trình bày ý-nghĩ của mình một cách rõ-ràng như vậy. Nhờ đó mà chúng tôi có thể nhận thấy rằng mỗi một đảng-viên của đảng Cộng-sản đều chống lại đức-tin của Cơ-đốc-giáo. Dưới các chế-độ tư-bản ở nhiều nơi trên thế-giới, nhiều khi người cộng-sản tự nhận là bạn-bè của các tín-hữu và tìm cách đối-thoại với Cơ-đốc-giáo. Chúng tôi biết đó chỉ là chiến-lược mà thôi. Quyển “Chỉ Nam Vô-thần” đã trình bày rõ-ràng thái-độ thực-sự của chủ- nghĩa cộng-sản đối với Cơ-đốc-giáo. Thái-độ đó là thái-độ thù-nghịch.

## ĐỊNH-NGHĨA TÔN-GIÁO.

Quyển sách “Chỉ Nam Vô-thần” mở đầu bằng cách phân-tích các định-nghĩa khác nhau của các triết-gia về hai chữ “tôn-giáo”.

Nhưng định-nghĩa của Plato, là người đã nói rằng tôn-giáo là thái-độ đúng-đắn đối với thần-linh, cũng như định-nghĩa của Plutarch (Plu-tạc), là người đã nói rằng tôn-giáo là con đường đi giữa chủ-nghĩa vô-thần và mê-tín dị-đoan, thì không được nhắc đến.

Quyển sách bắt-đầu với các tư-tưởng-gia sau này, nhưng rất tiếc là không đúng sự thật. Không một câu trích-dẫn nào là chính-xác cả.

Carlyle (Cạc-li-lơ) viết: “Một lời nói láo phải bị giày-đạp và tiêu-diệt đi. Tôi chủ-trương thanh-lọc không-khí, khi tôi nghi, sự giả-dối như dịch-lệ đang thở xung-quanh tôi.”

Plato dạy rằng các tác-giả viết sách nên tự coi mình là tu-sĩ. Cái nguy-hại của sự giả-dối không phải chỉ là lấy lời giả-dối làm chân-lý nhưng còn đưa đến hậu-quả là làm cho độc-giả dần dần mất tin-tưởng vào sách báo.

Có một câu chuyện kể về một anh du-mục cỡi lạc-đà đi trong sa-mạc. Một người đón anh lại và năn-nỉ: “Xin dành cho tôi một chỗ trên lưng lạc-đà, vì đường tôi còn dài lắm.” Anh du-mục động lòng thương cho phép người lạ ngồi đằng sau mình. Đang đi giữa đường bỗng người lạ xô anh du-mục xuống đất rồi cỡi lạc-đà chạy mất. Anh du-mục gọi với theo: “Mất con lạc-đà tôi không buồn vì tôi còn con khác. Nhưng tôi buồn là ông đã làm cho tôi sau này khó lòng giúp-đỡ những người lâm nạn giữa đường.”

Quyển “Chỉ Nam Vô-thần” vừa không mang đến sự thật

mà cũng không nghĩ đến sự chính-xác..

Ở Nga, các tác-phẩm của các triết-gia không thuộc phái duy-vật biện-chứng đều nằm trong danh-sách các tác-phẩm bị cấm. Đọc-giả trung-bình không thể tìm đọc các tác-phẩm đó. (Một trong những lời người ta buộc tội tôi là tôi đã đọc và phổ-biến các tác-phẩm đó.) Các tác-giả có thể trích-dẫn sai sự thật vì đọc-giả không thể kiểm-chứng được.

Các tác-giả của quyển “Chỉ Nam Vô-thần” đã trích câu nói của Immanuel Kant (I-ma-nu-ên Kăn), cho rằng tôn-giáo là sự hiểu-biết của con người về bốn-phận luân-lý của mình. Nhưng thực-sự thì triết-gia này viết rằng: “Tôn-giáo là luân-lý đối với Thượng-Đế là Đấng ban luật-pháp. Tôn-giáo là thừa-nhận bốn-phận của chúng ta là những điều-răn của Thượng-Đế.” Các tác-giả này cũng trích-dẫn Lút-vít Feuerbach, cho rằng tôn-giáo nối-kết người với người. Lời trích-dẫn này cũng sai sự thật. Trong tác-phẩm “Bản-thể của Cơ-đốc-giáo”, Feuerbach viết: “Tôn-giáo là giấc-mơ của lý-trí con người.”

Ngay cả các định-nghĩa của các tác-giả vô-thần cũng bị sửa-đổi. Như câu nói của Salomon Reinach (Rai-nát) bị trích-dẫn là: Tôn-giáo là một hệ-thống của mâu-thuẫn. Nguyên văn của câu nói này nằm ở trong quyển “Orpheus”: “Tôn-giáo là tổng-hợp những quan-niệm mê-tín làm ngăn-cản những việc làm hợp-lý của khả-năng con người.”

Việc các tác-giả này giả-mạo lời nói của William James là điều dễ hiểu. Dĩ-nhiên họ không thể trích-dẫn câu nói của ông: “Đức-tin tôn-giáo của một người (dẫu đức-tin đó chứa-đựng đề-tài đặc-biệt nào của giáo-lý cũng vậy) đối với tôi quan-trọng là đức-tin vào một sự hiện-hữu của một thứ-tự vô-hình mà trong đó các câu đố của thứ-tự thiên-nhiên có thể tìm thấy lời giải-đáp... Điều quan-trọng là, Thượng-Đế phải được nhận là uy-quyền sâu-xa nhất của vũ-trụ với tư-cách là một nhân-vật tinh-thần.”

Quyển “Chỉ Nam Vô-thần” cũng không đếm xỉa gì đến James Frazer (Dêm Phra- dơ). Nếu chỉ dựa vào cách người ta trích-dẫn thì người ta có thể hiểu-lầm rằng James Frazer không phải là người mộ đạo, mặc-dầu câu nói của ông trong tác-phẩm “Niềm tin vào sự bất tử” thực-sự như sau: “Hầu hết tất cả mọi chủng- tộc đều đồng-ý rằng cá-tính có ý-thức của chúng ta sẽ còn tiếp-tục tồn-tại sau cái chết. Về điểm này thì không có dân-tộc nào nghi-ngờ cả.”

Những định-nghĩa của các vị như Schleiermacher (Sơ-lai-mát-khơ) thì không được nhắc đến: “Tôn-giáo là sự cảm-giác tùy-thuộc tuyệt-đối về một vị điều- hành vô-hình luật-lệ của chúng ta, kèm theo là ước-mong có một sự tương-quan hòa-hợp với luật-lệ đó.” Hay Emerson (Ê-mơ-sơn): “Tôn-giáo là sự hòa-hợp với siêu linh-hồn, phần hướng thượng trong chúng ta, tức là phần vươn lên đạt đến Thiên-Thượng ở trên cao kia.” Hay Jacob Burckhardt (Bua-cát): “Tôn-giáo thể- hiện ước-mơ siêu hình miên-viễn của con người thiên-nhiên.”

Các tác-giả của quyển “Chỉ Nam Vô-thần” cũng không thử giải-thích chữ “tôn-giáo” bằng cách đưa ra những ý-nghĩa căn-bản khác nhau của chữ này. Cicero (Xi-xê-rô) xử-dụng chữ này từ chữ “relegare” - “cân-nhắc”. Đối với Augustin (Âu-gút-tin) thì tôn-giáo là tìm-thấy-lại-điều-đã-mất. Theo Lactantius (Lắ-tan-ti-út) thì chữ “tôn-giáo” do từ-liệu “religare” - “nối lại” (với một uy-quyền trên cao) mà ra.

Điểm kỳ lạ là các tác-giả của quyển “Chỉ Nam Vô-thần”, tuy tự xưng mình là người mác-xít, nhưng không nhắc đến định-nghĩa tôn-giáo của Karl Marx. Lý do là định-nghĩa của Marx rất hay và lời Marx thán-phục tôn-giáo làm cho họ bối-rối.

Về phương-diện tôn-giáo, những người mác-xít đã không thể trung-dẫn Marx được vì Marx trong “Suy tư của một thanh-niên về sự lựa-chọn một thành-quả của cuộc đời”

đã viết: “Thượng-Đế đã ban cho con người một mục-đích hoàn-vũ - làm cho nhân-loại và chính mình trở nên quý-trọng.” Và sau này trong tác- phẩm “Góp phần phê-bình triết-học về luật của Hegel”, Marx đã viết: “Tôn-giáo là tiếng thở dài của tạo-vật bị áp-bức, trái tim của một thế-giới vô-tâm, cũng như hồn của một xã-hội vô hồn.”

Tuy Marx có thêm vào “tôn-giáo là thuốc phiện của nhân-dân”, nhưng nếu ta dòng này chung với các câu trên, ta sẽ không còn thấy nó có ý-nghĩa chống tôn-giáo nữa. Thuốc phiện làm bớt đau. Thuốc phiện tự nó không có gì là xấu cả. Chính nhờ sự phát-triển của môn đánh thuốc mê đã giúp cho môn giải-phẫu phát-triển mạnh-mẽ.

Nói một cách chung, Marx có nhược-điểm về tôn-giáo. Tôn-giáo là một đề- tài Marx rất ưa-chuộng. Trong quyển “Tư-bản luận”, Marx nói: “Đối với một xã-hội tượng-tự (Marx muốn đề-cập đến một xã-hội xây-dựng trên sự sản-xuất hàng-hóa tiêu-thụ - mỗi một xã-hội đều sản-xuất loại hàng-hóa này) thì Cơ- đốc-giáo với sự thờ-phượng trừu-tượng, và đặc-biệt trong sự phát-triển có tính-cách tư-bản của nó, là hình-thức thích-hợp nhất của tôn giáo.”

Vì thế mỗi một tín-đồ của Chúa Cứu-thế đều có thể trích-dẫn Marx. Mỗi một tín-hữu đều có thể trình bày cho những người mác-xít biết rằng, họ đã lạm-dụng tên tuổi của ông thầy của họ. Một người học-trò thực-sự của Marx đáng lẽ phải là một tín-hữu, nếu người đó muốn có một tôn-giáo thích-hợp. Hãy suy-nghĩ đến điều này: Có rất nhiều tín-hữu bị những người cai-trị tự nhận là “mác-xít” giam-cầm và giết chết !

Mặc dầu là một người vô-thần, Marx rất thích tôn-giáo. Người ta đã chia cắt con người Marx. Mãi đến sau này học-trò của Marx mới lấy câu nói “Tôn- giáo là thuốc phiện của nhân-dân” của Marx làm lời buộc tội chúng tôi.

Con người xử-dụng rất nhiều loại thuốc phiện khác

nhau. Có những người đã chạy trốn vào môn hóa-học, dùng môn này như thuốc an-thần vì gia-đình gặp khủng-hoảng. Họ ngồi suốt ngày trong phòng thí-nghiệm để bào-chế ra một loại thuốc hữu-dụng. Xin hỏi, vì người bào-chế lấy sự nghiên-cứu làm thuốc an- thần để trấn-tĩnh nỗi lo-lắng của mình, loại thuốc mà người đó bào-chế ra được có vì thế mà mất giá-trị không ? Nếu một người gặp những khó-khăn trong cuộc đời và đi tìm an-ủi trong các đài thiên-văn yên-tĩnh, thì người ấy đã lấy sự quan-sát vũ-trụ làm thuốc phiện cho mình, nhưng những ngôi sao mà người ấy quan-sát có thực. Vì thế tôn-giáo đối với nhiều người có thể là thuốc phiện, nhưng Thượng-Đế mà tôn-giáo thờ-phượng là sự thực.

Chủ-nghĩa vô-thần thường có thể đối với các thanh-thiếu-niên trong những gia-đình thiếu hạnh-phúc là một loại thuốc an-thần, thay thế cho thái-độ bất- tuân chống lại quyền-hành của cha mẹ. Chủ-nghĩa vô-thần có thể trở-thành một loại thuốc an-thần để trấn-an lương-tâm đang bị cắn-rứt vì một lỗi-lầm nặng- nề nào đó. Chủ-nghĩa vô-thần bóp-nghẹt lời buộc tội của lương-tâm, cũng như thuốc an-thần làm cho cơ-thể bớt đau.

Câu nói “Tôn-giáo là thuốc phiện của nhân-dân” của Marx hoàn-toàn khác hẳn với câu nói của Lenin. “Tôn-giáo là một loại rượu Gin của tinh-thần”, hay khác với câu khẳng-định có tính-cách trẻ con của Bakunin. “Nếu Thượng- Đế hiện-hữu thì con người là nô-lệ. Nhưng con người có thể và phải được tự- do, vì thế cho nên không có Thượng-Đế.” Các tác-giả quyển “Chỉ Nam Vô-thần” đã viết rất nhiều để chống lại Kinh-Thánh. Phải chỉ các vị này cũng nhắc đến định-nghĩa về tôn-giáo của một sứ-đồ thì đẹp-đẽ biết bao. Định-nghĩa đó được ghi trong Kinh-Thánh sách Gia-cơ chương 1 câu 27 : “Đối với Thượng-Đế, Cha chúng ta là người theo Đạo (tôn-giáo) thánh-khiết, không tì-vết, là người săn-sóc các cô-nhi, quả-phụ, trung-thành với Chúa và giữ mình khỏi bị tiêm-

nhiễm thói hư tật xấu của người đời.” Phải chăng quý vị thực-sự chống lại một tôn-giáo được định-nghĩa như vậy ? Tôi tin rằng, không có một người hiểu- biết nào lại không phản-khởi về lối giải-thích này.

## NGUỒN-GỐC CỦA TÔN-GIÁO.

“Tôn-giáo không phải là đặc-điểm của con người. Tôn-giáo không phải là cá-tính bất-biến của con người thiên-nhiên.” Các bạn vô-thần quả-quyết rằng khoa-học đã chứng-minh điểm này. “Các khám phá khảo-cổ cho thấy rằng con người đã không có tôn-giáo trong khoảng thời-gian hằng trăm ngàn năm.”

Tôi không phải là hội-viên của Hàn-lâm-viện Khoa-học. Theo sự hiểu-biết nông-cạn của tôi thì khảo-cổ-học chỉ có thể khám phá ra được những công-trình đã có thực trong quá-khứ, chứ không thể tìm thấy những điều gì không có.

Quý vị đã đưa ra một dẫn-chứng cho lập-luận của quý vị. Khảo-cổ-học đã khám phá ra những hố sâu, trong đó có dấu tích của Pithekanthropus và Sinanthropus, tức là tổ-tiên của con người. Người ta đã khám phá ra nhiều dụng-cụ bằng sắt và xương của thú-vật. “Nhưng trong những cuộc khai-quật ấy người ta không thể tìm thấy một dấu vết nhỏ-nhoi nào về sự hiện-hữu của tôn-giáo.”

Điều này làm tôi nhớ lại một câu chuyện như sau: Một người Ý cãi nhau với một người Do-thái: “Người Do-thái các anh kiêu-ngạo lắm. Người ta đồn rằng các anh là những người thông-minh nhất thế-giới. Thật là một chuyện ngớ-ngẩn ! Ở Ý, những công-trình khai-quật của khảo-cổ-học đã khám phá ra được các lớp đất có ít nhất hai ngàn năm. Người ta đã tìm thấy dây sắt. Điều này chứng-minh rằng tổ-tiên người Ý của chúng tôi có điện-tín.” Người Do-thái trả lời: “Ở nước Do-thái người ta cũng đào được những lớp đất có bốn ngàn năm, nhưng không tìm thấy được gì hết. Điều này chứng-minh rằng chúng tôi đã có điện-tín không dây trước khi các anh có



điện-tín có dây.”

Phải chăng tổ-tiên của con người đã không để lại những dấu-vết tôn-giáo là vì họ đã có tôn-giáo không cần những hình-thức thờ-phượng bề ngoài, tức là tôn-giáo gồm tinh-nguyên, suy-gẫm và tôn-sùng chân-lý ?

Nhưng bây giờ xin quý vị giải-thích tại sao có người mộ đạo ? Quý vị nói rằng, tôn-giáo đã xuất-hiện trong thời Neandertaler vì hai lý-do. Lý-do thứ nhất: con người sợ chết, và kèm theo đó là sợ người chết ra khỏi mộ trở về nhà làm hại người sống. Lý-do thứ hai: con người còn sơ-khai chưa có kiến-thức về thiên-nhiên.

Nhưng người Pithekanthropus còn sơ-khai hơn và thiếu kiến-thức hơn người Cromagnon và người Neandertaler. Nếu dựa theo lập-luận của quý vị thì loài người Pithakanthropus còn mộ đạo hơn mới đúng !

Muốn nghiên-cứu nguồn-gốc của tôn-giáo ta phải dựa vào các chứng-từ cổ nhất của nhân-loại. Phương-pháp này đã thành-công trong lãnh-vực đi tìm nguồn-gốc của loài người. Những chứng-từ cổ nhất của nhân-loại là các bản Manewa-Dharma-Sostra, Gilgamesch-Epos, Wedas, sách khai-tử của Ai-cập, Ngũ-kinh Môi-se và các chứng-từ tương-tự. Tất cả các chứng-từ này đều chứng rằng con người do một Đấng Thiêng Liêng tạo-dựng nên. Đấng Thiêng Liêng đã mặc-khải cho các vị tiên-tri những chân-lý quan-trọng làm căn-bản cho tôn-giáo. Đó chính là nguồn-gốc của tôn-giáo.

Trên tất cả các lục-địa không hề có một bản đá, chữ khắc, hay bất-cứ một di-tích nào để lại nói rằng con người từ khi mà ra. Theo thông-thường người ta biết tổ-tiên mình là ai. Nếu con người thời cổ có đủ sáng-kiến để tìm ra tôn-giáo thì tại sao họ lại không nhớ được tổ-tiên của họ đã nối-tiếp nhau như thế nào ?

Tóm lại, tôn-giáo đến từ Thượng-Đế và tôn-giáo là sự tương-giao với Thượng-Đế.

Con người sơ-khai nhận-biết rằng “Tôi hiện-hữu” và “Nhiều sự-vật xung-quanh tôi hiện-hữu”. Nhưng nếu tôi, người khác và những sự-vật xung-quanh chúng ta hiện-hữu thì phải có một cái gì tự-hữu. Tôi sẽ già, con người sẽ chết, thời của tôi sẽ qua đi, các con của tôi sẽ lớn lên. Tất cả những sự- vật xung-quanh tôi sẽ sụp-đổ và qua đi. Nhưng sự “Hiện-Hữu” không hề chấm-đứt. Sự “Hiện-Hữu” hiện-hữu không tùy thuộc vào sự sinh-tồn của chúng ta. Tôi không hiện-hữu trước đây. Những sự-vật xung-quanh tôi cũng đã không từng có đó. Tất cả đều có giới-hạn. Những sự-kiện hiện-hữu đã có từ muôn-thuở. Những con người sơ-khai không thể diễn-tả điều này bằng lời nói. Nhưng họ biết có một sự Hiện-Hữu Tối-Cao và Bất-Tử, là Đấng sau này mặc-khải Ngài là Thượng-Đế, là Đấng có tên “Ta hiện-hữu”. Đức-tin đặt vào Đấng đó, sự kính- sợ Đấng đó và ước-vọng làm đẹp lòng Đấng đó đã làm nẩy-nở tôn-giáo, và vẫn còn là căn-bản của tất cả các tôn-giáo ngày nay.

Một học-giả vô-thần hỏi một nông-phu người Nga có tin Thượng-Đế không. Bác nông-phu trả lời rằng bác tin Thượng-Đế. Học-giả hỏi. “Tại sao bác tin ? Bác có thấy Thượng-Đế không ?” Bác trả lời: “Không, nhưng tôi cũng chưa từng thấy một người Nhật nào hết. Dầu vậy tôi cũng tin rằng có người Nhật vì quân-đội của chúng ta đã chống Nhật trong trận chiến vừa qua. Nếu không có Thượng-Đế, tại sao các ông chống lại Ngài ?”

## NGUỒN-GỐC CƠ-ĐỐC-GIÁO.

Tác-phẩm “Chỉ Nam Vô-thần” bắt-đầu với lời ca-tụng các tín-đồ của Chúa Cứu-thế Giê-xu: “Ít nhất trong buổi đầu, Cơ-đốc-giáo chẳng những từ-chối của tế-lễ nhưng cũng gạt bỏ nghi-thức.” F.Engels cho rằng, đó là một bước tiến cách-mạng. Khác với các tôn-giáo khác, Cơ-đốc-giáo không phân-biệt nhưng truyền-giáo cho tất cả chủng-tộc.

Về phương-diện đức-tin, Cơ-đốc-giáo cũng gạt bỏ tất cả những dị-biệt xã-hội. Giáo-hội truyền-giảng giáo-lý của Chúa Giê-xu cho tất cả mọi người không phân-biệt màu da và giai-cấp xã-hội.

Nói rằng các cơ-đốc-nhân đầu-tiên gạt bỏ của tế-lễ là không đúng. Người tín-đồ của Chúa Cứu-thế Giê-xu không dâng của tế-lễ nhưng tình-nguyện dâng chính cuộc đời của mình cho Chúa thay thế của tế-lễ.

Từ 2000 năm nay. Cơ-đốc-giáo không biết quốc-gia, chủng-tộc. Ở Ba-lan và Sô-viét, người Do-thái đang bị kỳ-thị chủng-tộc. Ở Sô-viét tất cả người Tataren, Tscherkessen, Ingusch, Kalmucken, Balkaren và Wolga-Duc đều bị đày. Ở Trung-hoa Đỏ, người Tibet (Ti-bê) bị đàn-áp. Nguồn-gốc xã-hội luôn luôn đóng một vai-trò quan-trọng trong tất cả các quốc-gia cộng-sản. Nếu ai không may có người cha là chủ hăng thì rất khốn-khổ. Nhưng cơ-đốc-giáo không phân-biệt nguồn-gốc xã-hội vì Chúa Cứu-thế đã dạy điều ấy.

Đó là tất cả những điểm mà quyển “Chỉ Nam Vô-thần” ca-tụng Cơ-đốc-giáo.

Các học-giả vô-thần quả-quyết rằng: “Các văn-gia Hy-lạp, La-mã và Do-thái trong thế-kỷ thứ nhất đã tuyệt-đối

không cho chúng ta biết gì về Cơ-đốc- giáo. Xin quý vị để ý hai chữ "tuyệt-đối". Quả-quyết này không đúng sự thật.

## VĂN-GIA LA-MÃ VÀ CƠ-ĐỐC-GIÁO.

Sử-gia La-mã Tacitus sống khoảng năm 60 SC đến 120 SC. Đề-cập đến nạn hỏa-hoạn ở La-mã. Ta-ti-tus viết (trong Annalen XV,24): "Dầu đã cố-gắng rất nhiều, Hoàng-đế ban ơn khoan-hồng và dâng của tế-lễ cho các tà-thần, người ta cũng không giải-quyết được nạn khủng-hoảng cũng như chặn đứng tin đồn rằng ngọn lửa do lệnh trên mà ra. Để dẹp tin đồn này, Nero đã đổ tội cho một giai-cấp đang bị xã-hội ganh-ghét, thường được gọi là cơ-đốc-nhân, và hình phạt họ một cách dã-man. Chúa Cứu-thế đã bị tổng-đốc Phi-lát dưới triều-đại Ti-bê-ri-us xử tử-hình. Nhưng sau một thời-gian ngắn, đạo vô-tin này đã bành-trướng mạnh-mẽ, không những trong tỉnh Giu-đê, nguồn-gốc của ác-độc, nhưng cũng lan-tràn trong thành-phố La-mã là sào-huyệt của tất cả những tội-lỗi và xấu-xa, và người ta thường thấy các đạo-hữu ở đó. Lúc đầu những người lộ-diện (là cơ-đốc-nhân) bị bắt. Rồi căn-cứ vào lời khai của họ, một số rất đông người khác bị dẫn đến, không phải bị tố-cáo đã đốt nhà nhưng vì bị kỳ-thị chủng-tộc. Những người này bị giết trong các cuộc liên-hoan. Họ phải mặc những áo lông thú rồi để cho thú dữ phân thây. Có nhiều người bị đóng đinh trên cây-thập-tự, hay bị làm đuốc đốt để soi đường. Nero tổ-chức kịch-nghe và tiệc-tùng trong vườn ngự-uyển. Vua ăn-mặc giả-dạng làm người tài-xế và lái xe qua lại. Tất cả những điều này khiến người ta phải sinh lòng thương-hại cho cả những người có tội đang bị phạt để làm gương. Vì người ta biết rằng họ bị tiêu-trừ không phải vì cố hạnh-phúc của nhân-

dân nhưng để thỏa-mãn tính dã-man của một cá-nhân.”

Như vậy cái “tuyệt-đối” của các học-giả vô-thần không phải là tuyệt-đối. Một sử-gia La-mã trong thế-kỷ thứ nhất đã xác-nhận sự hiện-hữu của Chúa Cứu-thế.

Chúng tôi xin dẫn-chứng thêm một người thứ hai: Suetonius (sống khoảng 75 SC - 160 SC). Ông viết trong quyển “Vita Claudii” CXXX,4 như sau: “... Vì người Do-thái do lòng tin nơi Chúa thường gây xáo-trộn nên Claudia đuổi họ ra khỏi thành-phố Rôma...”

Như vậy sự hiện-hữu của Chúa Cứu-thế Giê-xu đã được xác-nhận thêm một lần nữa. Trong thời Hoàng-đế Claudius đã có nhiều tín-đồ sống ở Rôma. Năm 64 SC, họ bị ngược-đãi rất dã-man. Suetonius cũng viết trong quyển “Vita Neronis” (XVI) như sau: “Trong thời Nero, người ta hình-phạt và dẹp bỏ nhiều tể-đoan cũng như ban-hành nhiều luật-lệ mới... Tín-đồ của Chúa Cứu-thế bị trừng-phạt, đó là những người theo một đạo mê-tín dị-đoan mới, rất xấu-xa.”

Người thứ ba là sử-gia La-mã Plinius the Younger, sống khoảng 62 SC - 113 SC, đã viết cho Hoàng-đế Trajan như sau: “Tâu Hoàng-đế, như thường-lệ, tôi tâu lên Hoàng-đế những điều mà tôi không tự quyết-định được. Vì ai có thể hướng-dẫn sự do-dự của tôi tốt hơn và ai có thể chỉ dạy sự ngu-dốt của tôi hay hơn ? Tôi chưa từng dự một tòa-án xử các tín-đồ của Chúa Cứu-thế, vì thế tôi không biết rõ các hình-phạt và cách điều-tra, tôi cũng không biết phải phân-xử theo tiêu-chuẩn nào. Tôi tự hỏi không biết có những điều-luật hay không, có nên đối-xử với những người yếu-ớt giống như những người lực-lượng hay không, có nên ân-xá cho một người hối-cải hay không, hay một tín-đồ của Chúa Cứu-thế sẽ được tha nếu người đó bỏ đạo, hay một người mang danh tín-đồ, dù không phạm tội gì, cũng bị phạt, hay chỉ những người phạm tội có mang danh tín-đồ mới bị phạt.

Tôi đã xử các tín-đồ của Chúa Cứu-thế theo cách này.

Tôi hỏi họ có phải là tín-đồ không. Nếu họ thú-nhận, tôi hỏi họ lần thứ hai và lần thứ ba, và lấy hình-phạt nặng-nề hăm-dọa họ. Nếu họ còn ngoan-cố thì tôi xử họ án tử-hình.”

Chúng tôi cũng xin trích-dẫn một chứng-từ thứ tư cho quý vị. Đó là lá thư đầu-tiên của thánh Clement, giám-mục thành-phố Rôma, viết sau cuộc bắt-bớ đạo sau thời Nero hay thời Domitian (Đô-mi-tiên). Điểm chắc-chắn là bức thư này xuất-xứ từ thế-kỷ thứ nhất. Bức thư để lại nhiều tin-tức về Cơ-đốc-giáo. Qua bức thư chúng ta có thể hình-dung được tình-trạng của hội-thánh Cô-rinh-tô lúc bấy giờ. Theo bức thư, sứ-đồ Phi-e-rơ chịu tử-đạo và Phao-lô bị tù bảy lần. Ngoài ra chúng ta cũng biết tên những người tuấn-đạo khác: Danaids và Dircae.

Thánh Clememt, sống trong thế-kỷ thứ nhất, là một người quen biết Chúa Cứu-thế khi ngài còn tại thế. Thánh Clement viết như sau: “Chúa Cứu- thế thuộc về những người khiêm-nhường chứ không thuộc về những người kiêu-ngạo. Chúa Cứu-thế Giê-xu của chúng ta, cây vương-trượng của Thượng-Đế, không ngự đến với hào-quang, hãnh-diện và kiêu-ngạo, mặc dù Ngài có thể làm điều đó, nhưng Chúa đã đến nơi thấp-hèn, như Đức Thánh Linh đã từng dạy về Ngài.”

Hiện nay người ta còn giữ được một đoạn văn của Sulpicius Severus, một văn-gia cơ-đốc sống trong thế-kỷ thứ 4. Đoạn văn này đã được nghiên-cứu kỹ-lưỡng, được lưu lại và là căn-bản của một tác-phẩm đã bị mất của Tacitus. Sulpicius Severus kể lại một cuộc họp của Hội-đồng Chiến-tranh do Titus triệu-tập sau khi chiếm được thành-phố Giê-ru-sa-lem vào năm 71 SC. Ông cho biết Titus có ý-định phá-hủy đền thờ ở Giê-ru-sa-lem để tiêu-diệt Do-thái- giáo và Cơ-đốc-giáo tận-gốc. Theo Titus thì tín-đồ của Chúa Cứu-thế xuất-xứ từ người Do-thái. Nếu nhỏ được rể thì cây sẽ chết.

Năm 125 SC, triết-gia cơ-đốc Aristides đã trình cho Hoàng-đế Hadrian một bản văn ghi những luân-lý căn-bản của Hội-thánh. Chúng tôi xin phép trích-dẫn bản văn cổ này như sau: “Họ (tín-đồ) khuyên-bảo những người ngược-đãi mình (bằng lời nói) và nhận những người đó làm bạn của mình. Họ đối-xử với kẻ thù rất tốt. Tâu vua, vợ của họ trung-tín như gái chưa chồng, và con gái của họ rất giản-dị, khiêm-nhường. Còn đàn ông thì tránh giao-du với hạng tà-dâm bất hợp-pháp và tránh những việc làm bẩn-thịu với hy-vọng rằng khi vào trong một thế-giới mới họ sẽ được thưởng.

Đối với người nhà hay con cái thì họ hướng-dẫn trở-thành tín-đồ của Chúa Cứu-thế. Đối với những người tin Chúa rồi thì họ xưng-hô với nhau bằng “Anh, chị, em”, không phân-biệt gì hết.

Họ từ-chối không thờ-phượng các tà-thần, và họ sống một lối sống giản-dị và vui-vẻ. Họ không giả-dối với nhau. Họ yêu-thương nhau. Họ chăm-sóc các góa-phụ, cứu-giúp các trẻ mồ-côi khỏi các bàn tay hung-bạo. Ai có thì cho những người không có mà không hề cần-nhẫn hay huỳnh-hoang. Gặp người lạ, các tín-đồ rước về nhà, đãi khách và vui-vẻ tiếp khách. Nếu có ai sinh con thì họ ca-ngợi Thượng-Đế. Còn nếu có một đứa trẻ chết thì họ còn ca-ngợi Thượng-Đế hơn nữa vì đứa trẻ qua đời lúc chưa biết phạm tội. Còn nếu ai chết trong nhục-nhã hay trong tội-lỗi thì họ rất buồn-bã và lo-lắng như là lo-lắng cho một người bị án tử-hình. Tâu vua, hễ điều-luật đặt ra cho các tín-đồ Chúa Cứu-thế như thế nào thì họ sống đúng vậy. Là những người tôn-thờ Thượng-Đế, họ cầu xin Ngài ban cho họ những điều cần-thiết, và họ nhận được những điều ấy. Và vì họ nhận chân những ân-huệ của Thượng-Đế đối với họ nên sự vinh-quang vì có họ đã thể-hiện ra trên trần-gian. Khi làm những điều tốt thì họ không nói cho ai biết để người ta chú-ý, nhưng họ giấu sự sống của họ như người ta giấu của-cải. Họ cố-gắng sống công-chính

và chờ-đợi được chiêm-ngưỡng dung-nhan của Đấng Messiah và nhận-lãnh những lời hứa từ nơi Ngài.

Thật vậy, dân này là một dân mới và trong họ thể-hiện tình trời. Nếu vua đọc sách của họ, vua sẽ thấy rằng tôi không tự mình viết ra những điều này. Tôi tin điều ghi trong sách của họ, cả những điều về hiện-tại lẫn những điều về tương-lai. Theo sự hiểu-biết của tôi, tin chắc rằng thế-giới ngày nay còn tồn-tại là nhờ lời cầu-khẩn của các tín-đồ Chúa Cứu-thế. Giáo-điều của họ là cửa đưa đến ánh-sáng.

Vậy xin hãy để chúng tôi đến cùng những người chưa biết Thượng-Đế và xin hãy để cho họ nghe Lời Sống là Lời đến từ cõi miên-viễn, để họ thoát khỏi tòa-án kinh-khiếp, là tòa-án sẽ do Chúa Giê-xu, Đấng Messiah, xét-xử toàn-thể nhân-loại."

Như thế, lời quả-quyết cho rằng thế-kỷ thứ nhất đã "tuyệt-đối" không để lại cho chúng ta biết gì về Cơ-đốc-giáo có còn giá-trị không ?

Thật ra ta cũng không cần chứng-minh rằng quả-quyết này sai-lầm. Các vị học-giả vô-thần tự mâu-thuẫn với chính mình. Vì họ cho rằng sách Khải-thị trong Kinh-Thánh xuất-xứ vào năm 68 SC. Đó là thế-kỷ thứ nhất. Một người Do-thái đã viết sách này. Ông bắt-đầu tác-phẩm của mình bằng cách đề-cập đến Cơ-đốc-giáo là một tôn-giáo đã hoạt-động. Ông nêu ra cả những địa-danh rất xa tỉnh Palestine. Phần đầu của sách Khải-thị là bảy lá thư gởi cho các hội- thánh ở vùng Thổ-nhĩ-kỳ ngày nay.



## LỜI-CHỨNG CỦA TIN-LÀNH.

Theo các học-giả vô-thần, các sách Tin-lành trong Kinh-Thánh (Mathiơ, Mác, Luca, Giăng) không được viết ra trong thế-kỷ thứ nhất. Quý vị cho rằng Kinh-Thánh do người ta sau này giả-mạo viết ra. Thí-dụ như sách Tin-lành Giăng mãi đến cuối thế-kỷ thứ hai mới được ra đời.

Nhưng Ignatius là người qua đời trước năm 116 SC, đã có sách Tin-lành Giăng để trích-dẫn. Triết-gia Justin, qua đời khoảng năm 40 SC, cũng đã trích-dẫn sách Tin-lành này. Ngay cả Loisy (Loa-zi), nhà phê-bình Kinh-Thánh người Pháp cũng nhận rằng sách Tin-lành Giăng đã thông-dụng ở Rôma vào khoảng năm 130.

Nếu phân-tích nội-dung các sách Tin-lành, người ta sẽ thấy các sách này không thể do người sau này giả-mạo viết ra được. (Ngoài ra quan-niệm này cũng rất mâu-thuẩn với quan-niệm của Hegel. Theo ông thì quan-niệm cho rằng Cơ-đốc-giáo là một công-trình giả-mạo là một quan-niệm khô-hài.)

Khoảng cuối thế-kỷ thứ hai, tức là lúc mà, theo như chủ-trương của các học-giả vô-thần, sách Tin-lành Giăng được “giả-mạo” tên tuổi của các sứ-đồ đã rất được mến-chuộng trong các cộng-đồng tín-hữu. Nếu có người giả-mạo viết sách Tin-lành Giăng này, tự nhận là do Đức Thánh Linh hướng-dẫn, tại sao người đó lại kể chuyện Chúa Giê-xu trách Phierơ là “Satan” và trách các sứ-đồ khác ? Nếu những quyển Kinh này do con người bần-tính viết ra thì những chuyện tương-tự như vậy đã không được ghi lại, vì các sứ-đồ lúc bấy giờ được các hội-thánh rất tôn-kính, chắc-chắn các tín-hữu không thể nào bịa-đặt ra những chuyện không đẹp này.

Cuối thế-kỷ thứ hai, Chúa Cứu-thế được toàn-thể Hội-thánh tôn-thờ là Thượng-Đế. Nếu quyển Kinh-Thánh do người bịa-đặt ra thì không ai đại gì đặt ra những chuyện kể về nhân-tính của Ngài. Như trong câu chuyện Chúa chịu chết trên cây thập-tự. Ngài đã khẩn-thiết: “Đức Chúa Trời tôi ơi, Đức Chúa Trời tôi ơi, sao Ngài lìa bỏ tôi ?” Hay câu chuyện trong vườn Ghết-sê-ma-nê, Chúa đã sợ-hãi và thất-vọng. Nếu là bịa-đặt, thì không có tín-hữu nào lại đại-dột bịa-đặt ra những câu chuyện này.

Trong một tác-phẩm viết vào năm 178 SC, Celsus chế-nhạo Chúa Giê-xu đã thất-vọng trên cây thập-tự. Celsus cho rằng, các môn-đệ của Chúa can-đảm hơn vì họ đã chịu đau-khổ trong yên-lặng. Như vậy Celcius đã có các sách Tin-lành và nghiên-cứu rành-rẽ những chi-tiết ghi về Chúa Giê-xu. Tác-giả của các sách Tin-lành đã viết Kinh-Thánh, không phải để lạm-dụng cho những mục-đích riêng- tư của mình, nhưng vì họ đã chứng-kiến sự thật. Vì thế họ đã không ngần-ngại kể lại những tiếng thở dài, những giọt nước mắt, về những cái đau, cái khổ của Chúa Cứu-thế. Những câu chuyện này minh-chứng nguồn-gốc thực-sự và sự lưu-truyền rất sớm của các sách Tin-lành.

Các sách Tin-lành và các thư-tín trong Kinh-Thánh đã sử-dụng một phần ngôn-ngữ A-ra-mê-en. A-ra-mê-en là ngôn-ngữ mà người Do-thái dùng trong tỉnh Palestine. Nếu mãi đến cuối thế-kỷ thứ hai các sách Tin-lành mới được viết ra trong một thế-giới nói tiếng Hy-lạp thì tại sao người ta lại còn chưa tiếng A-ra-mê. Câu trả lời phải là: Các sách này có tiếng A-ra-mê-en vì đã được trước-tác trong thế-kỷ thứ nhất, là lúc mà phần đông các tín-đồ là người Do-thái.

Các sách Tin-lành kể lại nhiều cuộc tranh-biến giữa Chúa Giê-xu và những người chống-ngịch Ngài. Những cuộc tranh-biến đó liên-quan đến luật giữ ngày thứ bảy và đến giá-trị của những ngày lễ trong Do-thái-giáo. Những đề- tài này chỉ quan-trọng đối với các độc-giả Do-thái sống

trong thế-kỷ thứ nhất. Đối với các tín-hữu thuộc các dân-tộc khác sống trong thế-kỷ thứ hai thì những đề-tài này không quan-trọng. Họ không hiểu địa-danh “Mười thành”, các tập-tục tẩy-uế của người Do-thái, người Phari-si, người Sa-đu-xê... là gì. Nếu các sách Tin-lành được bịa-đặt vào cuối thế-kỷ thứ hai thì đã không dùng các danh-từ này. Chúng ta chỉ có thể đi đến kết-luận: các sách Tin-lành đã được viết ra rất sớm để ghi lại một cách chính-xác những biến-cố trong cuộc đời của Chúa Cứu-thế Giê-xu.

Sách Tin-lành Giăng chương 19 câu 34 là một dẫn-chứng hùng-hồn cho giá- trị lịch-sử của Kinh-Thánh. Câu này ghi lại rằng lúc Chúa bị đóng đinh trên cây thập-tự, có một người lính lấy giáo đâm vào sườn của Ngài, nước và huyết tuôn ra. Thánh Giăng chứng-kiến tận mắt sự-kiện này và ghi lại tất cả những điều mình đã thấy. Thời bấy giờ người ta không thể giải-thích sự-kiện này, kể cả thánh Giăng. Mãi đến thế-kỷ thứ 18 bác-sĩ Simpson, người khám phá ra Chloroform, mới có thể giải-thích sự kiện này: Chúa Giê-xu chết vì bị “Extravasation”. Đây là một danh-từ y-học mà người ta thường gọi là “bể tim”. Nếu ai chết vì bị “bể tim” thì hai tay sẽ dang ra (hai tay của Chúa đã bị đóng đinh), sẽ kêu lên một tiếng lớn (Chúa cũng đã kêu lên một tiếng rất lớn), máu chảy vào tim và tim ngừng đập. Trong tim máu chia làm hai: serum (tức là nước), và hồng-huyết-cầu. Vì thế khi người lính đâm vào sườn Chúa thì nước và huyết liền tuôn ra.

Nếu là chuyện bịa-đặt, làm sao thánh Giăng lại có thể bịa-đặt ra một sự- kiện mà mãi đến 2000 năm sau khoa-học mới có thể giải-thích được ?

Chính lời quả-quyết cho rằng các sách Tin-lành do bịa-đặt mà ra mới là lời bịa-đặt !

Không một quốc-gia nào có thể tồn-tại 2000 năm như Cơ-đốc-giáo, mặc dù bị bắt-bớ, ngược-đãi và ganh-ghét.

Ngày nay Cơ-đốc-giáo phát-triển mạnh nhất trên thế-giới. Làm sao một nhân-vật không hề hiện-hữu lại có thể sáng-lập ra một tôn-giáo như vậy được ? Lời quả-quyết này vô-lý, không ai có thể tin được !

John Stuart Mill viết như sau: “Chúa Cứu-thế không phải là con người lịch-sử, nói như thế là vô-lý. Trong số các môn-đệ của Chúa, ai là người có khả-năng bịa-đặt ra những lời giảng-day, cuộc đời và cá-tính của Chúa Giê-xu. Các ngư-phủ quê ở Ga-li-lê cũng như Phao-lô không có khả-năng đó.

Ai có thể nghĩ ra nhân-cách của Chúa Giê-xu, sự nhơn-đức, lòng rộng- lượng và cung-cách đối-xử của Ngài đối với mọi người và mọi vấn-đề ?

Và ai là người có thể nghĩ ra nhân-vật Giê-xu ? Người Do-thái không thể làm điều này vì tôn-giáo của họ là tôn-giáo độc-thần. Trong thế-kỷ thứ nhất, người Do-thái bảo-vệ niềm tin này rất nhiệt-thành. Vì thế người Do-thái không khi nào lại bịa ra một nhân-vật làm hiện thân cho Thượng-Đế đang sống trên cõi trần.

Người Do-thái rất kiêu-ngạo, khinh-khi các dân-tộc khác, đến nỗi không chịu nhận một cốc nước trong tay của người Sa-ma-ri. Vì thế họ không khi nào bịa-đặt ra một nhân-vật Giê-xu luôn luôn cởi-mở thân-thiện đối với tất cả mọi người, kể cả đối với người ngoại-quốc. Người Do-thái tin mình là một dân-tộc được Thượng-Đế chọn lựa. Họ không có lý-do để nghĩ ra một nhân-vật phá bỏ tất cả những ranh-giới ngăn-cách chủng-tộc và tiếp-nhận tất cả mọi người.

Nói tóm lại, người Do-thái không thể nào bịa-đặt ra nhân-vật Giê-xu được. Nhưng bây giờ ta tự hỏi, các tín-đồ đầu-tiên có thể nào bịa-đặt ra những câu chuyện về Chúa Cứu-thế Giê-xu không ?

Ngay từ đầu chúng ta đã nhận thấy các môn-đệ của Chúa không có khả-năng bịa-đặt ra một nhân-vật Giê-xu được.

Còn giả sử như họ có khả-năng đó, chắc-chắn họ đã không đặt ra câu chuyện Thượng-Đế xuống trần-gian làm người, xuất thân từ dân-tộc Do-thái là một dân-tộc bị khinh-khi. Thêm vào đó, Chúa lại là một người thợ-mộc, sinh ra trong chuồng súc-vật, chết trên cây thập-tự, không hề để lại một tác-phẩm nào hết !

Không con người nào có thể nghĩ ra được một nhân-vật như thế.

Dostoevski trong truyện “Anh em nhà Ka-ra-ma-dốp” có đề-cập đến ba câu hỏi mà ma-qui đã đặt ra cho Chúa: “Thầy cứ hóa đá thành bánh mà ăn, có thể mới chứng-tỏ thầy là Con Thượng-Đế.” - “Để chứng-tỏ thầy là Con Thượng-Đế, thầy cứ lao mình xuống đi ! Vì Thánh-Kinh chép: Thượng-Đế sẽ sai thiên-sứ đưa tay nâng-đỡ con, cho chân con khỏi vấp vào đá.” - “Thầy chỉ cần quì gối lạy tôi, tôi sẽ cho thầy tất cả (các nước vinh-quang rực-rỡ khắp thế-giới)!” Nếu trên đời này đã một lần có một phép lạ thực-sự xảy ra thì phép lạ đó xảy ra trong ngày ma-qui thử cám-dỗ Chúa. Và ba câu hỏi này là phép lạ. Giả sử như ba câu hỏi của qui biến đi không còn nằm trong Kinh-Thánh và người ta bây giờ phải suy-nghĩ để tìm lại ba câu hỏi đó. Giả sử người ta hội-hợp tất cả các nhà bác-học, tất cả các bậc cầm-quyền, các bậc lãnh-đạo tinh-thần, các triết-gia và thi-sĩ lại và yêu-cầu họ: Xin quý vị suy-nghĩ và tìm ba câu hỏi vừa hợp với câu chuyện trong Kinh-Thánh, vừa gồm tóm được toàn-thể lịch-sử thế-giới và lịch-sử nhân-loại. “Chúng ta có tin rằng tất cả sự khôn-ngao của đời này có thể suy-nghĩ tìm ra được những câu hỏi vừa có quyền-lực vừa bí-hiếm như ba câu hỏi mà ma-qui đã đặt ra cho Chúa trong sa-mạc không ? Chỉ dựa vào ba câu hỏi này mà ta hiểu rằng, không một lý-trí hẹp-hòi của con người nào có thể đặt các câu hỏi đó cho Chúa, ngoài ra là ma-qui.”

Ingersoll, một văn-gia vô-thần nổi-tiếng, đã từng nói về

Chúa Giê-xu như sau: “Tôi đồng-ý với Renan rằng Chúa Cứu-thế là một nhân-vật hoàn-toàn duy-nhất: ”Hãy làm cho người khác những điều mà các con mong họ làm cho các con ! Đó là lý-tưởng của đạo-đức. Đó là đạo-đức của tất cả đạo-đức... Cùng với Chúa Cứu-thế chúng ta “hãy làm cho người khác...”, chắc-chắn trên trần-gian này sẽ không còn giết người, lường-gạt, tham-lam và chiến-tranh.“

Con người tuyệt-đối hoàn-toàn không thể do con người bất-toàn bịa-đặt nghĩ ra được.

## CÁC DẪN-CHỨNG PHỦ-NHẬN NGUỒN-GỐC THỰC-SỰ CỦA CÁC SÁCH TIN-LÀNH.

Chúng tôi đã nêu ra những dẫn-chứng của chúng tôi. Sau đây chúng tôi cũng xin lễ-phép nhắc lại những dẫn-chứng của các vị học-giả đã phủ-nhận nguồn-gốc thực-sự của các sách Tin-lành. Có tất cả ba dẫn-chứng:

1. Các sách Tin-lành kể chuyện Chúa đuổi những người buôn-bán ra khỏi Đền thờ. Theo quý-vị, “trong Đền thờ không có buôn-bán”. Làm sao các học-giả vô-thần biết điều đó ? Chúng tôi xin trích-dẫn Kinh Talmud của Do-thái-giáo. Quyển Kinh này chắc-chắn biết rõ về vấn-đề này hơn các học-giả vô-thần. Chương “Sa-bát”, trang 15a, có cho biết rằng bốn mươi năm trước khi Đền thờ bị phá đổ, tức là Chúa Giê-xu còn tại thế, có nhiều cửa tiệm trong Đền thờ.

2. Quý vị nói rằng “Kinh-Thánh kể về một bầy heo hai ngàn con ở vùng Ga-đa-rê-nê trong tỉnh Palestine. Nhưng người Do-thái trong thời Cựu-Uớc không được nuôi heo, vì thế trong tỉnh Palestine không thể có một bầy heo được.” Lập-luận này cũng tương-tự như lập-luận cho rằng ở nước Sô-viét không có tội-phạm vì luật-pháp ngăn-cấm tội-phạm, hay luận-điều cho rằng sự xung-đột giữa Cộng-sản Nga, Hoa và Nam-tư không thể xảy ra vì chủ-nghĩa Cộng-sản quốc-tế ngăn-cấm chuyện ấy !

Ngoài ra nếu quý vị nghiên-cứu địa-lý, quý vị sẽ thấy vùng Ga-đa-rê-nê ở Pê-rê-a, miền đông sông Giô-đanh, là một

vùng không thực-sự thuộc về tỉnh Palestine và không phải chỉ có những người Do-thái sống ở đó.

3. Quý vị học-giả vô-thần cho rằng tác-giả của các sách Tin-lành không phải là người Do-thái vì họ không nhắc đến súc-vật sống ở Palestine trong thời ấy như mèo rừng, chó rừng và báo.

Lập-luận này cũng tương-tự lập-luận cho rằng quyển “Chỉ Nam Vô-thần không được viết tại nước Sô-viết vì tác-giả này không nhắc đến biết bao nhiêu tín-hữu đang chịu đau-khổ trong các nhà tù.

Tôi đã trình bày những dẫn-chứng về giá-trị lịch-sử của các sách Tin- lành. Tôi cũng đã trình bày các lập-luận của các học-giả vô-thần phủ-nhận giá-trị lịch-sử của các sách Tin-lành. Phần suy-xét dành cho các đọc-giả.



## SỬ-ĐIỆP CỦA TÂN-ƯỚC.

Như chúng ta đã bàn, những lời chỉ-trích Kinh-Thánh Tân-Uớc vô căn-cứ.

Vậy thì những lời chỉ-trích đó có mục-đích gì ?

Giả sử Kinh-Thánh Tân-Uớc là một quyển sách sai-lầm thì điều này cũng không phải là lý-do để viết một quyển sách dày 700 trang. Hằng năm ở Sô-viết có những sách hay, sách dở, và thỉnh-thoảng sách rất tệ, được xuất-bản. Nhưng nào có ai khởi-xướng phong-trào chỉ-trích các sách vở dở tệ đó hết. Các đọc-giả biết suy-xét, tự-động không mua đọc các sách đó. Chính sách của đảng Cộng-sản thay-đổi thường-xuyên. Các tác-phẩm đang được ưa-chuộng có thể thỉnh-linh bị ngăn-cấm. Trước đây hơn hai mươi năm không ai dám thiếu các tác-phẩm của Stalin trong tủ sách riêng của mình. Nhưng trong vòng một ngày, theo lệnh trên, những tác-phẩm ấy hoàn-toàn biến-mất, không cần ai phải chỉ-trích các sách đó cả. Các sách đó bị đốt đi một cách bí-mật. Rồi Krutchev lần-lượt cho xuất-bản các bài báo và diễn-văn của mình. Những sách báo này đã được lựa chọn kỹ-càng để ai ai cũng quên rằng chính Krutchev cũng đã từng là đồ-đệ của Stalin. Nhưng rồi những sách báo này cũng biến-mất, không kèn không trống, không ai cần phải chỉ-trích cả. Trường-hợp các tác-phẩm của Trotsky (Trốt-ki) cũng tương-tự.

Vậy thì tại sao người ta lại phải chỉ-trích Kinh-Thánh, phải phân-tích Kinh-Thánh ra từng mảnh, trong khi dân-chúng Sô-viết bị ngăn-cấm không được đọc quyển Kinh-Thánh này để có một ý-kiến riêng ?

Quan-điểm phải đặt căn-bản trên những dẫn-chứng có thể kiểm-chứng được. Tiêu-chuẩn của khoa-học không phải là sự thật mà là quyền đi tìm sự thật và xử-dụng sự

thật vô-hạn-chế. Vậy tại sao quý vị lại cấm dân-chúng mua đọc Kinh-Thánh ?

Nguyên-nhân là vì Kinh-Thánh trình bày Thông-diệp quan-trọng nhất của Thượng-Đế gửi đến cho mỗi cá-nhân con người.

Có ai ăn cơm mà dám nghĩ cơm tự-nhiên mà chín không cần người nấu không ?

Thiên-nhiên là một bàn tiệc lớn. Trong thiên-nhiên có ngũ-cốc, khoai, sũ, thịt và các loại trái cây. Trong thiên-nhiên có ánh-sáng mặt trời, mưa gió, hoa đẹp và tiếng líu-lo của chim muông. Đó là những thức ăn cần-thiết nuôi sống thân-thể và linh-hồn của người đời. Ai là người nấu bàn tiệc thiên-nhiên này ? Đó là Đấng Tạo-hóa khôn-gan, đó là Thượng-Đế.

Có một khoa-học-gia kia đi từ phòng bào-chế về nhà. Người vợ dọn ra một đĩa rau xà-lách, mời chồng ăn. Vì khoa-học-gia này là người vô-thần nên nói: “Những lá xà-lách này, rồi muối, dấm, dầu và trứng này, tất cả đều là tự-nhiên mà có cả.” Bà vợ trả lời: “Đúng vậy, nhưng không có đĩa xà-lách nào ngon và đẹp bằng đĩa xà-lách của tôi hết.” Nếu các nguyên-tử gặp nhau một cách tình-cờ thì chúng không thể tạo nên vũ-trụ này.

Nguyên-tử là vật bí-ẩn. Sự sống cũng vậy. Các khoa-học-gia còn lâu mới khám phá ra tất cả những bí-ẩn của thiên-nhiên. Nhưng Thượng-Đế, Đấng sáng-tạo ra vật-chất và sự sống, còn huyền-bí hơn nữa. Kinh-Thánh sách Tin-lành Giảng dạy: “Không hề có ai thấy Thượng-Đế.” Có một lần kia Môi-se xin Chúa: “Xin Chúa cho con thấy mặt Chúa để con nhận ra Chúa.” Nhưng Chúa trả lời: “Con không thể thấy ta được, vì không ai thấy ta mà còn sống sót.”

Không có một triết-gia nào có thể nhận-thức được Thượng-Đế. Nhưng người dạn-dĩ chất-phác nhất cũng có thể nhận biết Chúa, cũng như không có một khoa-học-gia

nào có thể hiểu được những điều bí-ẩn của nguyên-tử, nhưng tất cả mọi người đều có thể xử-dụng những vật-chất do các nguyên-tử cấu-tạo nên.

Kinh-Thánh trình bày cho chúng ta biết về Thượng-Đế và thiên-nhiên.

Có một lần tôi hầu chuyện với một sĩ-quan giữ tù. Viên sĩ-quan này là đảng-viên của đảng Cộng-sản. Ông nhìn tôi một cách tin-tưởng và nói: "Một ngày vào thu, tôi nhìn qua cửa sổ thấy những cành cây không lá. Tôi biết rằng vào mùa xuân năm sau cây sẽ đâm chồi nảy lộc, chim-chóc sẽ ca-hát trên các cành cao. Tôi tin tưởng Đấng "tôi-không-biết-là-ai", hay là cái "tôi-không-biết-là-gì" đã tặng cho tôi cây cối, ngũ-cốc và bông hoa. Tôi ném than vào lửa thì lửa cháy sáng lên. Tôi tin-tưởng Uy-quyền hay là Con người - tôi không biết là ai hay là cái gì - đã lấy điều tốt thưởng cho con người xấu-xa chúng ta và thỉnh-thoảng thay-đổi những cuộc đời xấu-xa, cuộc đời của tội-nhân, thành cuộc đời của những người tuấn-đạo, sẵn-sàng chết cho những lý-tưởng thiêng-liêng. Tôi quen biết những người đó ở đây. Đó là những tín-hữu của Chúa Cứu-thế." Viên sĩ-quan cộng-sản này không nhận-thức được Thượng-Đế nhưng ông biết có Chúa.

Người vô-thần nhạo-cười những hình-ảnh giản-dị về Thượng-Đế, như hình vẽ ông già có râu trắng ngồi trên ngai. Nhạo cười như vậy không phải là việc khó lắm.

Khi còn nhỏ, các em được hướng-dẫn tìm-hiểu Chúa qua những hình-ảnh giản-dị trẻ con ấy. Nhưng khi lớn lên, nhiều người vì không hiểu Lời Kinh-Thánh đã giữ lại những hình-ảnh trẻ con về Thượng-Đế ấy. Những người này vô-tình để cho những người vô-thần có cơ-hội nhạo-cười. Nhưng Thượng-Đế không là những hình-ảnh trẻ con của con người.

Thật ra những hình-ảnh về Thượng-Đế không đáng cười hơn hình-dung về nguyên-tử của nhà vật-lý-học Niels

Bohr (Ni-ên Bo). Nguyên-tử hoàn-toàn khác hẳn, không giống như hình con người vẽ. Nhưng nếu không vẽ ra thì khoa-học không thể nào hình-dung ra nguyên-tử được. Cũng thế, chúng tôi là tín-hữu của Chúa Cứu-thế cần sử-dụng ngôn-ngữ và hình-ảnh của con người để diễn-tả Thượng-Đế của chúng tôi. Nhưng như Thomas Aquinas, một giáo-sư thần-học nổi danh, đã nói: “Thượng-Đế không phải là cái mà ta tưởng-tượng và cái mà ta tin là mình hiểu. Nếu ta hiểu thì ta đã hiểu sai rồi.” Trí khôn của con người rất hạn-hẹp không thể hiểu nổi cõi miên-viễn - nhưng như chúng tôi đã thưa ở trên - chúng ta có thể nhận-biết Thượng-Đế.

Có một lần, một tín-hữu hỏi một người vô-thần đang đi trên đồng cỏ: “Ai đã tạo-dụng nên những bông hoa đẹp-đẽ này ?” Người vô-thần trả lời: “Thôi mà, anh đừng có lập đi lập lại những chuyện nhảm-nhí về Thượng-Đế nữa. Dĩ-nhiên bông hoa này tự-nhiên mà có.” Người tín-hữu im-lặng. Vài ngày sau người vô-thần đến nhà người tín-hữu thăm. Trong phòng khách có treo một bức ảnh vẽ hoa rất đẹp. Người vô-thần hỏi: “Ai vẽ bức tranh này ?” Người tín-hữu trả lời: “Anh đừng hỏi chuyện vô-lý nữa. Không ai vẽ bức tranh này hết. Bức tranh này tự-nhiên mà có. Thiên-nhiên đã tự đóng cái khung này. Rồi nó tự nhảy lên tường, bám vào cái đinh tình-cờ dính trên tường.” Người vô-thần rất tức-giận về câu nói chơi này. Nhưng người tín-hữu hỏi tiếp: “Anh tin rằng ba cái hoa trong bức tranh này, không thơm, không sống do một người vẽ ra, mà không tin rằng hằng triệu bông hoa sinh-động khác đang tỏa hương thơm trên các đồi núi cao và dưới những cánh đồng bát-ngát có một Đấng sáng tạo, như vậy có lý không ?”

Thượng-Đế huyền-bí. Chúa Giê-xu dạy chúng ta cầu-nguyện: “Lạy Cha chúng con ở trên trời !”, chứ không dạy: “Lạy Cha chúng con ở trên đường hay ở trong một ngõ hẻm nào.”

Nếu ta giết một con bướm-bướm lên trên tường tức là ta giết nó. Nó không còn là một con bướm-bướm nữa mà là một cái thây chết. Cũng thế, chúng ta không thể lấy một định-nghĩa nào xác-định Thượng-Đế. Chúng ta có thể dùng một vài danh xưng để diễn-tả Thượng-Đế, nhưng phải biết rằng những danh xưng này chỉ có tính cách tương-đối. chỉ có một điều mà chúng ta có thể xác-định là: Thượng-Đế là một Đấng vĩ-đại, không ai vĩ-đại hơn.

Nhưng Thượng-Đế đã mặc-khải Ngài qua Chúa Cứu-thế Giê-xu. Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời đã đến trần-thế. Kinh-Thánh Tân-Uớc trình bày rất rõ-ràng về Chúa Giê-xu. Hằng triệu người đã để Chúa thay đổi cuộc đời mình.

Các học-giả vô-thần cho rằng giáo-lý của Chúa Cứu-thế phá-hoại niềm vui sống. Quan-điểm này sai-lầm. Tin Chúa không phải là từ-khước niềm vui sống. Từ-khước niềm vui sống là từ-chối điều mà chúng tôi, những người tin Chúa, gọi là sự sáng-tạo của Đấng Tạo-hóa. Vì thế chúng tôi không gạt bỏ món quà quý mà người Cha hiền-lành đã ban cho chúng tôi. Cơ-đốc-giáo không ngăn-cấm ai vui sống. Trái lại, cơ-đốc-giáo bổ-khuyết niềm vui trần-thế bằng niềm vui thiên-thượng. Không có niềm vui nào lớn hơn tình yêu.

Xin các bạn đừng tin những điều sai sự thật mà người ta nói về chúng tôi. Người ta vừa nói xấu chúng tôi vừa bịt miệng chúng tôi. Sự-kiện này chứng-tỏ họ không đáng tin-cậy.

Các bạn nên tin vào Thượng-Đế.

Thượng-Đế đang chịu đau-khổ với chúng ta. Chúa đang chia-xẻ niềm lo-âu của chúng ta. Chúa đã hy-sinh mạng sống cho chúng ta vì Chúa yêu chúng ta.

Hiểu biết Thượng-Đế là điều-kiện để hiểu biết thế-giới. Con người không có sự thật và Thượng-Đế, nhưng con người có sự thật được bao-phủ bằng vinh- quang Thượng-

Đế. Cũng như trong một bức họa, người ta không vẽ một # quang-cảnh nào đó rồi thêm vào hình mặt trời đang lặn, nhưng đồi núi và cỏ cây phải nhuộm màu-sắc của buổi hoàng-hôn.

Ở Thái-lan người ta đào được những hình vẽ thuộc thời tiền-sử. Những hình vẽ này người và cá giống như những hình chụp quang-tuyến. Con người trước đây hơn ba ngàn năm đã vẽ những chi-tiết mà mình không thấy nhưng biết là có: bộ xương, các cơ-quan như dạ-dày, phổi, gân... Người ta cũng tìm thấy những hình vẽ tương-tự ở các bộ-lạc tại Úc.

Chúng ta cho rằng nghệ-thuật này còn phôi-thai. Có lẽ những hình vẽ này không đẹp và không có nghệ-thuật như những bức họa ngày nay, nhưng những hình vẽ đó đi gần sự thật hơn. Ngày nay, nếu ta đi xem một cuộc triển-lãm tranh chân-dung, ta chỉ thấy bộ mặt, hai tay, và y-phục của những chân-dung ấy. Các nghệ-sĩ thời tiền-sử muốn trung-thành với sự thật hơn chúng ta là những người trí-thức tân-tiến.

Kinh-Thánh Tân-Uớc cũng trình bày thế-giới và lịch-sử bằng những hình-ảnh “quang-tuyến”. Người duy-vật chỉ thấy những hình-thức bề ngoài. Người tín-hữu nhìn thấy nội-dung bên trong. Ngoài ra, người tín-hữu cũng nhìn thấy yếu-tố đang làm cho thế-giới và lịch-sử sống-động: Thượng-Đế, là Đấng đang hành-động trong vũ-trụ và đang mặc-khải tình yêu của Ngài.

Thượng-Đế đã gửi Con Một của Ngài, tức là Chúa Cứu-thế Giê-xu, đến với chúng ta. Cũng như người làm bánh lo coi bánh, người làm nông lo cho rau cải, người thợ làm giày lo cho hàng đến tay khách, vị giáo-sư lo chuyển đạt kiến-thức cho học trò, Chúa Giê-xu, Con của Thượng-Đế, con người vô-tội duy-nhất, cũng đang lo-lắng thay cho chúng ta. Chúa đem sự công-chính của Ngài đến cho chúng ta. Chúng ta sẽ như con sơ-sinh, như người không

hề biết tội. Cuộc đời bắt đầu trở lại từ đầu với Thượng-Đế, vì Thượng-Đế đã tha-thứ tất cả tội-lỗi của chúng ta.

Có lẽ bạn nhận thấy tội-lỗi của bạn nặng lắm. Tội-lỗi đưa đến đau-khổ. Có lẽ máu và nước mắt đã đổ ra nhiều, và bạn biết mình có tội. Bây giờ, Chúa nhận tội thay cho bạn và chịu lãnh án hình-phạt thay cho bạn. Chúa đã lãnh án hình-phạt thay cho bạn bằng cách chết trên cây thập-tự, trên ngọn đồi tên là Gô-gô-tha, gần thành-phố Giê-ru-sa-lem. Nhờ vết thương của Chúa mà chúng ta được lành.

Kinh-Thánh dạy: “Vì Thượng-Đế yêu-thương nhân-loại đến nỗi hy-sinh Con Một của Ngài, để tất cả những người tin nhận Con Thượng-Đế đều không bị hư- vong nhưng được sự sống vĩnh-viễn.” (Giăng chương 3 câu 16). Xin các bạn để ý chữ “tất cả”. Trong chữ “tất cả” gồm tóm cả các bạn vô-thần, tức là mọi người, kể cả những tội-nhân đã từng phạm những tội nặng nhất.

Sống không phải chỉ để làm việc, ăn-uống, ngủ nghỉ... Chúa Cứu-thế là Thần Linh. Chúa muốn giúp chúng ta chiến-thắng tội-lỗi, cái chết và địa- ngục. Chúa đang chờ quyết-định của chúng ta. Chúa hứa ban cho chúng ta một thiên-đàng, chẳng những trong tương-lai nhưng ngay bây giờ, trong tâm-hồn của chúng ta - một cuộc sống thiên-thượng.

Kinh-Thánh dạy cho chúng ta biết rằng Chúa Cứu-thế, Con Thượng-Đế, đã yêu-thương con người, đến nỗi trong giây phút hấp-hối trên cây thập-tự, Chúa đã cầu-nguyện cho những người đã giết Ngài. Có lẽ bạn là một người trộm-cấp: Chúa đã chết trên cây thập-tự giữa hai tên cướp và đã ban ơn cứu-rỗi cho tên cướp biết hối-cải. Chúa không xua đuổi tội-nhân, trái lại, Chúa là bạn của tất cả mọi người.

Kinh-Thánh bị những người vô-thần chỉ-trích vì Kinh-Thánh lấy tình yêu làm nguyên-tắc sống và lấy tâm-hồn

làm mảnh đất cho thiên-đàng. Những lầm-lẫn trong cuộc đời thường chỉ vì thiếu tình yêu. Người nào soi mình trong tấm gương chân-lý - tức là Chúa Cứu-thế - thì sẽ thấy linh-hồn mình được tình yêu Chúa bao-bọc, và người đó sẽ được tự-do.

Kinh-Thánh thường bị cấm-đoán trong các nước cộng-sản vì qua Kinh-Thánh con người có thể tâm-giao với Thượng-Đế. Đây là lý-do tại sao người ta tìm cách chỉ-trích Kinh-Thánh một cách vô căn-cứ.

Các lãnh-tự chính-trị, dù nổi-tiếng đến đâu, khi chết cũng không ai màng ca-tụng họ nữa. Nhưng Chúa Cứu-thế Giê-xu được ca-tụng trên toàn thế-giới từ hai ngàn năm nay, từ khi Chúa chịu chết trên cây thập-tự. Mặc dầu những người con yêu của Chúa Cứu-thế bị khùng-bố, ngược-đái, tiếng hát ca-tụng Chúa của họ vẫn vang lên không hề dứt



## NHỮNG CHỈ-TRÍCH CHỐNG LẠI KINH-THÁNH.

Sau khi chỉ-trích Kinh-Thánh Tân-Uớc, các học giả vô-thần bước qua phần chỉ-trích toàn-bộ Kinh-Thánh. Nhưng rất tiếc là những chỉ-trích này rất hời-hợt.

Thí-dụ như thuyết vô-thần của Feuerbach. Feuerbach không tin-tưởng Thượng-Đế, nhưng chủ-trương bảo-tồn tôn-giáo vì tôn-giáo làm con người cao- quý, tử-tế và công-chính. Trong bộ “Căn-bản của Cơ-đốc-giáo”, quyển II, Feuerbach cho rằng tôn-giáo là thánh vì tôn-giáo là “truyền-thống của ý-thức đầu tiên”, tức là, theo Feuerbach, của thời thơ-ấu. Feuerbach đặt câu hỏi: “Bảo-tồn những kỷ-niệm của thời thanh-xuân không phải là điều cao-đẹp sao ?”

Cho rằng tôn-giáo có vẻ trẻ con không phải là sai-lầm. Chính Chúa Giê-xu đã dạy chúng ta phải giống như con trẻ. Tất cả chúng ta đều quý những kỷ-niệm của thời thơ-ấu. Vậy thì tại sao chúng ta phải tiêu-diệt những kỷ-niệm đó một cách dã-man ? Phải chăng những người muốn tiêu-diệt tôn-giáo là những người nhớ lại linh-hồn của mình thời thơ-ấu trong-sạch hơn bây giờ ?

F.Nietzsche là người đầu tiên tuyên-bố: “Thượng-Đế đã chết”. Hitler là một người rất hâm-mộ Nietzsche. Vì cho rằng Thượng-Đế đã chết thật nên Hitler không do-dự giết chết hàng triệu người, lớn cũng như nhỏ. Nhưng Nietzsche khác xa với học trò tương-lai của mình. Nietzsche đề-cập đến sự kính-sợ thiêng-liêng trước cái chết của Thượng-Đế. Anh chàng điên (của Nietzsche), sau khi tuyên-bố cái chết của Thượng-Đế, đã đi đến nhà thờ và ca bản “Requiem aeternam Deo”, một bản ca đưa đám cho Thượng-Đế. Đối với Nietzsche, cái chết của Thượng-

Đế là màn cuối của một thảm-kịch. Người ta cảm-xúc được lòng đau thương của Nietzsche trước cái chết của Thượng-Đế.

Đối với các học-giả vô-thần ngày nay thì ngược lại. Họ muốn sống trên cái chết của Thượng-Đế. Nếu Chúa chết thì họ không cần phải lo-nghĩ đến lương-tâm, đến sự thành-thật và đến tình yêu nữa. Tóm lại, họ có thể làm tất cả những điều họ muốn.

Các học-giả vô-thần nhận biết rằng văn-chương thế-giới sẽ không còn giá-trị nếu không có quyển Kinh-Thánh. Nếu không có Kinh-Thánh thì các tác-phẩm của Dostoevski, Tolstoi, Milton, John Bunyan, Walter Scott và Anatole France còn có giá-trị gì ? Tennyson cho rằng sách Gióp trong Kinh-Thánh là tập thơ hay nhất mà ông đã từng đọc. Trong các tác-phẩm của Tennyson, ông đã trích dẫn Kinh-Thánh ba trăm lần. Shakespear đã sử-dụng hơn năm trăm ý và câu gốc của Kinh-Thánh. Thơ “Darkness” của Byron (Bai-rơn) được hình-thành là do sách Giê-rê-mi của Kinh-Thánh cảm-hứng.

Ngay cả “Tư-bản Luận” và nhiều tác-phẩm khác của Marx cũng như các tác-phẩm của Hegel cũng đã trích dẫn Kinh-Thánh nhiều lần.

Nếu không có Kinh-Thánh, người ta sẽ không hiểu được các tác-phẩm của Michel Angelo, Raphael, Leonardo Da Vinci, Rembrandt, và các họa-sĩ trứ danh khác trên thế-giới.

Nếu không có Kinh-Thánh, không ai hiểu được các nhạc-phẩm của Bach, Beethoven (Bít-tô-vên), Mozart (Mô-za), Haydn (Hai), Brahms...

J.J.Rousseau viết: “Các lý-thuyết của các triết-gia cũng như tất cả những sự mâu-thuẫn của các lý-thuyết đó vừa đáng thương vừa không có giá-trị nếu đem ra so-sánh với Kinh-Thánh. Phải chăng một quyển sách vừa giản-dị vừa hoàn-toàn như vậy là do con người viết ra ?”

Garibaldi, một nhà ái-quốc đã giải-phóng và thống-nhất nước Ý vào năm 1879, đã góp ý về Kinh-Thánh như sau: “ Chính Kinh-Thánh là súng đại bác đã giải-phóng nước Ý.”

Còn đối với các bạn cộng-sản thì ra sao ?

Marx viết: “Khi Luther dịch Kinh-Thánh ra cho dân-chúng bằng một ngôn-ngữ bình-dị thì ông đã trao vào tay họ một khí-giới tối-tân chống lại giới quý- tộc, địa-chủ và giáo-quyền.”

Stalin và Mikoyan vốn là sinh-viên đại-chủng-viện. Miko-gian đã tốt-nghiệp thần-đạo. Chính Kinh-Thánh đã đem lại cho họ những kiến-thức đầu tiên. Kroutchev cũng thú-nhận đã tập đọc bằng Kinh-Thánh.

Căn-bản của tất cả các nước xã-hội: “Ai không chịu làm việc, cũng đừng nên ăn” trích từ Kinh-Thánh (thư II Tê-sa-lô-ni-ca chương 2 câu 10). Lý-tưởng cộng-sản xuất-xứ từ Kinh-Thánh: “Số tín-hữu đồng-đạo ấy đều đồng- tâm nhất-trí, không ai coi tài-sản mình là của riêng, nhưng kể mọi vật là của chung. Các sứ-đồ đẩy-dẩy quyền-năng, truyền-giảng sự sống lại của Chúa Giê-xu và được mọi người quý-mến. Không một người tín-hữu nào túng thiếu vì nhiều người bán nhà cửa mình, ruộng-đất trao tiền cho các sứ-đồ. Các sứ-đồ phân-phối cho các tín-hữu tùy theo nhu-cầu của mọi người” (Công-vụ các sứ-đồ chương 4 câu 32 đến 35).

Các môn-đệ đầu tiên đã sống với lý-tưởng cộng-sản, nhưng trong tình yêu và tinh-thần tự-nguyện: không ai bị bắt-buộc và cũng không ai bị tịch-thu tài-sản. Tình yêu khuyến-khích mỗi người nên chia-sớt cho anh chị em mình. Chủ-nghĩa cộng-sản ngày nay bắt nguồn từ Kinh-Thánh.

Tin hay không tin Kinh-Thánh là điều có thể hiểu được. Nhưng con người ít ra cũng phải biết quý-trọng gia-tài mình đã nhận được. Làm sao ta có thể quên được rằng

Kinh-Thánh là quyển sách đầu tiên in ra ở Âu-châu. Làm sao ta có thể quên được các giáo-sĩ cơ-đốc đã giảng-dạy cho các bộ-lạc sơ-khai ở Phi-châu, đã giúp-đỡ họ thay đổi cuộc đời ăn thịt người, biết đọc, biết viết, biết sống hòa-đồng với xã-hội văn-minh ?

Một lần kia có một thổ-dân, trước vốn là tay ăn thịt người, nói với một cán-bộ tuyên-truyền cộng-sản: “Anh nói sao ? Quyển sách này sai-lầm ? Tôi đã từng đem quyển sách này về nhà đọc, thấy lòng mình tan-vỡ ra. Làm sao một quyển sách sai-lầm có thể làm điều đó được ? Tôi đã từng ăn thịt người, say sưa, ăn-cắp và gian-dối, và quyển sách này đã dạy tôi và đổi tôi thành một người mới. Không, quyển sách này không sai-lầm đâu.”

Trong thế-kỷ thứ 17, thuyết vô-thần chưa được phát-triển trong các cộng-đồng người Do-thái. Một người Do-thái nói với một người Ra-bi (thầy dạy luật Do-thái-giáo) rằng: “Tôi không tin Thượng-Đế.” Vị Ra-bi ôm người đồng-hương rồi nói: “Anh ơi, tôi muốn được như anh lắm. Anh ở trong một hoàn-cảnh sướng hơn tôi. Khi gặp một người đang đau-khổ, tôi tự nói: Thượng-Đế sẽ giúp-đỡ người đó, nhưng tôi thì không giúp. Còn anh thì không tin Thượng-Đế hiện-hữu, vậy anh phải giúp-đỡ người đang đau-khổ. Anh phải làm những công-việc của Thượng-Đế. Vậy, anh nên cho người đói ăn, an-ủi người buồn-rầu, nói sự thật cho người, đem niềm vui cho người, anh hãy yêu-thương tất cả và cư-xử với mọi người như thế Thượng-Đế. Một năm sau mình gặp nhau lại, rồi xin anh cho tôi biết có Thượng-Đế hay không ?”

## GIÁ-TRỊ LỊCH-SỬ CỦA CÁC NHÂN-VẬT TRONG KINH-THÁNH.

**Phê-bình Kinh-Thánh** là quyền chính-đáng của lý-trí. Mặc dù tin vào sự mặc-khải của Thượng-Đế và sự toàn-hảo của Kinh-Thánh, chúng tôi cũng không hề bỏ lỡ cơ-hội nghiên-cứu bản văn và nội-dung của Kinh-Thánh một cách kỹ-lưỡng.

Tin-hữu của Chúa Cứu-thế không tin Kinh-Thánh là một sách khoa-học. Kinh-Thánh là một tác-phẩm Đông-phương, đã có hai ngàn năm, có nhiều bài thơ và biểu-tượng nên không thể được xử-dụng như một sách khoa-học.

Nhưng khoa-học không thể phủ-nhận những sự thật trong Kinh-Thánh. Đó là những sự thật đã được kiểm-chứng. Ngay cả khảo-cổ-học cũng không thể bác-bỏ Kinh-Thánh, ngược lại, các khám phá của khảo-cổ-học chỉ làm cho Kinh-Thánh đáng tin-cậy hơn.

Đối với các học-giả vô-thần, câu chuyện về A-đam và Ê-va chỉ là truyện cổ-tích. Nhưng người ta không có bằng-cớ nào để phủ-nhận sự-kiện A-đam và Ê-va đã sống thực-sự trong vườn Ê-đen, rồi bị đuổi ra khỏi vườn đó.

Truyện cổ-tích không phải là chuyện không có thực, nhưng là sự việc “rất thực”, được diễn-tả bằng hình-ảnh và biểu-tượng, phát-xuất từ tâm-khảm của con người.

Câu chuyện A-đam và Ê-va có giá-trị hơn là một câu chuyện lịch-sử. Câu chuyện này vừa có tính cách lịch-sử

vừa có tính cách cổ-tích.

Thật ra chúng ta chỉ là “bản chụp” của A-đam và Ê-va. Những điều đã xảy ra cho hai người cũng đang xảy ra cho chúng ta. Thế-giới đã có lần không có tội, không có lo-âu, ganh-ghét và nan-đề. Có lẽ các bạn còn nhớ lúc mình phạm lỗi đầu tiên. Các bạn trốn-tránh Thượng-Đế vì đã sống ngược lại những lễ-luật luân-lý của xã-hội. Sau này, hành-động trốn-tránh thể-hiện bằng cách giấu Đấng một vài điều trong tiểu-sử của mình. Chúng ta không nên trách tổ-tiên của chúng ta. Chúng ta không nên nghĩ phải chi mình là A-đam và Ê-va, mình đã không ăn trái cấm !

A-đam và Ê-va là mẫu của tất cả nhân-loại. Phản-nghĩa của truyện cổ-tích không phải là cái có thực. Truyện cổ-tích thường đào sâu ý-nghĩa của một sự-kiện riêng và trình bày sự-kiện ấy làm kiểu-mẫu chung cho toàn-thể nhân-loại. Ta không thể thưởng-thức tác-phẩm “Mona Lisa” rồi tự nhủ, đó chỉ là gương mặt của một sinh-vật. Một bức tranh cũng có thực như là con người mà bức tranh muốn diễn-tả. Bức tranh “Mona Lisa” trong một phương-diện còn “thực-sự” hơn chính nàng Lisa, vì bức tranh đó đẹp hơn, trường-tồn hơn. Bức tranh đó đã diễn-đạt những tính tốt của nàng. Bức tranh đó sửa-chữa thiên-nhiên. Bức tranh đó không mâu-thuẫn với con người thực. Cũng thế, ý-nghĩa căn-nguyên “A-đam Ê-va” không mâu-thuẫn với sự-kiện lịch-sử.

Về vấn-đề Chúa nhận tội-lỗi và chết thay cho con người để chúng ta được cứu-rỗi cũng tương-tự. Mỗi khi lầm-lỗi, chúng ta thường tìm cách đổ tội cho người khác. Chúa Cứu-thế hiểu tâm-lý này của con người tội-lỗi nên tự-nguyện đứng ra sẵn-sàng nhận tội cho chúng ta. Chúa là Con Thượng-Đế, sẵn-sàng chịu trách-nhiệm cho cả cuộc đời chúng ta. Vì yêu chúng ta nên Chúa đã hòa-đồng với chúng ta và nhận án-phạt thế cho chúng ta. Chúa đã chịu đau-khổ trên cây thập-tự ở đồi Gô-gô-tha thế cho chúng

ta. Chúng ta được tự-do, không còn bị tội-lỗi đầy-đọa, vì huyết của Chúa Cứu-thế đã tuôn ra thế cho chúng ta. Rồi Chúa sống lại để dạy cho chúng ta biết rằng, nếu chúng ta tiếp-nhận Chúa, chúng ta cũng sẽ sống lại và sẽ sống mãi với Ngài trong Thiên-đàng.

Cái chết và sự sống lại của Chúa là những sự-kiện lịch-sử. Còn truyện thần-thoại về một vị thần đã hy-sinh cho tội-lỗi và đã sống lại đã có từ xưa, trước thời Chúa Giê-xu. Các học-giả vô-thần có lý khi nhắc đến những truyện thần-thoại về thần Hô-rus của Ai-cập, về thần Mithra và những vị thần khác. Khác với Chúa Cứu-thế, những tà-thần này không có tính cách lịch-sử nhưng là những thần giả-mạo Chân-Thần. Có người đã hy-vọng các thần Horus, Mithra và Dionysos sẽ giải-phóng mình khỏi tội-lỗi. Và các nữ-thần Kunyin, Isis và Diana thể-hiện lòng khát-khao những hình-ảnh lý-tưởng về sự trong-sạch, nhân-từ, hy-sinh và những đức-tính của phụ-nữ.

Còn câu chuyện về nạn Hồng-thủy trong đời Nô-ê có phải là truyện hoang- đường không ?

Câu chuyện nạn Hồng-thủy trong Kinh-Thánh được các truyện tích của người Trung-hoa, Hy-lạp, Anh và Mỹ-tây-cơ xác-nhận. Năm 1870 người ta đào được ở miền Lưỡng-hà một bản đá viết bằng chữ hình chót kể về một nạn lụt rất lớn tương-tự như nạn Hồng-thủy trong Kinh-Thánh. Bản đá này được viết khoảng năm 3000 TC, tức là lúc con người còn có thể nhớ lại về nạn Hồng-thủy một cách rõ-ràng.

Câu truyện này kể về một người hùng của nạn lụt tên là Út-na-pisch-tim đã sống sót. Các thần của thành-phố Schu-rup-pak (ngày nay là Fa-ra) quyết- định tiêu-diệt con người bằng nước lụt. Thần Ê-a đã báo tin này cho Út-na-pisch-tim để cứu ông và cả gia-đình.

Người ta cũng khám phá một câu truyện khác kể về nạn lụt bằng tiếng Su-mê. Ngôn-ngữ này là nguồn-gốc của tiếng A-sy-ri và Ba-by-lôn.

Nhà nhân-chủng-học James Frazer đã sưu-tầm những truyện cổ-tích về nạn lụt. Những câu truyện này được lưu-truyền ở nhiều địa-phương khác nhau, xa nhau, như ở đảo Leeward, Bengalen, ở Trung-hoa, Mã-lai. Các dân-tộc này đã lưu-truyền biến-cổ khủng-khiếp này. Các câu truyện này đều có những điểm chính giống nhau: nạn lụt là hình-phạt dành cho những người gian-ác và chỉ có những người hiền-lành mới được sống sót. Josephus Flavius được coi như một sử-gia đáng tín-nhiệm nhất trong các sử-gia thời cổ. Trong tác-phẩm “Thời cổ của người Do-thái”, ông viết: “Người Armenian gọi địa-danh này (chỗ Nô-ê và gia-đình ra khỏi tàu) là Apobaterion, nghĩa là “Chỗ ra khỏi tàu”.

Câu chuyện về nạn Hồng-thủy có tính cách vừa “thực-sự” vừa “cổ-tích”. Ai ai cũng đều biết trong tâm-khảm của mình rằng “gieo gió thì gặt bão”. Chúng ta cũng biết trong nhiều trường-hợp, hễ “ở hiền thì gặp lành”. Những người hiền-lành đạo-đức được thoát khỏi những hoạn-nạn hiểm-nguy. Câu chuyện thực-sự về nạn Hồng-thủy cũng như chân-lý mà câu chuyện này muốn trình bày được ghi-khắc trong ký-ức của con người. Cả hai, câu chuyện và chân-lý của câu chuyện đó đều có thực.

Câu chuyện về nạn Hồng-thủy trong đời Nô-ê không phải là một trường-hợp đặc-biệt. Chúa Giê-xu dạy: “Thế-giới vẫn an-nhiên hưởng-thụ - cưới gả, tiệc tùng - y như thời Nô-ê trước nạn Hồng-thủy. Chẳng ai tin nước lụt sẽ tràn- ngập, cuốn sạch mọi người. Ngày Ta trở lại cũng thế.” (Tin-lành Giăng chương 24 câu 27-29).

Thế-giới ngày nay đang đối-diện với một đại-nạn khủng-khiếp. Theo lời Kinh-Thánh dạy, lần này thế-giới sẽ bị phá-hủy bằng lửa. “Các thể-chất bị đốt mà tiêu-tan.” (thư II Phierơ chương 3 câu 10). Thánh Phierơ vốn là một ngư-phủ, đã viết những lời này trước đây gần 2000 năm. Thời ấy chưa ai biết gì về những yếu-tố hóa-học có sức tàn-phá,



về tính tiêu-hủy và sức đốt-cháy của các nguyên-tử. Cũng như Nô-ê ngày xưa, ngày nay Hội-thánh được Thượng-Đế báo trước về ngày đại-nạn. Thế-giới thời Nô-ê đã bị tiêu-diệt vì không nghe lời khuyên-bảo của Nô-ê, thế-giới ngày nay sẽ ra thế nào nếu không nghe lời cảnh-cáo của Hội-thánh ?

Cuộc đời của Áp-ra-ham và dòng-dõi của ông có giá-trị lịch-sử không ?

Lúc Sa-ra qua đời, Áp-ra-ham mua hang đá Mạc-bê-la để an-táng vợ. Sau này hang đá đó trở thành nghĩa-địa của toàn-thể gia-đình. Y-sác, Rê-bê-ca, Lê-a và Gia-cốp đều được chôn ở đó. Ngày nay người ta xây trên hang đá này một mosque (Đền-thờ Hồi-giáo) và một Nhà-hội (Giảng-đường Do-thái-giáo). Chỗ này cũng đã trở thành một trong những thánh-địa hành-hương quan-trọng nhất của Hồi-giáo.

Một địa-điểm khác dẫn-chứng giá-trị lịch-sử của dòng-dõi Áp-ra-ham: giếng Gia-cốp. Chính tại đây, Chúa Giê-xu đã trò chuyện với một phụ-nữ người Sa-ma-ri. Giếng này ngày nay vẫn còn tại Palestine. Người ta cũng xây ở đó một nhà thờ nhỏ, bàn thờ nằm ngay trên miệng giếng.

Năm 1933, giáo-sư khảo-cổ Parrot đã khai-quật vùng Tell Hariri. Tell Hariri nằm giữa Đa-mách và Mosul, là chỗ gia-đình Áp-ra-ham đặt chân đến xứ Ca-na-an. Người ta đã tìm được dấu-vết của nền văn-minh Ma-ri ở đó. Các nhà nghiên-cứu về đế-quốc A-si-ri đã tìm đọc được một bản chữ bằng đất-sét. Bản chữ bằng đất-sét này là bản tường-trình của Bun-num, một sĩ-quan cảnh-sát trong sa-mạc khoảng 17 thế-kỷ TC. Bản tường-trình này viết như sau: "Tôi, hầu cận của Vua, xin tâu với Vua của tôi: Hôm qua tôi rời Ma-ri và nghỉ đêm tại Zê-ru-ban. Tất cả những người Bên-gia-min đều lấy lửa làm hiệu cho nhau. Từ Sa-ma-num đến I-lum-mu-luk, từ I-lum-mu-luk đến Misch-lam, tất cả các làng của người Bên-gia-min ở vùng Ter-

qua đều lấy lửa làm dấu hiệu trả lời. Tôi chưa biết chắc những dấu hiệu này có nghĩa là gì ?”

Ngoài ra các bản đá được khám phá tại đó còn nhắc đến tên người Bê-ni-gia-min ba lần nữa. Câu ghi-chú về triều-đại vua Jah-du-lim được viết như sau: “Vào năm Jah-du-lim đến Hê-n và chiếm vùng đất của người Bê-ni-gia-min.” Thời vua cuối-cùng của nền văn-minh Ma-ri để lại cho chúng ta hai câu ghi-chú: “Vào năm Zim-ri-lim I giết Đa-vi-đum là người Bê-ni-gia-min” và “Một năm sau khi Zim-ri-lim I giết Đa-vi-đum là người Bê-ni-gia-min”.

Theo Kinh-Thánh, Bê-ni-gia-min là con trai út của Gia-cốp.

Vậy tại sao ta có thể quả-quyết rằng các tên con trai Gia-cốp không có giá-trị lịch-sử ?

Tên Y-sơ-ra-ên được nhắc đến lần đầu tiên trong một chứng-thư ngoài Kinh-Thánh. Chứng-thư này được khám phá ra trong một đền-thờ gần Thê-bên, hiện được bảo-tàng-viện Cai-rô lưu-trú. Đoạn cuối của bản chứng-thư có ghi: “Ca-na-an bị cướp và chịu nhiều khổ-cực. As-ka-lôn bị tù, Gê-ser bị thua. Gia-nô-am bị tiêu-diệt. Dân-tộc Y-sơ-ra-ên bị tan-tành, không còn con cháu nữa. Palestine trở thành vợ góa của Ai-cập.”

Như vậy, tên Y-sơ-ra-ên đã có ghi trong lịch-sử từ năm 1229 TC.

Chúng tôi xin kể một câu chuyện vui của người Do-thái như sau: Goldstein đang ngồi trên xe lửa đối-diện với một người Do-thái khác tên là Herscovici. Hai người không quen biết nhau. Goldstein muốn bắt chuyện nên hỏi Herscovici: “Thưa đồng-chí, xin đồng-chí cho biết mấy giờ rồi ạ.” Herscovici không trả lời gì cả. Goldstein hỏi đi hỏi lại nhiều lần, nhưng lần nào Herscovici cũng không trả lời. Cuối-cùng Goldstein hỏi: “Thưa đồng-chí, tôi thấy đồng-chí có đeo một cái đồng-hồ trên cổ tay. Tại sao đồng-chí không cho tôi biết mấy giờ rồi ?”

Herschcovici trả lời: “Thưa đồng-chí, đồng-chí đâu có muốn biết giờ giấc, đồng-chí chỉ muốn tìm dịp bắt chuyện thôi. Nếu tôi trả lời 9 giờ, chắc đồng-chí sẽ hỏi: Đồng-hồ hiệu gì vậy ? Nếu tôi trả lời: Đồng-hồ vàng Thụy-sĩ, chắc đồng-chí sẽ hỏi: Vậy chắc đồng-chí làm lớn lắm, nếu không tại sao có thể sắm một cái đồng-hồ quý như thế ? Nếu tôi trả lời: Tôi là giám-đốc trong Bộ Ngoại Thương, chắc đồng-chí sẽ hỏi: Nhà đồng-chí ở đâu ? Nếu tôi nói: Ở đường Artillerinaja, chắc đồng-chí sẽ hỏi về gia-đình tôi và tôi sẽ kể cho đồng-chí nghe tôi có vợ và ba con gái. Rồi đồng-chí sẽ hỏi tôi có đem hình gia-đình theo không, và tôi sẽ đem hình nhà ra khoe với đồng-chí. Rồi đồng-chí thấy thích con gái lớn của tôi, tên là Ê-xơ-tê, chắc đồng-chí sẽ xin được phép đến thăm gia-đình tôi. Chắc đồng-chí sẽ yêu Ê-xơ-tê và xin cưới nàng. Mà tôi thì không muốn con gái tôi lấy một người nghèo đến nỗi không có được một cái đồng-hồ !”

Nhiều người ngày nay cũng vì vậy mà phủ-nhận giá-trị lịch-sử của nhân-vật Áp-ra-ham và con cháu Áp-ra-ham. Vì nếu nhận Áp-ra-ham là một nhân-vật lịch-sử đúng như Kinh-Thánh lưu-truyền thì họ bị hỏi, tại sao đến nay, 4000 năm sau, Áp-ra-ham còn được tôn-kính. Nếu họ trả lời: “Vì Áp-ra-ham tin-tưởng Thượng-Đế, vâng theo tiếng Chúa, vâng-phục đến nỗi dám hy-sinh con yêu của mình cho Ngài” thì sẽ bị hỏi: “Áp-ra-ham có thấy Chúa lần nào không ?” Nếu họ trả lời: “Áp-ra-ham thường nghe rõ tiếng của Thượng-Đế dạy bảo” thì sẽ bị hỏi: “Thượng-Đế dạy bảo điều gì ?” Nếu họ trả lời: “Thượng-Đế muốn lập một giao-ước với Áp-ra-ham. Dòng dõi của Áp-ra-ham sẽ là nguồn phước cho tất cả các dân-tộc” thì sẽ bị hỏi: “Ai là dòng dõi của Áp-ra-ham mà đã trở thành nguồn phước cho tất cả các dân-tộc ?” Nếu họ trả lời: “Kinh-Thánh Tân-Uớc đã trình bày rằng Chúa Cứu-thế Giê-xu là dòng dõi của Áp-ra-ham” thì sẽ bị hỏi: “Làm sao chúng ta có

thể được phước này từ nơi Chúa ?” Rồi họ phải trả lời: “Chúa Giê-xu đã chết trên cây thập-tự thế tội cho chúng ta. Chúa đã mang án-phạt thay cho chúng ta. Hễ ai tiếp-nhận Chúa thì tội của người đó sẽ được tha và người đó sẽ nhận được sự sống vĩnh-cửu ngay bây giờ và trong tương-lai ở cõi Thiên-Đàng.”

Vô-số câu chuyện sẽ đi đến kết-luận này nên nhiều người đã không dám “để bắt chuyện”. Họ phủ-nhận giá-trị của các nhân-vật trong Kinh-Thánh. Họ đeo đồng-hồ trên tay mà không dám cho biết giờ-giắc.

## NGƯỜI DO-THÁI ĐƯỢC GIẢI-PHÓNG THOÁT KHỎI ÁCH NÔ-LỆ Ở NƯỚC AI-CẬP.

Kinh-thánh kể rằng người Do-thái bị làm nô-lệ ở nước Ai-cập, nhưng Thượng-Đế đã dùng uy-quyền thể-hiện qua nhiều phép-lạ khác nhau để giải-phóng người Do-thái khỏi ách nô-lệ đó. Người Ai-cập rượt theo để bắt người Do-thái trở lại, nhưng đã bị chết dưới Biển Đỏ.

Các học-giả vô-thần đã phủ-nhận biến-cổ này. Quý vị cho rằng: “Từ 150 năm nay người ta đã hăng-hái tổ-chức các cuộc nghiên-cứu khảo-cổ tại Ai-cập. Nhưng trong tất cả các chứng-thư, đồ-đặt... mà người ta đã đào ra được, không có một hình-ảnh nào hay cách diễn-đặt nào xác-nhận câu chuyện thần-thoại về ách nô-lệ ở Ai-cập.”

Các học-giả vô-thần này đã không biết rằng thời Ramses II đã để lại cho chúng ta một chứng-thư mà người ta đã tìm được vào năm 1923 ở Bei-san. Theo đó, vua Ramses II đã bắt các tù-nhân người Sê-mít (theo các bản đá Tell-el Ar-ma-ra thì người Do-thái thời cổ có tên là Cha-ri-bi) xây-cất một thành-phố và lấy tên của mình đặt cho thành-phố đó. Trên mặt những viên gạch được dùng để xây kho dự-trữ có đề chữ “Ramses”. Những viên gạch này hiện được bảo-tồn tại Cai-rô. Quan-sát kỹ những viên gạch này, người ta nhận thấy có cái làm bằng rơm, có cái làm bằng rạ, cũng có cái do những vát-liệu khác cột lại. Điều này xác-nhận lệnh truyền của Pha-ra-ôn, được ghi trong Kinh-Thánh sách Xuất-Ai-cập-ký, không cung cấp rơm cho

người Do-thái để làm gạch nĩa.

Kinh-Thánh cũng kể lại rằng Thượng-Đế giáng mười tai-họa trên dân Ai-cập để Pha-ra-ôn tha người Do-thái đi. Tai-họa cuối-cùng là cái chết của con trưởng-nam của người Ai-cập kể cả thái-tử của Pha-ra-ôn.

Nếu câu chuyện này trong Kinh-Thánh đúng sự thật thì con trưởng của Pha-ra-ôn A-mên-hô-tép II, tức là Pha-ra-ôn trị-vì trong thời Xuất-Ai-cập, bị chết trong tai-họa này. A-mên-hô-tép băng-hà vào năm 1423, Thốt-mes IV lên nối ngôi. Trên một hòn đá hoa-cương đỏ rất lớn được chôn giữa hai con thú Sphinx ở Gi-zeh, có ghi-chú một giấc chiêm-bao của Thốt-mes IV. Ghi-chú này cho biết: Pha-ra-ôn tương-lai này, khi còn thơ-ấu, nằm mộng thấy một con thú Sphinx đến báo một tin làm ông rất ngạc-nhiên. Đó là tin sau này ông sẽ được làm Pha-ra-ôn.

Theo luật của người Ai-cập lúc bấy giờ, con trưởng-nam đương-nhiên là thái-tử có quyền nối ngôi. Thốt-mes IV như vậy không phải là con trưởng-nam của A-mên-hô-tép. Ông ngạc-nhiên khi nghe tin Sphinx báo vì không nghĩ mình sẽ được nối ngôi. Điều này đưa đến kết-luận: Thái-tử thực-sự tức là con trưởng-nam của A-mên-hô-tép II đã bị chết trong tai-họa thứ mười !

Đây không phải là một minh-chứng cho giá-trị lịch-sử của Kinh-Thánh sao ?

Lịch-sử của Ai-cập được ghi-chép lại khá rõ-ràng. Người ta tìm được nhiều chứng-thư để lại, nhưng không có chứng-thư nào đề-cập đến sự-kiện Pha-ra-ôn và quân-đội Ai-cập bị chết chìm dưới Biển Đỏ.

Điều này rất dễ hiểu. Không có một dân-tộc nào thích nhắc đến những cuộc thất-trận của mình. Khi quân Đức vượt biên-giới tiến về thành-phố Stalin, Stalin đã không cho công-bố những tổn-thất của quân Nga. Sau này người Đức cũng vậy, đã không công-bố tin quân Đức đang thất-thế. Các sử-gia thời xưa không đề-cập đến những thất-bại

của dân-tộc cũng vì một lý-do như người tân-tiến ngày hôm nay.

Lịch-sử Ai-cập không ghi-chép biến-cố này, nhưng Kinh-Thánh của chúng ta không những chỉ trình bày lịch-sử của dân-tộc Do-thái mà thôi, nhưng cũng là Lời của Thượng-Đế kể lại những phép-lạ của Ngài. Vì thế chúng ta phải tin rằng Chúa đã giải-phóng dân-tộc Y-sơ-ra-ên thoát khỏi ách nô-lệ của Ai-cập.

Ngoài ra các học-giả vô-thần cũng giải-thích con số 600.000 người lớn được giải-thoát khỏi Ai-cập, như Kinh-Thánh ghi, là một con số tượng-tượng, vì nếu tính thêm gia-đình của họ thì tất cả tổng-cộng phải là khoảng ba triệu người.

Nhận-xét này rất đúng. Làm sao ba triệu người có thể vượt qua Biển Đỏ trong vòng một đêm được ?

Về điểm này chúng ta có một trở-ngại ngôn-ngữ. Kinh-Thánh được viết bằng tiếng Do-thái cổ, tức là tiếng Hy-bá-lai. Chữ “alfot”, có nghĩa là “ngàn”, cũng có nghĩa là “nhà”. Chúng ta không biết chắc khi Kinh-Thánh ghi bằng tiếng Hy-bá-lai con số 600 “alfot” có nghĩa là 600 “ngàn” người Do-thái hay 600 “nhà”, tức là 600 gia-đình, thoát khỏi Ai-cập. Ngôn-ngữ luôn luôn thay đổi và phát-triển không ngừng. Có nhiều chữ ngày nay có ý-nghĩa khác hơn ý-nghĩa trước đây bốn ngàn năm. Có điều chắc-chắn là người xưa, lúc Kinh-Thánh được viết ra, đã hiểu Kinh-Thánh rõ-ràng hơn chúng ta ngày nay. Nếu Kinh-Thánh chỉ gồm những chuyện bịa-đặt thì người thời bấy giờ đã không chấp-nhận quyển sách này là “Kinh”, là “Thánh”.

Trong cung-điện ở Tokyo, người ta lưu-trữ ba bảo-vật của vương-quốc Nhật: một thanh-gươm, một viên kim-cương và một tấm gương của một vị đại-vương. Sau tấm gương có khắc chữ mà mãi trước đây một thời-gian gần người ta mới đọc được. Sau đệ-nhi thế-chiến, một bào-đệ của Hoàng-đế, Hoàng-tử Takahito Mikasa, bắt đầu

nghiên-cứu văn-minh Do-thái. Khi Rabbi Goldmann thuộc đền- thờ Beth-Israel ở Herford qua Nhật yết-kiến Hoàng-đế, Hoàng-tử đã sắp-xếp để Rabbi đến xem tấm gương của vị đại-thần. Nhìn tấm gương, Rabbi liền đọc ra ngay được những chữ khắc ở đằng sau một cách dễ-dàng: “Ehjah Asher Ehjah” = “Ta là Đấng Tự Hữu”. Những chữ này trích từ nguyên-văn Kinh-Thánh, Xuất-Ai- cập-ký chương 3 câu 14: “Đức Chúa Trời phán rằng: Ta là Đấng TỰ-HỮU HẰNG-HỮU”.

Hoàng-tử và Rabbi phân-vấn không hiểu làm sao một câu Kinh-Thánh do Môi- se ghi-chép lại có thể đến nước Nhật. Họ phỏng-đoán vào thời người Do-thái bị đày đến vùng Lưỡng-hà, có nhiều người đã chạy qua Nhật đem theo tấm gương này làm quà cho Hoàng-đế Nhật thời bấy giờ.

Năm 1941, Giám-mục người Nhật tên là Zuzai Nakada đã xuất-bản một quyển sách có tựa: “Nước Nhật trong Kinh-Thánh”. Dựa vào các tài-liệu thời cổ, Giám-mục đã trình bày rằng năm 216 TC có 100.000 người từ vùng Trung-đông đến nước Nhật. Trong lịch-sử Nhật họ được mệnh-danh là bộ-lạc Hata. Họ đã có ảnh-hưởng rất lớn trên nền kinh-tế và văn-hóa Nhật. Người Hata tự gọi mình là Is-rai, tương-tự như Israel. Họ kể về chuyện một Hoàng-tử tên là Hatakawa Katsu, lúc còn bé được cứu ra khỏi nước và đã trưởng-thành trong cung-điện. Hoàng-tử này đã giải-phóng họ ra khỏi thân-phận nô-lệ. Chính nhờ những người này mà câu chuyện của Kinh-Thánh đã đến nước Nhật.



## NHỮNG MÂU-THUẦN TRONG KINH-THÁNH.

Quý vị học-giả vô-thần thường nhắc đến những mâu-thuần trong Kinh-Thánh. Sách II Sa-mu-ên chương 8 câu 4 ghi rằng vua Đa-vít bắt được 1.700 lính-kỵ của vua Ha-đa-đê-xe trong khi sách I Sử-ký chương 18 câu 4 ghi con số lính-kỵ bị bắt là 7.000.

Chúng ta sẽ nghĩ sao nếu một bản tin của đệ-nhị thế-chiến ghi rằng trong trận đánh ở Kiev có 100.000 lính Nga bị bắt, rồi 50 trang sau lại ghi trong trận đánh ở Kiev, số lính Nga bị tù là 10.000 người ?

Lời giải-thích rất giản-dị: trong đệ-nhị thế-chiến có tất cả ba trận đánh ở Kiev. Số tù-nhân của mỗi trận khác nhau. Tại sao chúng ta cho rằng trận đánh vua Ha-đa-đê-xe ghi ở hai chỗ trong Kinh-Thánh chỉ là một trận mà thôi.

Một lời chỉ-trích Kinh-Thánh khác: Kinh-Thánh ghi: “Đa-vít làm điều thiện trước mặt Chúa.” Câu hỏi là: “Đa-vít có phạm tội không ? Kinh-Thánh có ghi Đa-vít phạm những tội-lỗi xấu-xa.” Dĩ-nhiên Đa-vít có phạm tội, nhưng những tội của Đa-vít được tha. Chúa đã tha cho Đa-vít. Nếu tội-nhân biết ăn-năn hối-cải thì người đó trở thành người công-chính trước mặt Chúa, được sống trong tình yêu của Ngài. Chính vì thế Kinh-Thánh dùng những lời đẹp-đẽ kể về Đa-vít. Sau khi được tha tội, tội-nhân trở thành “trắng như tuyết” trước mặt Thượng-Đế.

Nếu một người vô-thần trở về với Chúa, thì Chúa cũng tha tội cho họ như đã tha tội cho Đa-vít vậy.

Những người chỉ-trích Kinh-Thánh cũng khám phá ra rằng sứ-đồ Tha-đê, như sách Phúc-âm Ma-thi-ơ ghi, lại được gọi là Giu-đa, con của Gia-cơ, trong sách Phúc-âm Luca. Phải chăng đây là một lầm-lẫn ? Hay người ta đã quên rằng Uljanov cũng có tên là Lênin ? Hay Dsch-gasch-wi-li và tên Stalin là hai tên khác nhau trong lịch-sử ?

Ngoài ra các nhà vô-thần còn khám phá ra nhiều “mâu-thuẩn” tương-tự. Những mâu-thuẩn này rất nhỏ-nhoi. Thí-dụ như có lần Chúa Giê-xu dạy các môn-đệ bán áo quần và mua gươm. Nhưng mặt khác Chúa lại dạy Phi-e-rơ lúc ông muốn dùng gươm để tự-vệ: “Hãy nạp gươm vào vỏ.” Chúa nói câu: “Ai không có gươm, hãy bán áo ngoài mà mua” (Phúc-âm Lu-ca chương 22 câu 36) sau lễ Tiệc- thánh đầu tiên và lúc trên đường đi đến vườn Ghết-sê-ma-nê. Chúa biết mình sắp bị bắt. Vì lúc bấy giờ trời đã tối, không ai có thể đi mua gì kể cả mua khí-giới, nên lời Chúa ở đây không thể hiểu theo nghĩa đen. Chúa không dạy các môn-đệ đi bán quần áo và mua gươm ngay để sử-dụng, nhưng muốn báo trước cho họ biết rằng từ bây giờ đến hàng trăm năm sau họ sẽ luôn luôn sống trong sự nguy-hiểm. Các môn-đệ phải sửa-soạn đối-đầu với những sự nguy-hiểm đó và tranh-đấu cho lẽ công-bằng.

Ai không sẵn-sàng tranh-đấu cho lẽ công-bằng sẽ không thích lẽ công- bằng. Như người mẹ vì tình yêu con nên sẵn-sàng hy-sinh tất cả để bảo-vệ con trước mọi nguy-hiểm.

Khi Chúa bị bắt, Phi-e-rơ đã rút gươm tự-vệ. Nhưng Chúa nói: “Hãy nạp gươm vào vỏ” vì Chúa không muốn tự-vệ. Chúa sẵn-sàng chết vì tội-lỗi của nhân-loại.

Phúc-âm Lu-ca cho biết thầy tế-lễ thượng-phẩm tìm cách giết Chúa một cách bí-mật, vì sợ dân-chúng mến-mộ Chúa sẽ bảo-vệ Ngài (Lu-ca chương 22 câu 2). Nhưng vài ngày sau dân-chúng đã phản-bội Chúa, kêu lên rằng: “Đóng đinh nó lên cây thập-tự đi !” (Lu-ca chương 23 câu 18-

23). Các học-giả vô-thần không thể hiểu được tại sao dân-chúng có thể thay đổi lập-trường mau như vậy!

Sở dĩ người ta không thể hiểu được điều này vì đã quên tấn thảm-kịch của dân-tộc Nga. Một buổi sáng kia ở Moscow, cũng như thường lệ từ hai mươi năm nay, các chương-trình phát thanh bắt đầu bằng các bản ca-tụng Stalin. Trên các tờ báo cũng có đăng những bài ca-tụng ấy. Hôm đó là ngày khai-mạc Đại-hội Đảng Cộng-sản Sô-viét lần thứ 20. Trong chương-trình đại-hội ngày hôm đó, Krutchev đã đọc một bài diễn-văn kết tội Stalin. Đối với toàn thể nước Nga cũng như đối với bản-thân Krutchev, Stalin là một thiên-tài. Nhưng rồi trong phút chốc Stalin trở thành một tên sát-nhân không hơn không kém, đã thủ-tiêu hằng triệu người, cả thù lẫn bạn. Sau bài diễn-văn đó, toàn thể dân Nga đã thay đổi lập-trường ngay tức-khắc. Thay vì ca-tụng, họ đã chế-diệu Stalin. Ngay cả mộ của Stalin cũng bị quật lên và dời đi nơi khác.

Lập-trường của quần-chúng có thể thay đổi nhanh-chóng. Trường-hợp hạ-bệ Stalin là trường-hợp điển-hình.

Ngày nay nhiều người cũng đã quên các biểu-ngữ ca-tụng tình đoàn-kết của các dân-tộc cộng-sản anh em như Nga-sô, Trung-quốc, Ru-ma-ni và Nam-tư. Dầu con người sẵn-sàng “đoàn-kết bất-diệt” người ta cũng đã chia rẽ với nhau vì những lý-do rất nhỏ-nhất.

Kinh-nghiệm chua-chát nhất của con người là khả-năng mâu-thuẫn với chính mình. Đây là kinh-nghiệm của con người trước đây 2.000 năm mà cũng là kinh-nghiệm của con người ngày nay. Thời-gian đã không thay đổi con người. Vậy tại sao ta lại cố tìm những mâu-thuẫn trong Phúc-âm mà không thấy những mâu-thuẫn trong chính tâm-hồn của mình ?

Theo Kinh-Thánh kể, Giu-đa Is-ca-ri-ốt đã dùng cái hôn để phản Chúa. Có người cho rằng cái hôn này thừa-thãi, không cần-thiết. Chủ-trương này không có lý. Đành rằng

Palestine là một nước nhỏ và Chúa Giê-xu đã bốn-ba khắp các tỉnh Ga-li-lê và Giu-đê. Nhưng điều này không có nghĩa ai ai cũng biết mặt Chúa. Ngày nay người ta có thể nhận-diện các nhân-vật quan-trọng nhờ những hình-ảnh trên báo-chí và truyền-hình. Ngày xưa chưa có những phương-tiện truyền-thông này. Chắc có cả hàng ngàn người đã nghe về Chúa, nhưng chưa có cơ-hội để thấy mặt Ngài. Những tên lính La-mã và những người hầu của thầy tế-lễ thượng-phẩm chắc không khi nào đi nghe Chúa giảng-day. Vì thế họ cần có một người làm hiệu để có thể nhận-diện ra Chúa. Ngoài ra người ta đã bắt Chúa vào ban đêm. Những ngọn đuốc lập-lòe không đủ sáng để nhận ra mặt người mình muốn bắt. Vì thế Giu-đa đã hôn Chúa để làm dấu-hiệu.

Các bậc học-giả vô-thần tỏ vẻ khinh-khi Chúa vì Chúa đã sợ trong vườn Ghết-sê-ma-nê và đã thất-vọng trên cây thập-tự.

Có những đức-tính tốt là một điều quý. Nhưng biết khiêm-nhường che-giấu (không khoe-khoang) những đức-tính tốt, đó lại càng quý hơn nữa. Mục-đích của Chúa Cứu-thế là mở cửa Thiên-đàng cho những người yếu-đuối. Để thi-hành sứ-mạng này, Chúa đã không đóng vai-trò của một vị anh-hùng. Nếu cuộc đời của Chúa chỉ có anh-hùng-tính thì những người tâm-thường như chúng ta không thể chấp-nhận Chúa làm lý-tưởng cho cuộc đời của mình được. Vì thế Chúa đã hạ mình xuống, khiêm-nhường làm con người yếu-đuối như mỗi chúng ta, đã cầu nguyện trong vườn Ghết-sê-ma-nê như sau: “Lạy Cha, xin cất chén này khỏi con !” và trên cây thập-tự đã kêu lên rằng: “Thượng-Đế ôi ! Thượng-Đế ôi ! Sao Ngài lìa bỏ tôi ?” Nhờ vậy, mỗi lần chúng ta thất-vọng đau-đớn, cầu mong chén rượu đắng của cuộc đời sớm cạn, chúng ta biết rằng Chúa đang cảm-thông với mình. Đó chính là mục-đích của Chúa. Nếu cho mục-đích này là hèn-nhát thì không có lý.

Kinh-Thánh Cựu-Uớc và Tân-Uớc có mâu-thuẫn nhau không ?

Sách Phúc-âm Giảng viết rằng không ai đã từng thấy Thượng-Đế, nhưng Gia-cốp nói trong Cựu-Uớc rằng: “Tôi đã thấy Thượng-Đế đối mặt cùng tôi và linh-hồn tôi được giải-cứ” (Sáng-thế-ký chương 32 câu 30).

Điều này rất dễ hiểu. Tiếng Hy-bá-lai (tiếng Do-thái cổ) thời xưa còn nghèo-nản nên có nhiều tiếng đồng-âm dị-nghĩa. Chữ “Trời” vừa có nghĩa là “Thượng-Đế” vừa có nghĩa là “trần-gian”. Chữ này cũng được Chúa Giê-xu sử-dụng nhiều lần. Cựu-Uớc đã nhiều lần dùng chữ “các thần”, cũng có khi dùng chữ “Con người”, để gọi các thiên-sứ. Thượng-Đế phán cùng Môi-se: “Ta lập con như là Thượng-Đế cho Pha-ra-ôn” (Xuất-Ai-cập-ký chương 7 câu 1). Một Thi Thiên đã nói với người Do-thái rằng: “Các người là các thần”. Vì thế, khi Gia-cốp nói: “Tôi đã thấy Thượng-Đế đối mặt cùng tôi và linh-hồn tôi được giải-cứ” thì Gia-cốp muốn nói rằng mình gặp thiên-sứ. Sách Phúc-âm Giảng trái lại nhấn mạnh không ai có thể được mặt Thượng-Đế là Đấng sáng-tạo nên vũ-trụ.

Con người thường có khuynh hướng nhìn Kinh-Thánh từ “dưới”, với cái nhìn trần-tục hữu-hạn của mình. Nếu đối-diện với Kinh-Thánh bằng cặp mắt của con người trần-tục, Kinh-Thánh quả là một quyển sách bí-ẩn.

Nhờ ơn Thượng-Đế, các tín-hữu của Chúa Cứu-thế có thể tâm-giao với thế-giới thiêng-liêng. Từ thế-giới này, người tín-hữu mới có được cái nhìn đúng- đắn về giá-trị của Kinh-Thánh. Từ đó ta mới có thể hiểu được chân-lý của Kinh-Thánh. Cũng từ đó ta mới định được giới-hạn của Kinh-Thánh: sự mặc-khải của Thượng-Đế qua ngôn-ngữ của loài người.

Có lần giáo-sĩ Moffat cố giải-thích cho các bộ-lạc ở Nam-phi hiểu xe lửa là gì. Giáo-sĩ đặt hai thanh sắt nằm song song với nhau, ở trên để vài cái xe bò đứng nối đuôi, rồi

treo lên cổ của con bò ở đằng trước một ấm nước sôi lớn. Giả sử những người Phi-châu đó có dịp qua Âu-châu và thấy xe lửa tận mắt, dĩ-nhiên họ sẽ cho lời giải-thích của giáo-sĩ Moffat là khôi-hài. Nhưng trong ngôn-ngữ của người Phi-châu lúc bấy giờ không có từ-ngữ “xe lửa”, nên không ai có thể giải-thích cho họ hiểu xe lửa thực-sự như thế nào. Cũng vậy, Thượng-Đế đã dùng ngôn-ngữ của con người để trình bày những điều thiêng-liêng huyền-nhiệm mà ngôn-ngữ của con người không có.

Nhưng dù sao đi nữa, Kinh-Thánh được Thượng-Đế hướng-dẫn và được nhiều người tôn-quí. Voltaire đã cho rằng trong vòng một trăm năm Kinh-Thánh sẽ lỗi-thời và bị rơi vào quên-lãng. Theo ông, người ta sẽ chỉ có thể tìm thấy Kinh-Thánh trong các bảo-tàng-viện. Nhưng một trăm năm sau khi Voltaire viết những chữ này, nhà của ông đã biến thành trụ-sở của hội biểu-tặng Kinh-Thánh.

Kinh-Thánh đã được dịch ra 1300 ngôn-ngữ khác nhau, và mỗi năm đã được xuất-bản hàng triệu quyển. Nhưng có bao nhiêu người còn đọc các tác-phẩm của Voltaire ?

Ai cũng biết rằng Plato có nhiều khả-năng hơn thánh Giăng, một tay ngư-phủ tầm-thường, hay Marcus Aurelius là một nhà tư-tưởng lớn hơn thánh Phi-e-rơ. Nhưng ngày nay hầu như không ai còn đọc sách của Plato và Marcus Aurelius nữa. Còn những điều do thánh Giăng và thánh Phi-e-rơ viết ra, 2000 năm sau vẫn còn là những lời của sự sống cho con người trên thế-giới này.

Chúa chỉ mở mắt và mở lòng của những người yêu Chúa để họ có thể thấy và hiểu được những điều huyền-mhiệm trong Kinh-Thánh.

## CƠ-ĐỐC-GIÁO DẠY PHẢI PHỤC-TÙNG CÁC CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI ?

Người vô-thần cho rằng: Lời Chúa dạy: “Hãy trả lại cho Hoàng-đế những gì của Hoàng-đế !” là một bằng-chứng hùng-hồn cho thấy Chúa dạy phải luôn cúi chế-độ thuộc-địa đế-quốc.

Trước hết chúng ta phải biết rằng Chúa Giê-xu không nói những lời này với các môn-đệ của mình nhưng với kẻ thù, những người Pha-ri-si. Cuộc đời sống đạo của những người này đã làm cho tôn-giáo trở thành khô-hài. Vì thế Chúa nói với họ: “Hãy trả lại cho Hoàng-đế những gì của Hoàng-đế, và trả lại cho Thượng-Đế những gì của Thượng-Đế”. Nếu họ làm theo lời Chúa dạy, họ sẽ nhận-thức được rằng họ không có điều gì dành cho Thượng-Đế nếu họ muốn làm vui lòng các lãnh-tụ của trần-gian.

Các môn-đệ đã hiểu lời Chúa dạy.

Giả sử một tay lường-gạt biết ăn-năn hối-lỗi, muốn hoàn-trả lại cho nạn- nhân những điều mình đã lừa-gạt, trước hết tay lừa-gạt đó phải biết mình đã lừa-gạt của ai vật gì. Người Do-thái đã thiếu Hoàng-đế điều gì ?

Thật ra, không có điều gì thuộc về Hoàng-đế cả, kể cả ở thành-phố Rôma. Hoàng-đế Julius đã dùng võ-lực chiếm Rôma trong cuộc viễn-chinh ở Ga-li-ên. Kể vì Julius là những Hoàng-đế độc-đoán, đã cướp quyền tự-do của dân thành-phố Rôma. Các Hoàng-đế này không để lại cho dân Rôma điều gì cả !

Tại Palestine cũng không có một điều gì thuộc về Hoàng-đế cả ! Pompeius, lợi-dụng sự chia rẽ giữa các đảng Do-thái, đã dùng võ-lực chiếm Palestine và thống-trị mảnh đất này bằng khủng-bố và hối-lộ. Hoàng-đế không xây đường, không xây nhà, không trồng cây, và bắt dân Do-thái phải làm việc cực-nhọc. Câu “Hãy trả lại cho Hoàng-đế những gì của Hoàng-đế” là một câu nói cách-mạng ái-quốc, đã nói lên được chính-sách bất-công của nhà cầm-quyền lúc bấy giờ.

Chính-quyền La-mã và các thầy tế-lễ thượng-phẩm bù-nhìn của người Do-thái lúc bấy giờ chắc-chắn đã hiểu được ý-nghĩa của câu nói này. Chính vì thế họ đã không coi Chúa như là một công-dân trung-thành của đế-quốc nhưng là một tên phản-loạn và đã đóng đinh Ngài.

Chủ-trương cho rằng các tác-giả của Kinh-Thánh Tân-Uớc là những tay sai của chính-quyền La-mã là một chủ-trương bóp méo sự thật !

Các học-giả vô-thần cũng chỉ-trích rằng: “Kinh-Thánh không tố-cáo tổng-đốc La-mã. Tất cả tội-lỗi về vụ đóng đinh Chúa trên cây thập-tự đều đổ lên đầu người Do-thái trong khi tổng-đốc Phi-lát được tả như là một khán-giả thụ-động.”

Kinh-Thánh sách Công-vụ các Sứ-đồ chương 4 câu 27 viết như sau: “Thật thế, trong thành-phố này, Hê-rốt, Phi-lát, người La-mã và dân Y-sơ-ra-ên cấu-kết nhau chống lại Đầy-tớ Thánh của Ngài là Giê-xu, Chúa Cứu-thế.” Quần-chúng Do-thái bị các thầy tế-lễ xúi-giục nên đòi án đóng đinh Chúa. Nhưng Phi-lát đã lấy đầu đổ vào lửa. Sách Phúc-âm Giăng chương 19 câu 1 viết: “Phi-lát ra lệnh đánh đòn Chúa Giê-xu.” Câu này cho thấy tư-cách tâm-thường của tổng-đốc La-mã, đã mua vui bằng cách ngược-đãi một người dân mà ông biết là vô-tội. Ngoài ra Kinh-Thánh cũng nói rõ-ràng rằng chính Phi-lát đã ra lệnh cho đóng đinh Chúa.

Thánh Giăng không phải là người duy-nhất tố-cáo tổng-



đốc Phi-lát. Tất cả các sách Phúc-âm khác đều tả ông là một tay sát-nhân. Sách Phúc-âm Ma-thi-ơ chương 27 câu 26 viết: “Phi-lát phóng-thích Ba-ra-ba, đồng-thời sai đánh đòn Chúa Giê-xu rồi giao cho lính đem đóng đinh trên cây thập-tự.” Sách Phúc-âm Mác chương 15 câu 15 viết: “Để mua chuộc lòng dân, Phi-lát phóng-thích Ba-ra-ba. Còn Chúa Giê-xu, ông sai đánh đòn rồi giao cho quân lính đem đóng đinh trên cây thập-tự.” Còn sách Phúc-âm Luca chương 23 câu 14-16 thì nhắc lại lời nói của Phi-lát: “Các ông đã bắt giải và tố-cáo người này về tội phản-ngịch, xui dân làm loạn. Trước mặt các ông, ta đã tra-xét tỉ-mỉ các lời tố-cáo đó nhưng thấy đương-sự vô-tội. Vua Hê-rốt cũng không buộc tội được, nên trao trả đương-sự về đây. Như thế, người này không làm gì đáng tội tử-hình cả. Vì vậy, ta sẽ đánh đòn rồi trả tự-do.”

Các tác-giả của Kinh-thánh Tân-Uớc không che-đậy tội-lỗi của người La-mã. Sau này các sử-gia của Hội-thánh cũng đã tường-thuật lại rõ-ràng những cuộc bắt đạo dã-man của các chính-quyền La-mã đối với các tín-hữu của Chúa Cứu-thế.

Các học-giả vô-thần cũng dựa vào một câu Kinh-Thánh khác để chỉ-trích rằng Cơ-đốc-giáo dạy người dân phải vâng lời các chính-phủ độc-tài một cách mù-quáng và ngăn-cản bước tiến của nhân-loại. Câu Kinh-Thánh đó nằm trong sách Rôma chương 13 câu 1-2: “Mọi người phải vâng-phục chính-quyền vì chẳng có chính-quyền nào không do Thượng-Đế thiết-lập. Vậy ai chống lại chính-quyền là chống lại mệnh-lệnh của Thượng-Đế và sẽ bị hình-phạt.”

Nhưng Kinh-Thánh, cũng trong chương này, cũng đã giải-thích nhà “cầm-quyền” là ai. “Nhà cầm-quyền” là người phục-vụ Chúa, làm lành, phạt kẻ ác: “Nhà cầm-quyền không khiến cho người lương-thiện kinh-hãi, nhưng người gian-ác phải lo-sợ.” (Sách Rôma chương 13 câu 3). Nếu nhà cầm-quyền hành-động ngược lại, làm ác,

phạt người lành, thưởng kẻ ác, thì nhà cầm-quyền đó không phải do Chúa đặt-để.

Sau đây, chúng tôi xin tường-thuật lại một cuộc đàm-thoại giữa Nữ-hoàng Tô-cách-lan Mary và nhà cải-chánh Cơ-đốc-giáo John Knox.

Mary: - Ông đã dạy người ta phải tin một đạo khác mà chính-phủ ngăn-cấm. Làm sao giáo-thuyết này đến từ Thượng-Đế được ? Chính Thượng-Đế đã dạy phải vâng-phục nhà cầm-quyền mà ?

Knox: - Tâu Nữ-hoàng, đạo thật không bắt nguồn từ các thế-lực của đời này nhưng do Thượng-Đế sáng-lập. Vì thế người dân không bắt-buộc phải hành-đạo theo sự hướng-khởi của nhà cầm-quyền... Nếu con cháu

Áp-ra-ham theo đạo của Pha-ra-ôn thì ngày nay ta sẽ có đạo nào thế-giới ? Hay nếu tất cả mọi người trong thời các Sứ-đồ đều theo đạo của các hoàng-đế La-mã thì ngày nay ta có đạo nào ?

Mary: - Đúng, nhưng không có đạo nào lại nổi lên chống nhà cầm-quyền cả.

Knox: - Tâu Nữ-hoàng, có chứ ! Ngài không thể nói rằng họ không chống lại. Vì không vâng lời cũng là một cách chống lại.

Mary: - Nhưng không chống lại bằng gươm giáo.

Knox: - Tâu Nữ-hoàng, Thượng-Đế không ban cho họ uy-quyền và phương-tiện.

Mary: - Có phải ông tin rằng nếu người dân có uy-quyền này thì có phép nổi lên chống nhà cầm-quyền ?

Knox: - Tâu Nữ-hoàng, nếu nhà cầm-quyền vượt quy giới-hạn thì tôi tin rằng người dân có quyền chống lại, kể cả bằng võ-lực. Vì nếu một người cha nổi điên muốn giết các con mình thì có nên bắt người đó và lấy gươm đi, hay dùng võ-lực tước khí-giới của người ấy đi không ? Đối với nhà cầm-quyền cũng vậy. Họ đang muốn giết người dân của họ, là các con yêu của Thượng-Đế. Lòng nhiệt-thành mù-quáng của họ không khác gì bệnh điên... Vì thế nếu nay ta tước gươm ra khỏi tay của họ, trói lại và đem bỏ tù để họ tỉnh trí thì không phải là bất-tuân nhưng là vâng lời đúng-đắn vì hành-động này thể-hiện ý-muốn của Thượng-Đế.

Tinh-thần của Kinh-Thánh đã khích-lệ Lincoln (Linh-côn) và Wilberforce (Win-be-phô-sơ) trong cuộc chiến-đấu chống chế-độ nô-lệ. Chính Marx trong quyển “Tư-bản Luận” cũng phải công-nhận vai-trò quan-trọng của một tín-hữu tên là Shafterbury (Sáp-tơ-be-ri). Shafterbury là cha đẻ của những luật-lệ bảo-đảm quyền-lợi của thợ-thuyền tại nước Anh. Tại Nga, bá tước Leo Tolstoi (Lê-ô Tol-sơ-toi), một tín-hữu tin Chúa, đã không phục uy-quyền của Hoàng-đế Nga. Lincoln viết: “Nếu chế-độ nô-lệ không phải là điều bất-chính thì không có điều nào là điều bất-chính hết.” Emerson viết: “Nếu ta trông cổ một người nô-lệ là ta tự trông cổ ta. Câu nói này của Emerson ứng như một câu sấm. Đảng Cộng-sản Sô-viết đã trông cổ các địch-thủ chính-trị, trước hết là Hoàng-gia, rồi địa-chủ, tư-bản, các nhà xã-hội đối-lập, các vị lãnh-tụ quốc-gia, nước Nga và các nước bảo-hộ như U-kre-nơ, Biê-lô-ru-xi-a và Gru-xi-nên. Nhưng rồi cuối-cùng những người cộng-sản đó cũng đã tự trông cổ mình. Đồng-chí Krutchev đã từng nói trong bài diễn-văn trong Đại-hội Đảng thứ 20

điều này. Krutchev nhắc lại rằng Stalin đã thủ-tiêu toàn-bộ Trung-Uơng Đảng trong các cuộc thanh-trừng của mình. Chính chủ-nghĩa cộng-sản chứ không phải Cơ-đốc-giáo đã đứng về phía chủ-nghĩa nô-lệ. Lincoln đã nói trong bài diễn-văn trước Quốc-hội vào ngày 1 tháng 12 năm 1862 như sau: “Nếu chúng ta phóng-thích người nô-lệ, chúng ta cũng sẽ đồng-thời phóng-thích người tự-do nữa.” Từ sau đệ-nhị thế-chiến, các quốc-gia có khuynh-hướng cơ-đốc-giáo đã lần-lượt rời bỏ các thuộc-địa. Trong khi đó chính-phủ Sô-viét đã nô-lệ-hóa các dân-tộc Baltic, Un-gan và Tiệp-khắc. Người cộng-sản Trung-quốc cũng đối-xử như vậy với Tibet (Ti-bê).

Chúng tôi đề-nghị các bạn vô-thần nên giữ câu châm-ngôn: “Ai đang ngồi trong nhà kính thì đừng ném đá !” Tốt hơn các bạn đừng nên đề-cập đến chế-độ nô-lệ, vì chính bản thân tôi cũng đã từng làm nô-lệ trong một trại của Cộng-sản.

Thật ra thì những dẫn-chứng trên đều thừa-thãi vì chính những người đưa ra lời chỉ-trích này (Cơ-đốc-giáo chủ-trương chế-độ nô-lệ !) đã tự mâu-thuẫn với chính mình trong khi giải-thích sự phát-triển của Cơ-đốc-giáo. Quí vị này cho rằng: Cơ-đốc-giáo phát-triển mạnh-mẽ vì phản-đồng các tín-hữu đầu tiên là nô-lệ, “vì nô-lệ đóng một vai-trò quan-trọng trong các cộng-đồng cơ-đốc-giáo mà họ không thể nào có được ở những nơi khác.”

Trong thư Phi-lê-môn thánh Phao-lô đã đề-cập đến quan-điểm của mình về vấn-đề nô-lệ một cách rõ-ràng. Phi-lê-môn có một người nô-lệ trong nhà. Người nô-lệ này bỏ chủ, nay hồi-hận muốn trở về nhà. Thánh Phao-lô khuyên Phi-lê-môn nên đón-tiếp người nô-lệ cũ một cách đàng-hoàng, không được phạt anh, trái lại phải coi anh như một “anh em yêu dấu”. Đó là tinh-thần của Cơ-đốc-giáo.

Thượng-Đế chỉ hiện ra một lần, trên núi Si-na-i lúc Ngài ban-bố 10 điều-răn cho Y-sơ-ra-ên. Chúa đã dẫn-nhập

10 điều-răn như sau: “Ta là Thượng-Đế của ngươi, đã giải-phóng ngươi ra khỏi nước Ai-cập, là nhà nô-lệ.” (Xuất-Ai-cập-ký chương 20 câu 2). Để tự giới-thiệu mình cho tuyển-dân Y-sơ-ra-ên, Chúa không nói Ngài là Đấng sáng-tạo vũ-trụ, nhưng nhấn mạnh Chúa là Đấng giải-phóng nô-lệ. Đó là Thượng-Đế của chúng ta.

## THIÊN-ĐÀNG TRÊN TRỜI HAY THIÊN-ĐÀNG DƯỚI ĐẤT.

Các học-giả vô-thần dựa vào Engels (Ăng-ghe-n] cho rằng niềm hy-vọng của các tín-hữu Chúa Cứu-thế là thiên-đàng trên trời và sự sống miên-viễn sau khi chết. Theo Engels, Cơ-đốc-giáo không có ý-chí sửa-đổi hoàn-cảnh trên trần-gian này.

Phong-trào cộng-sản trái lại có mục-tiêu giải-phóng toàn-thể con người lao-động trên thế-giới.

Điều này không đúng. Cơ-đốc-giáo không chỉ hướng về thiên-đàng ở trên trời. Chúa Giê-xu dạy chúng ta cầu-nguyện như sau: “Ý Cha được nên ở đất như trời.” Phúc-âm Giảng chương 3 câu 12 nhắc-nhở chúng ta rằng: “Không bao giờ có ai lên trời, ngoại trừ Chúa Cứu-thế xuống trần-gian.”

Phần-đầu của sách Phúc-âm Luca kể về các hoạt-động của Giảng Báp-tít. Nhiều người đến hỏi Giảng: “Chúng tôi phải làm gì ?” Giảng không trả lời rằng phải khao-khát sự sống vĩnh-cửu, nhưng rằng: “Ai có hai áo, hãy lấy một cái cho người không có; và ai có đồ ăn cũng nên làm như vậy.” Giảng dạy những người thâu thuế: “Đừng đòi chi ngoài số luật định.” Giảng khuyên các anh lính: “Đừng hà-hiếp, đừng phỉnh-gạt ai hết, nhưng hãy bằng lòng về lương- hưởng mình.” (Phúc-âm Luca chương 3 câu 10 đến câu 14).

Chúa Giê-xu đã lấy roi đuổi những người buôn-bán ra khỏi Đền-thờ, Chúa đã tố-cáo các thầy dạy luật và những người Pha-ri-si đã cướp nhà các bà góa-bụa. Chúa dạy một

anh thanh-niên: “Muốn được hoàn-toàn, anh về bán hết tài-sản, lấy tiền phân-phát cho người nghèo để chữa của-cải trên trời, rồi theo ta.” (Phúc-âm Ma-thi-ơ chương 19 câu 21).

Cơ-đốc-giáo chủ-trương rằng xã-hội của thế-giới ngày nay phải được thay-đổi. Giáo-lý căn-bản của Phúc-âm là: Mỗi người tín-hữu phải lấy Chúa Cứu-thế làm mẫu cho cuộc sống. Chúa Cứu-thế có thụ-động đối với những người chịu bất-công không ? Những người buôn-bán bị Chúa dùng roi đuổi ra khỏi Đền-thờ nghĩ thế nào về lập-trường của Ngài ? Chúa phê-bình các thầy tế-lễ và người Pha-ri-si trong chính đền-thờ của họ và trách họ là rắn độc và đạo-đức giả. Chúa có thụ-động không ?

Bài ca-tụng Chúa của Ma-ri (trong Phúc-âm Lu-ca chương 1) là bài ca của một người thất-chí chăng ? Ma-ri nói, Chúa sẽ cất những người có quyền khỏi ngôi họ và nhắc người khiêm-nhường lên. Chúa sẽ cho người đói có thức-ăn ngon và đuổi kẻ giàu về tay không. Những lời ca này chắc-chắn không phải những lời ca luôn cúi trước mặt kẻ bốc-lột mình.

Khi các nông-dân thời Cải-chánh nổi lên chống các địa-chủ, những lý chính mà họ đưa ra mang màu-sắc tôn-giáo. Những bài ca cách-mạng của họ là bài “A-đam cây, È-va bừa, ai là người quý-phái ?” và “Thượng-Đế của chúng ta là một cái thành kiên-cố, là cái khiên và khí-giới tốt”.

Khi phong-trào vô-sản kỷ-nghe ở Anh-quốc nổi lên, bài ca của họ là:

“Những người con của nước Anh, những người nô-lệ,  
Thượng-Đế đã giải-phóng các con,  
Ngài ban sự sống và tự-do cho tất cả các con,  
Chúa không bao giờ bắt các con làm nô-lệ”.

Những cuộc biểu-tình đầu tiên mở-đầu cho cuộc cách-

mạng năm 1905 tại Nga không do những người bạn vô-thần của chúng ta tổ-chức mà do các công-nhân tin Chúa tổ-chức dưới sự hướng dẫn của một vị linh-mục tên là Gapon. Người cộng-sản đã lợi-dụng các cuộc biểu-tình đó và cuối-cùng đã treo cổ vị linh-mục.

Cơ-đốc-giáo cũng có tinh-thần cách-mạng như chủ-nghĩa cộng-sản, nhưng cuộc cách-mạng của chúng tôi khác với cuộc cách-mạng của người cộng-sản.

Chúng tôi, những tín-hữu của Chúa Cứu-thế, hiểu chữ “cách-mạng” theo một ý-nghĩa khác. Cuộc cách-mạng của chúng tôi là một cuộc cách-mạng không đổ máu. Trước hết, người tín-hữu cầm gươm của Thánh-Linh để diệt tội-lỗi chứ không phải để diệt tội-nhân.

Nhờ gươm của Thánh-Linh, tín-hữu có thể sửa-đổi nhiều bất-công xã-hội. Tín-hữu cũng chú-ý đến những biến-cố đang xảy ra trên thế-giới, nhưng cuộc đời của tín-hữu không chỉ có mục-tiêu trần-tục. Con người như cóc ngồi đáy giếng, không thể biết thế-giới bên ngoài ra sao ! Người tín-hữu cũng là người, cũng có chung một hoàn-cảnh như vậy, nhưng có thể hiểu được tiếng líu-lo của chim sơn-ca. Chim sơn-ca ca-tụng mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao, hát về núi đồi, cây cỏ và biển cả mênh-mông. Tín-hữu tin bản ca ấy. Tín-hữu tin rằng có một Thiên-đàng trên trời. Tín-hữu không lơ-đăng trách-mhiệm làm người sống trong xã-hội, nhưng đồng-thời tín-hữu hướng-thượng cuộc đời mình và cố-gắng khuyên mời các thân-hữu xung-quanh cùng chung hướng cuộc đời lên.



## CÓ THƯỢNG-ĐẾ KHÔNG ?

Đây là một câu hỏi căn-bản đã được đặt ra trong nhiều cuộc thảo-luận khác nhau giữa các bạn vô-thần và các tín-hữu của Chúa Cứu-thế. Có một Thượng-Đế để con người phục-vụ và tin-cậy, là Đấng bảo-vệ và an-ủi con người không ?

Theo quan-điểm của lý-thuyết-gia cộng-sản người Pháp tên là R.Garaudy (Ga-rô-di) thì yếu-tố hoàn-toàn và tuyệt-đối không phải là Thượng-Đế mà là con “người”. Không có gì cao-trọng hơn con người cả. Tín-hữu của Chúa Cứu-thế tin Thượng-Đế, tin-tưởng vào lời Chúa hứa, rằng Ngài sẽ luôn sống với mình trong suốt cuộc đời và ban cho mình cuộc sống vĩnh-viễn. Garaudy viết: “Không ai hứa với chúng tôi, không ai chờ-đợi chúng tôi hết”. Đây là một điều đáng thương. Các bạn vô-thần không có một lời hứa nào cả !

“Con người là Thượng-Đế”. Quan-điểm này là sinh-khí của toàn bản tín-điều cộng-sản. Bức chân-dung giả-tạo này đã cảm-hứng một thi-sĩ người Nga tên là I.Gabai những câu thơ sau đây:

Bản tín-điều quá trẻ của Giop:

Tôi là Thượng-Đế của tôi, nhưng là một Thượng-Đế yếu hơn, thấp hơn,

Vô lý-trí, vô-nghĩa và yếu-ớt.

Xin Thượng-Đế cản-trở, đừng để ai yêu một Thượng-Đế như thế,

Và xin Thượng-Đế gìn-giữ bạn trước một Thượng-Đế như vậy !

Một Thượng-Đế ? Có lẽ, nhưng là một Thượng-Đế tồi-tệ và thảm-thương.

Nhưng nếu tôi thực-sự là “gương mặt thật-thà chất-phác” đó,

thì xin Thương-Đế giúp tôi trở thành một người vô-thần hiếu-hòa.

Trở thành một Thượng-Đế - xin Thượng-Đế đừng để tôi trở thành một Thượng-Đế !

Tôi là một Thượng-Đế, nhưng là một Thượng-Đế vô-quyền trong hỗn-độn.

Và trong cách luận-lý hạn-hẹp

là những bảo-tàng-viện ở trong Đền-thờ,

Và các tà-thần sống giữa các lớp người.

Xin tha tội tôi điên-cuồng vĩ-đại,

Nhưng trong số-phận của tôi không có sự vĩ-đại của Thượng-Đế,

Xin trừng-phạt tôi và tha-thứ tội-lỗi tôi.

Xin tha tội tôi điên-cuồng vĩ-đại !

Mong sự vĩ-đại của Thượng-Đế sẽ không trừng-phạt một người lân-cận nào.

Tôi không dám xin Ngài một uy-quyền tương-tự.

Xin Thượng-Đế đừng để bạn tự phong mình làm Thượng-Đế,

Tự rửa mình sạch hay tự giải tội cho mình.

Tôi là tôi. Thượng-Đế - chỉ duy Ngài là Thượng-Đế.

Hãnh-diện kỳ lạ làm sao, đau-khổ khôn-cùng làm sao.

Xin Thượng-Đế đừng để bạn tin-cậy lương-tâm mình, và sống để chiến-đấu chống lại.

Xin Thượng-Đế gìn-giữ bạn !

\*\*\*\*\*

Có một thực-thể cao-trọng hơn con người không ? Có một Thượng-Đế, có một Đấng sáng-tạo vũ-trụ, có một Đấng mà Chúa Giê-xu dạy là Cha của chúng ta không ?

Trong đền-thờ Giê-ru-sa-lem có chỗ chí-thánh (cũng như trong nhiều đền-thờ Ai-cập và đền-thờ Mi-thra khác), thầy tế-lễ thượng-phẩm chỉ được phép vào chỗ chí-thánh mỗi năm một lần, nhân dịp một lễ lớn.

Trong thời Chúa Giê-xu, chỗ chí-thánh trống không, không có vật gì trong đó hết. Hòm giao-ước, tức là cái hòm mạ vàng ở trong có bản mười điều-răn bằng đá của Thượng-Đế, đã được Giê-rê-mi mang theo trong thời bị tù-đày ở vùng Lưỡng-hà (Sách 2 Mạc-ka-bê chương 2 câu 1 đến 7). Sau này, dân Do-thái được tha trở về và họ đã xây lại đền-thờ, nhưng không tìm thấy hòm giao-ước nữa. Vì thế chỗ chí-thánh trống không.

Sự trống không này có một ý-nghĩa tượng-trung.

Quyển Kabala, một sách Kinh lưu-truyền các giáo-nghi Do-thái, gọi Thượng-Đế là một “Đấng-Không-Hiện-Hữu”. Thật là một chuyện khó tin ! Trong một quyển Kinh tôn-giáo có một danh xưng về Thượng-Đế mà người vô-thần chắc sẽ thừa-nhận. Nhưng ai biết Chúa thì hiểu ý-nghĩa của danh xưng này.

“Thượng-Đế không không”, có nghĩa là Thượng-Đế không phải là cái mà con người tưởng. Sự suy-nghĩ của Thượng-Đế không phải là sự suy-nghĩ của chúng ta, và đường-lối của Thượng-Đế không phải là đường-lối của chúng ta.

Feuerbach (Phoi-ơ-bát) có lý khi cho rằng, con người đã dựa theo hình-ảnh của chính mình mà tự tạo ra các tà-thần. Đây không phải chỉ là quan-điểm riêng của Feuerbach. Luther đã nói trước đó ba trăm năm như sau: “Fides est creatrix Dei.” - Đức-tin là Đấng Tạo-Hóa của Thượng-Đế.

Con người suy-tư về nguyên-nhân và mục-đích của sự-vật, về bí-ẩn của thiên-nhiên và của cuộc đời, và sự suy-tư của con người tạo ra một hình-dung về Thượng-Đế. Thượng-Đế là đứa con yêu của sự suy-tư của con người. Nhưng rồi con người nhận thấy, rằng Thượng-Đế - Đấng do sự suy-tư của mình tạo ra - thất ra là Đấng Tạo-Hóa của vũ-trụ, kể cả của chính cá-nhân mình, rằng Ngài hiện-hữu khách-quan bên ngoài ý-thức của con người, rằng con người đã phạm tội với Ngài nhiều lần. Như thế hình-dung về Thượng-Đế là con người, đã trở thành hình-dung về Thượng-Đế là người Cha. Kinh-Thánh dạy, hai khái-niệm này hợp nhất với nhau trong một tình yêu không bút mực nào tả được, trong Đức Thánh-Linh. Thượng-Đế đã tạo-dụng nên con người có đức-tin, và đức-tin đã tạo nên khái-niệm "Thượng-Đế".

Nhưng Thượng-Đế đã tạo-dụng nên chúng ta vượt cao hơn tri-hiểu của con người rất xa. Lý-trí của con người không thể hiểu được Thượng-Đế. Thần-đạo đưa ra nhiều dẫn-chứng về Thượng-Đế, nhưng những người vô-tin có những dẫn-chứng ngược lại.

Chúng tôi không có ý-định dẫn-chứng. Thượng-Đế không cần con người bảo- vệ. Ngài có thể tự mình mặc-khải. Nếu ta không cần đưa bằng-chứng về sự hiện-hữu của mặt trời thì bằng-chứng về sự hiện-hữu của Thượng-Đế lại càng không cần-thiết hơn. Nhiều lúc mặt trời bị mây che. Những lúc đó, nếu muốn thấy mặt trời, ta phải chờ-đợi.

Thượng-Đế dùng ánh-sáng để đem sự sống lại cho tất cả mọi sinh-vật, nhưng Thượng-Đế cũng vô-hình như ánh-sáng. Ai đã từng thấy ánh-sáng ? Ánh-sáng hoàn-toàn vô-hình trong một không-gian không có không-khí. Thường chúng ta tưởng rằng chúng ta thấy ánh-sáng, nhưng thật ra chúng ta chỉ thấy đồ-vật, không-khí... do ánh-sáng chiếu sáng, còn chính ánh-sáng thì vô-hình.

Vì thế muốn nhận-thức được Thượng-Đế con người phải vượt lên trên giác- quan và lý-trí, mặc dầu lý-trí nhiều khi minh-chứng cho Thượng-Đế.

Qua thiên-nhiên ta có thể quan-sát các mục-tiêu. Hạt giống gieo xuống đất, hút các chất dinh-dưỡng, không-khí và nước cần-thiết để đâm chồi nảy lộc. Trong sự tăng-trưởng của hạt giống ta có thể thấy được một mục-tiêu. Những hạt giống không tự mình đạt đến mục-tiêu được. Sở dĩ sự tăng-trưởng của hạt giống có được một mục-tiêu là nhờ Thượng-Đế.

Con người sống còn được là nhờ biết thích-hợp với môi-trường sinh-sống. Một em bé mới ra đời chỉ sống được nhờ sữa mẹ. Trước khi em ra đời, người mẹ có sữa. Sau một thời-gian, em cần chất dinh-dưỡng đậm hơn thì sữa của người mẹ cũng thay đổi hợp với nhu-cầu của em.

Chúng ta sinh ra có phổi, Thượng-Đế cung-cấp không-khí. Chúng ta cần nước, Thượng-Đế ban nước cho. Sau khi ra đời vài tháng, chúng ta cần chất dinh-dưỡng trong rau cỏ và thịt. Thượng-Đế cung-cấp tất cả.

Con người sống chịu nhiều bệnh-tật. Thượng-Đế đã tạo ra những cây cỏ, nấm... có chứa các dược-chất để trị bệnh.

Con người có nhu-cầu nào, Thượng-Đế sẵn-sẵn cách thỏa-mãn các nhu-cầu ấy.

Nếu nay con người cho rằng nhu-cầu căn-bản của mình - sự khao-khát Thượng-Đế trong tâm-hồn - không thể nào được thỏa-mãn là vì con người kiêu- hãnh hay thiếu hiểu-biết.

Vào một ngày mùa thu, chim quạ nói chuyện với chim én chưa đầy một tuổi. Quạ nói với én: “Như tôi thấy, em sắp sửa đi xa. Em đi đâu vậy ?” Én trả lời: “Ở đây trời sẽ lạnh hơn, em chịu lạnh không được nên sẽ bay đến một miền ấm-áp hơn.” Chim quạ chế-nhạo: “Nhưng em mới sinh ra vài tháng thôi, sao em biết có một miền ấm-áp hơn

để em không bị chết lạnh ?” Én trả lời: “Đấng đặt trong em cái mong-ước tìm về xứ ấm không gạt em đâu. Em tin Đấng đó nên em sẽ bay đi.”

Linh-hồn của một con người có đức-tin cũng tương-tự như vậy.

Chúng ta khát-khao một người cha, một mạch nước, một tình yêu, một ánh- sáng. Cũng tương-tự như những nhu-cầu căn-bản của con người, những nhu-cầu của linh-hồn có thể được thỏa-mãn. Con người có thể tìm thấy Thượng-Đế. Chúng ta có thể nhận-thức ra Ngài.

Tất cả các môn khoa-học đều cần có những dụng-cụ nghiên-cứu chuyên-môn riêng. Nhà thiên-văn không thể quan-sát sao trời bằng kính hiển-vi. Nhiều người đã không thể suy-nghĩ chính-chắn nên đã đi đến kết-luận rằng Thượng-Đế không hiện-hữu. Lý-do là con người không thể sử-dụng những giác-quan thuộc về vật-chất để đi tìm Thượng-Đế. Các giác-quan không phải là những dụng-cụ chuyên-môn để nhận-thức Thượng-Đế.

Cũng như các môn khoa-học, sinh-vật-học và thiên-văn-học, có những dụng-cụ nghiên-cứu chuyên-môn riêng để nhận ra Thượng-Đế. Chúa Giê-xu dạy: “Phước cho những người có lòng trong-sạch, vì sẽ thấy Thượng-Đế.” (Phúc-âm Ma-thi-ơ chương 5 câu 8). Nếu các bạn có một tâm-hồn như vậy, các bạn sẽ tìm thấy Thượng-Đế.

Chữ “thấy” có nhiều nghĩa khác nhau. Tôi thấy một vật vì vật đó phản- chiếu ánh-sáng đập vào mắt tôi. Tôi nhận ra tính-chất của một vật bằng cách cân-nhắc những nhận-xét trong trí-óc tôi. Tôi cảm-xúc được tình yêu của một người qua thái-độ của người đó. Tuy tôi nhắm mắt lại nhưng vẫn có thể thấy được hình-ảnh của người yêu-mến. Dầu người đó ở xa lắm, không thể phản-chiếu ánh-sáng đến mắt tôi, nhưng tôi thấy người đó rõ-ràng. Tôi có thể kể lại giấc mộng tôi mơ, giấc mộng của ban ngày, những hình-ảnh tưởng-tượng. Hết phần nửa cuộc đời con người

thấy bằng cách đó.

Chúng ta thấy Chúa bằng cách nào ?

Trong trí-óc của chúng ta có những hình-ảnh được sắp-xếp theo thứ tự. Mỗi khi cần-thiết chúng ta có thể gọi những hình-ảnh đó trở lại như lật một quyển an-bum. Nhưng trí-óc chúng ta không chỉ có những hình-ảnh vật-chất. Tôi không chỉ hiện-hữu kể từ ngày tôi ra đời, hay kể từ khi mẹ tôi bắt đầu mang thai tôi. Tôi đã hiện-hữu từ lâu trong suy-tư và trong chương-trình của Thượng-Đế. Hiện nay sống trên mặt đất, tôi chỉ là một khách bộ-hành.

Tôi đã từng sống với tư-cách một em bé. Hồi đó, cũng như sau này, tôi giữ lại nhiều hình-ảnh trong trí-óc, có điều là tôi khó gọi lại những điều đó. Nhưng các nhà phân-tâm-học có thể chứng-minh các điều đó.

Vì vậy, nhận-biết Thượng-Đế có nghĩa là nhận-biết-lại. Một tâm-hồn không còn bị tội-lỗi, sự sợ-hãi, lo-lắng và ganh-ghét vương-vấn có thể nhận-biết Thượng-Đế lại.

Tuy nhiên chúng ta cần phải bàn lại hai chữ “nhìn thấy” và “hình-ảnh” kỹ-càng hơn. Ta có thể nhìn thấy một sự thực, nhưng không thể dùng ngôn-ngữ của con người để diễn-tả sự thực ấy.

Khi Marco Polo (Mác-cô Pô-lô), người Âu-châu đầu tiên đến Trung-hoa, trở về nhà và kể lại về những người da màu, mắt hí, tóc búi, người ta cho ông là “tên nói láo Marco Polo”. Ông đã dẫn-chứng bằng cách nào ? Ông chỉ có thể nói: “Các bạn hãy đi đến đó, liệu mình chịu nguy-hiểm, các bạn sẽ thấy những điều tôi đã thấy, rồi các bạn sẽ biết.”

Một người hoài-nghi không có vi-trùng. Chúng ta không thể thuyết-phục người đó. Người đó phải tự mình nhìn vào kính hiển-vi.

“Phước cho người nào có lòng trong-sạch, vì sẽ thấy Thượng-Đế.” Vấn-đề nhận-thức Thượng-Đế là vấn-đề

tâm-hồn trong-sạch. Cứ mỗi lần có ai nói chuyện với chúng tôi về Thượng-Đế, chúng tôi đều hỏi: “Tâm-hồn bạn có trong- sạch không ? Trong-sạch đến nỗi mọi người đều có thể tin-cậy bạn ?”

Người nào trắng hơn tuyết, người đó mới có thể nhận biết Thượng-Đế.



## THƯỢNG-ĐẾ LÀ AI ?

Các bạn vô-thần không công-nhận giá-trị của sự hy-sinh trên cây thập-tự và không để Chúa Cứu-thế dọn sạch tội-lỗi ra khỏi tâm-hồn của mình nên các bạn không thể nhìn biết Thượng-Đế. Nhưng các bạn có quyền hỏi chúng tôi: “Các bạn nhìn biết Thượng-Đế. Vậy xin nói cho chúng tôi biết Thượng-Đế là ai ?”

Thực ra đây là một câu hỏi khó trả lời. Câu hỏi này đặt ra cho người vô-thần lẫn tín-hữu. Người vô-thần phải trả lời câu hỏi: “Đấng đó là ai mà tôi phủ-nhận sự hiện-hữu của Đấng đó ?”. Còn tín-hữu phải trả lời câu hỏi: “Đấng đó là ai mà tôi tin ?”

Thượng-Đế là ai ?

De Broglie (Đơ-bro-gơ), một lý-thuyết-gia nổi-tiếng về ánh-sáng, đã viết: “Nếu chúng ta biết được tia-sáng là gì thì chúng ta đã biết được nhiều lắm !” Nhà sinh-vật-học Jacob von Uexkull (Gia-cốp Ux-kull) viết: “Không ai biết sự sống là gì !” Vậy mà bây giờ chúng ta phải trả lời câu hỏi: “Đấng đã ban ánh-sáng và sự sống là ai ?”

Vấn-đề của câu trả lời nằm ở đâu ? Khi hỏi: “Ánh-sáng hay sự sống là cái gì ?” hay: “Thượng-Đế là ai ?”, vấn-đề không nằm ở những chữ “cái gì”, “ai”, “sự sống”, “ánh-sáng” hay “Thượng-Đế”. Dù sao chúng ta cũng có thể trình bày những kiến-thức của chúng ta về những chữ này. Cái khó của câu hỏi nằm ở chữ “là”. “Là” là gì ? Nếu chúng ta không hiểu chữ này, tất cả những chữ khác đều còn bí-ẩn.

Các bạn vô-thần muốn biết Thượng-Đế là ai, ánh-sáng là cái gì, xin các bạn cho biết các bạn hiểu chữ là như thế nào ?

Như đã trình bày, Cơ-đốc-giáo cởi-mở chấp-nhận các nền văn-hóa cổ, kể cả nền triết-học Hy-lạp, nhất là của Aristotle (A-ris-tốt). Cơ-đốc-giáo dạy, Thượng-Đế là Đấng không thay đổi, là nguyên-nhân của tất cả những đổi thay trong vũ-trụ. Thượng-Đế ngự trên ngôi không hề lay-chuyển của Ngài và quản- trị muôn vật và nhân-loại đang chuyển-động không ngừng.

Không ai có thể hiểu “một Đấng-Thay-Đổi không đổi thay” được. Cái thụ- động không thể hoạt-động được. Một động-cơ làm chuyển-động một cái máy có những chuyển-động riêng của mình. Một động-cơ chỉ có ích-lợi khi nó chuyển- động.

Nếu chúng ta tự hỏi “là” có nghĩa gì thì câu trả lời là: “LÀ” chỉ hiện- hữu nếu “Là” là “Sẽ thành”, “Trở thành”, “Chuyển-động” hay “Được thay đổi”. Heraclitus (Hê-rak-lít-tu) nói: “Panta rhei” - “Tất cả chảy”. “Ta không thể tắm hai lần trong một dòng sông”. Thật ra thì “ta” cũng không thể tắm “một lần” trong một dòng sông, vì ta thay đổi trong khi đang tắm, và dòng sông cũng vậy.

Những yếu-tố căn-bản trong vũ-trụ, các chất hóa-học cũng như những sinh-hoạt tinh-thần không “cố-định” nhưng là những sự-kiện đang xảy ra. Trong khi tôi nói chữ “sắt” thì các nguyên-tử sắt đã di-chuyển hằng tỷ lần quanh cái nhân. Khi tôi phát-âm đến chữ “t” thì miếng sắt không còn ở trong tình-trạng như lúc tôi phát-âm chữ “s” nữa.

Nếu bước vào lãnh-vực vật-lý chúng ta sẽ thấy sự-kiện này rất quan-trọng. Không có một yếu-tố nào cố-định. bất-di bất-dịch, kiên-nhẫn chờ ta nói “Đó là...”.

James Jeans (Đzem Đzin) nói: “Vật-chất không phải cái-là mà là cái-đang- xảy-ra”. Vật-chất không phải là một sự hiện-hữu, nhưng là một con sông. Tất cả, nhất là các sinh-vật, đều thay đổi triền-miên và đổi mới.

Làm thế nào một Đấng thay đổi tất cả không đổi thay được ? Giả sử có người được phép họa-hình Thượng-Đế thì không có họa-phẩm nào trung-thực bằng họa-phẩm

của Michelangelo vẽ trên trần nhà Capella Sistina (Capella Xít-ti-na). Michelangelo đã họa Thượng-Đế đang bay trong gió bão. Sách Ru-tơ trong Kinh-Thánh cũng có đề-cập đến cánh của Thượng-Đế.

Những người cho rằng Thượng-Đế không hiện-hữu không biết rằng, các giáo-sư thần-học cũng đã chủ-trương như vậy từ lâu, nhưng chữ “không” phủ-định có một ý-nghĩa khác.

Triết-gia John Scotus Erigena (Đzôn Sơ-cốt-tu Ê-ri-đi-na) viết: “Thực ra không có Thượng-Đế, vì Ngài vượt ra ngoài sự hiện-hữu.” Thomas Aquinas (Thô-ma A-quin-nơ) nói: “Sự hiện-hữu của Thượng-Đế không phải là sự hiện-hữu bình-thường. Đó là một sự hiện-hữu khác hẳn với tất cả sự hiện-hữu khác. Cái “Esse” (tiếng La-tinh: Là) của Thượng-Đế không phải là cái “esse” thông-thường”.

Khi Chúa hiện ra cho Môi-se, Chúa đã xưng danh mình trong tiếng Hy-bá-lai (tiếng Do-thái cổ) như sau: “Ehjah asher ehjah”, có nghĩa là “Ta sẽ là Đấng mà ta sẽ là” (Xuất-Ai-cập-ký chương 3 câu 14).

Vua Đa-vít viết trong một Thi Thiên:

“Ngài cỡi Chê-ru-bin và bay,  
Ngài liệng trên cánh của gió.”  
(Thi Thiên 18 câu 10).

Trong Thi Thiên 104 câu 4, vua Đa-vít viết:

“Ngài dùng mây làm xe Ngài,  
Và đi bước trên cánh gió.”

Trong Thượng-Đế không có sự thay đổi. Đó là đặc-tính của tình yêu. Nhưng cách-thức biểu-lộ tình yêu luôn luôn thay đổi.

Đó chính là nguyên-nhân tại sao câu hỏi “Thượng-Đế là

ai ?” khó trả lời. Chúa biểu-lộ tình yêu của Ngài đối với nhân-loại qua nhiều hình-thức khác nhau. Ngọn lửa tình yêu của Chúa, cũng như lửa ta có hằng ngày, thay đổi mãi. Không ai có thể họa chân-dung của một người cách trung-thực được. Mỗi cá-nhân có nhiều vẻ mặt khác nhau. KHÔNG ai có thể diễn-tả chân-lý. Chân-lý luôn luôn là một chuỗi gồm những quả-quyết về một vật hay một người đang thay đổi.

Vì thế trong tiếng Hy-bá-lai là tiếng Thượng-Đế xử-dụng để mặc-khải, không có chữ “mặt” (số ít) mà chỉ có chữ “các mặt” (panim - số nhiều). Hình-thức bên ngoài của mỗi vật và mỗi người đều thay đổi luôn. Kinh-Thánh cũng dùng chữ “panim” này để chỉ Thượng-Đế. Chúa luôn luôn thay đổi cách-thức biểu-lộ tình yêu và đức công-chính của Ngài.

Chúng ta biết Thượng-Đế là gì. Thượng-Đế là khởi-nguyên, là An-pha, là Đấng Tạo-Hóa tạo-dựng nên vũ-trụ. Chúng ta cũng biết Thượng-Đế sẽ là gì: là Đấng “tất cả trong tất cả”. Nhưng hiện nay Thượng-Đế là gì ? Thượng-Đế không phải là “cái là”. Chúa di-chuyển từ cực-điểm này đến cực-điểm khác. Sứ-đồ Phao-lô viết: “Từ khi sáng tạo trời đất, những đặc-tính vô-hình của Thượng-Đế - tức là quyền-năng vô-tận và bản-tính thần-linh - đã hiển-nhiên trước mặt mọi người, ai cũng có thể nhận thấy nhờ những vật hữu-hình, nên họ không còn lý-do chữa tội.” (Rô-ma chương 1 câu 20).

Mỗi lần quan-sát cái máy tôi đều thăm-phục người kỹ-sư chế-tạo ra cái máy đó. Một công-trình kiến-trúc càng tráng-lệ bao nhiêu, kiến-trúc-sư của công-trình đó càng được nổi-tiếng bấy nhiêu.

Bernett (Bec-nết) đã viết trong một lời nói đầu: “Vũ-trụ quan của tôn-giáo là động-cơ mạnh và đẹp nhất để nghiên-cứu thiên-nhiên một cách khoa-học.”

Milner (Mil-nơ) bắt đầu quyển “Tính tương-đối và sự

cấu-tạo của các ngôi sao” bằng câu: “Ban đầu Thượng-Đế dựng nên trời đất.”

Nhà sinh-vật-học Hans Speman (Hanh Sơ-pơ-manh) viết: “Tôi thú-nhận rằng trong khi thí-nghiệm, tôi thường có cảm-tưởng đang đối-thoại với một Đấng thông-biết hơn mình.”

Immanuel Kant (I-ma-nu-ên Kan-tơ) viết: “Một gương mặt đẹp là một gương mặt biểu-lộ linh-hồn. Cũng vậy, thế-giới đẹp vì qua thế-giới ta có thể nhìn biết Thượng-Đế.”

Hegel, người sáng-lập ra phái biện-chứng tân-thời và là bậc thầy của Karl Marx, có khuynh-hướng dùng triết-lý biện-luận cho tôn-giáo.

Francis Bacon nói: “Nếu chỉ nghiên-cứu triết-lý hời-hợt ta sẽ xa với Thượng-Đế - nghiên-cứu kỹ-càng hơn, triết-lý sẽ đem ta trở về với Thượng-Đế.”

Có nhiều điểm đã làm các khoa-học-gia trở thành tín-hữu của Chúa Cứu-thế Giê-xu. Họ ngạc-nhiên về sự trùng-hợp giữa các định-luật thiên-nhiên và khả-năng dùng giác-quan nhận-thức lý-trí, kiến-thức và đức-tin của con người.

Đấng Tạo-Hóa không hiện-hữu ?

Nếu Đấng Tạo-Hóa không hiện-hữu thì toàn-thể vũ-trụ chỉ là một đồng-gồm các phần-tử, yếu-tố, nguyên-tử... hỗn-độn. Trí-óc tôi cũng chỉ là kết-quả của một tiến-hóa bất-ngờ do những định-luật không được định-trước.

Nhà sinh-vật-học Max Hartmann (Mắc Hát-manh) đề-cập đến “phép lạ về sự hòa-hợp giữa vũ-trụ và sự suy-nghĩ của chúng ta.” De Broglie nói, ngay trong những sự-kiện giản-dị nhất mà khoa-học khám-phá ra cũng chứa nhiều điều bí-ẩn. Einstein viết: “Điều sẽ còn làm khó hiểu trong vũ-trụ là sự-kiện con người có khả-năng nhận-thức vũ-trụ.”

Ngay cả Voltaire, người mà Cộng-sản cho là một người

vô-thần, cũng đã nói như sau: “Thế-giới được tạo-dựng một cách thông-minh. Vì thế thế-giới phải được dựng-nên bởi một sự thông-minh... Trí thông-minh của một Newton (Niu-tơn) do một sự thông-minh khác mà ra.”

Ai tin có đồng-hồ mà không có thợ đồng-hồ ? Đồng-hồ của chúng ta chỉ thời-gian theo sự chuyển-động của trái đất. Ai đã làm nên cái máy đo thời- gian này ?

Điểm thứ hai làm cho chúng ta ngạc-nhiên khi quan-sát thiên-nhiên là sự trật-tự của thiên-nhiên. Sự trật-tự này không thể ngẫu-nhiên mà có được.

Uexkull nói: “Chúng ta thưởng-thức qua thiên-nhiên một bản nhạc hòa-tấu.” Nhà địa-lý-học Cloos viết: “Chúng ta nghe âm-nhạc của trái đất.” Kant là một người phê-bình những dẫn-chứng về đức-tin nơi Thượng-Đế của các nhà thần-học. Nhưng chính Kant cũng phải công-nhận giá-trị của những dẫn-chứng trong thiên-nhiên.

Nhìn một con công lông-lẫy, ta không thể giải-thích rằng bộ lông đẹp-đẽ của nó đã từ từ hình-thành để nhờ đó có thể lôi kéo các đồng-loại. Ngay cả một con quạ xấu-xí cũng có bạn và cò đại bên lề đường cũng lôi kéo được ong rừng không thua gì hoa huệ đẹp-đẽ.

Những con cá nhỏ đẹp tung-tăng trong nước ở đâu mà có ? Nhìn những cá đó ta phải buột miệng, nghệ-thuật vì nghệ-thuật. Tạo sao chim két biết nói ? Tại sao có những loại chim biết hót như chuông đổ ? Còn sừng nai thì như thế nào ? Tạo sao ngựa vằn có vằn đều-dặn như vậy ? Tại sao mỗi loại hoa đều có một màu ? Những gốc cạnh giống nhau, đều nhau, đối nhau trong pha-lê ở đâu mà có ?

Ở viễn-đông có loại chim biết may, biết làm tổ bằng lá, đan bằng những sợi chỉ bằng lông do chính loại chim ấy dệt ra. Loại chim này ở đâu mà có ?

Tại sao màn nhện lại có thể cao hơn kỹ-thuật dệt vải của con người ? Nhờ kính hiển-vi ta có thể lấy những sợi tơ của màn nhện ra quan-sát. Con người không thể dệt tốt

hơn, mịn hơn, bền hơn và chịu đựng sự thay đổi của nhiệt-độ hay hơn.

Con người đã chế-tạo được radar là nhờ quan-sát những con dơi. Chúng ta ngày nay có nhiều ống kính tinh-vi, nhưng ống kính nào tinh-vi hơn mắt của con người ?

Tôi có dịp quen với một người cộng-sản đã tin Chúa nhờ quan-sát vành tai của con mình. Vành tai phải đã được cấu-tạo theo một chương-trình định-sẵn chứ không thể do những nguyên-tử tình-cờ gặp nhau.

Tại sao các bạn không thể tin vào một Đấng Sáng Tạo ? Nếu các bạn nghiên- cứu tai của con người, các bạn sẽ thấy 24.000 đầu dây thần-kinh sắp-xếp bên nhau để thông-tin cho trí-óc.

Các bạn đã từng quan-sát một cây lúa chưa ? Cây lúa cao khoảng 160 phân, đường kính 3 ly, tương-đương với một cái nhà cao 500 mét (khoảng 100 tầng) có nền rộng một mét vuông. Đầu ngọn lúa có hạt lúa nặng, bị gió thổi qua lại, nhưng cây lúa không gãy. Trong cây lúa chắc có một hệ-thống tự-động tinh-vi có thể dẫn nước từ gốc lên ngọn, vì muốn dẫn nước lên một tòa nhà chọc trời người ta cần có một hệ-thống bơm nước tới-tân. Con người văn-minh không thể tạo ra một chế-phẩm kỳ-diệu như cây lúa.

Nói đến nước là nói đến một phép lạ. Tất cả vật-chất khi gặp nóng đều giãn ra và khi gặp lạnh thì co lại. Nước ngược lại. Khi gặp lạnh, nước trở thành đá, thể tích giãn ra. Đá nhẹ hơn nước nổi lên trên đóng thành một lớp băng trên mặt nước để giữ cá khỏi chết lạnh. Nếu nước không có đặc-tính này chắc sự sống ở các sông hồ không còn nữa. Trường-hợp đặc-biệt này từ đâu mà đến ? Ngẫu-nhiên hay do một Đấng Tạo Hóa khôn-ngoan sắp-xếp-đặt ?

Werner Siemens (Vẹt-nơ Zi-mên), một kỹ-thuật-gia nổi-tiếng, đã từng nói: “Sự hòa-hợp của thiên-nhiên do những định-luật cố-định sắp-xếp mà trí-óc của con người

không thể hiểu được. Càng đi sâu vào sự hòa-hợp đó, con người càng khiêm-nhường, sự hiểu-biết của con người càng nhỏ, con người càng ước-mong được uống từ nguồn nước khoa-học và kiến-thức này. Và con người phải thần-phục sự khôn-ngoaan đã tạo-dựng nên vũ-trụ.”

Con người không thể giải-thích Thượng-Đế là ai, nhưng con người có thể nhận-biết uy-quyền vô-hình của Ngài nếu biết quan-sát cẩn-thận vũ-trụ mà Ngài đã tạo ra. Thiên-nhiên cho chúng ta biết về một Đấng tể-trị quyền-năng và về một nghệ-sĩ vĩ-đại. Nhờ thiên-nhiên chúng ta biết rằng Thượng-Đế là Thượng-Đế của trật-tự.

Một lần kia, một môn-đồ xin Chúa Giê-xu chỉ Cha cho họ. Chúa trả lời: “Nầy Phi-líp, ta đã ở với các con đã lâu mà con chưa biết ta sao ? Ai thấy ta tức là thấy Cha. Sao con còn nói: xin chỉ Cha cho chúng con ? Con không tin ta ở trong Cha và Cha ở trong ta sao ? Những lời ta nói với các con không phải tự ta nói, nhưng chính Cha ở trong ta đã nói ra những lời Ngài.” (Phúc-âm Giăng chương 14 câu 8-10).

Với những lời này Chúa Giê-xu muốn dạy chúng ta nên nghĩ về Chúa và về chính cá-nhân mình như thế nào.

Nói một cách khác, người nào nhìn thấy bạn và tôi, đầu bạn là một người vô-thần đi nữa, người đó nhìn thấy Cha (Thượng-Đế), vì tất cả chúng ta đều được dựng nên theo hình-ảnh của Ngài.

Thánh Gregory ở Nissa viết: “Con người là nhân-diện của Thượng-Đế.” Thánh Macarius viết: “Giữa Thượng-Đế với con người có tình-cảm gia-đình thẩm-thiết.” Thánh Basil cho rằng: “Con người là một sinh-vật đã nhận được lệnh phải trở thành Thượng-Đế.”

Con người, mọi người - kể cả người vô-thần, các tội-nhân cũng như các bậc thánh - đều có một cơ-thể kỳ-diệu. Ngay cả người xấu-xa độc-ác nhất cũng có một trái tim như một máy bơm nước tối-tân mà không một kỹ-sư nào



có thể chế-tạo ra được. Máy này bơm máu 600 lần mỗi ngày đi vòng trong cơ-thể. Nếu máy bơm này hoạt-động 50 năm sẽ bơm 1.840.000.000 lần không nghỉ một phút nào.

Điểm thứ hai: linh-hồn của con người là một tạo-thể kỳ-diệu mà ta không sao diễn-tả được. Linh-hồn hoàn-toàn và tự-tồn, không phụ-thuộc vào thân-thể. Ta có thể nhận-thấy đặc-tính tự-tồn của thân-thể qua bản hòa-nhạc số 9 của nhạc-sĩ bị điếc Beethoven, hay qua cuộc đời của Helen Keller (Hê-len Kê-lơ), một người dù bị câm và điếc nhưng cũng có thể viết sách, hay qua cuộc đời của Mozart, mới lên năm mà đã biết soạn nhạc.

Ta cũng nhận-thấy linh-hồn không phụ-thuộc vào giác-quan qua thuật thôi- miên. Người bị thôi-miên, tim đập nhẹ, gần như không thở nữa, máu gần như không chảy lên các mạch máu ở não, trí-óc gần như không hoạt-động nữa, nhưng tinh-thần của người bị thôi-miên vẫn hoạt-động bình thường. Người bị thôi- miên chỉ cần nghe một bài thơ một lần là đã thuộc lòng, nghe một trang Kinh-Thánh bằng chữ Hy-bá-lai một lần là có thể lập lại từng chữ mặc dầu chưa từng học ngôn-ngữ đó. Người bị thôi-miên có thể nhớ lại những kỷ-niệm trong thời thơ-ấu.

Nhưng con người còn có điều quý-báu thứ ba: con người có một tâm-linh, nhờ đó con người tương-tự như Thượng-Đế.

Người vô-thần không công-nhận sự hiện-hữu của tâm-linh, vì ta không thể dùng giác quan kiểm-chứng sự hiện-hữu của tâm-linh. Con người không thể kiểm-chứng tâm-linh được, trái lại, tâm-linh kiểm-chứng những sự-kiện khác. Mắt không thể tự nhìn mắt, mũi không thể tự ngửi mũi. Tâm-linh không thể là đối-tượng của các giác-quan.

Aristotle nói: “Nhờ tất cả những điểm quan-trọng trong con người - nhờ tâm-hồn - mà con người có giá-trị hơn là giá-trị của một đời sống.” Nếu chỉ là người thì chưa

phải là con người. Nhìn con sâu ta phải biết rằng trong tương-lai, sâu đó sẽ là con bướm-bướm đẹp. Vì thế ta không hạ giá con người. Chính Chúa Giê-xu đã nói: “Các người là thần.” (Phúc-âm Giảng chương 10 câu 34).

Con người là một sinh-vật mang hình-ảnh Thượng-Đế. Chúng ta không thể diễn-tả Thượng-Đế, nhưng nếu quan-sát con người, chúng ta có thể biết được một phần nào về Thượng-Đế. Chúng ta sẽ thấy trong con người có niềm vui sống, có sáng-kiến, có tính tìm-tòi hiểu-học, thích thẩm-mỹ, có khả-năng phán-đoán và hướng-thượng.

Con người là một sinh-vật kỳ-diệu. Con người giống Thượng-Đế và là một ảnh-tượng của Thượng-Đế, vì con người cũng tạo-dựng ra một vũ-trụ cho riêng mình. Thiên-nhiên ngoài con người chỉ là một đồng hỗn-độn gồm điện-lực, làn sóng, ánh-sáng, phân-tử, nguyên-tử và các yếu-tố khác. Nhưng làn sóng vô-âm nhờ tai mà có tiếng, một ánh-sáng vô-hình nhờ mắt mà được thấy, và một vũ-trụ khó-hiểu nhờ trí-óc của con người mà có thể hiểu được.

Bên ngoài con người có một thực-thể. Con người sắp-xếp thực-thể này thành lượng, phẩm, nhân, quả và phương-cách. Con người tiếp-thu thực-thể vào trong một cái lưới do con người tự đan lấy và sắp-xếp lại thành một vũ-trụ. Trong con người, thiên-nhiên thực-hiện vẻ đẹp của nó. Khi ta ngắm một hoa hồng, hoa như bùng tỉnh dậy, hồng đẹp hơn, tỏa hương ngào-ngạt hơn. Nếu không có con người, hoa hồng sẽ không có giá-trị nữa, chỉ là một kết-tụ của những nguyên-tử như muôn ngàn hoa khác.

Đối-tượng duy-nhất trong thiên-nhiên mà tôi biết rõ từ bên trong chính là tôi. Trong tôi có khả-năng sắp-xếp thứ-tự. Tôi có thể tạo ra cho tôi một thế-giới riêng, hoặc là một thế-giới tươi-đẹp để tôi vui sống, hoặc một thế-giới buồn-thảm làm tôi và những người khác thất-vọng.

Lenin nói, vũ-trụ chỉ hiện-hữu trong tâm-linh. Bên ngoài tâm-linh, tất cả thực-thể đều hỗn-độn. Chính tâm-linh đã tổ-chức vũ-trụ, viết ra định-luật. Vũ-trụ chỉ có thể hiện-

hữu trong tâm-linh, nhưng con người không hiện-hữu mãi mãi, và tâm-linh con người cũng vậy.

Vì thế phải có một tâm-linh khác hiện-hữu trước sự hiện-hữu của con người. Trong tâm-linh đó, vũ-trụ này đã hiện-hữu. Con người tự cho mình là một phần-tử của vũ-trụ được tổ-chức. Tâm-linh đó chính là Thượng-Đế. Tôi cũng là người tạo-dựng nên một vũ-trụ, một vũ-trụ nội-tâm. Ai nhìn thấy tôi tức là nhìn thấy Cha. Tôi không thể nói Thượng-Đế là ai, nhưng tôi có thể hiểu thần-tánh của Ngài nếu tôi quan-sát con người.

## HÃY NHÌN VÀO CHÚA GIÊ-XU.

Nếu bạn nhìn vào người gương-mẫu nhất của nhân-loại, bạn sẽ nhìn thấy trong con người đó một phần nho-nhỏ về Cha, dầu rất mờ-ảo.

Nhưng có một con người mà ta phải chiêm-ngưỡng một cách đặc-biệt. Đó là Chúa Giê-xu. Người đó không chỉ là một con người, nhưng cũng là Thượng-Đế đã trở thành người.

Thượng-Đế toàn tri, biết tất cả, nhưng có nhiều điểm Thượng-Đế chỉ biết phần bên ngoài. Một vị chánh-án có thể thuộc lòng toàn quyển sách luật nhưng vẫn không có khả-năng xử án công-bằng vì chưa từng là tù-nhân. Năm năm ngồi tù, ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác, khác với năm năm tù trong quyển sách luật.

Thượng-Đế không biết tội, cũng không biết cái chết là gì. Vì thế, Chúa Cứu-thế, Con của Thượng-Đế đã trở thành người và có tất cả các đặc-tính và giới-hạn của con người.

Là một người đàn ông, Chúa biết cái cảm-đổ của người đàn bà. Là một người thợ mộc, Chúa biết cái khổ của người nghèo. Là một người dân của một dân-tộc bị bóc-lột, Chúa biết cái tính nổi-loạn và bất-trung. Là người tù, bị tra-tấn, bị đóng đinh, Chúa biết sự thất-vọng và đau-khổ. Dầu Chúa không hề phạm tội, Chúa đã biết chiều sâu của tội-ác.

Các sách Phúc-âm không hề kể lại điều gì về cuộc sống của Chúa từ năm 12 tuổi đến năm 30 tuổi. Nhưng Kinh-Thánh kể lại, trong ba năm rưỡi hành đạo, Chúa bị chỉ-trích nặng-nề vì đã giao-thiệp với người xấu-xa tội-lỗi.

Chúa Giê-xu, Con của Thượng-Đế, đã sẵn-sàng chấp-nhận số-kiếp của con người và đã nếm cái chết để không những chỉ trở thành một vị chánh-án công-bình cho nhân-

loại nhưng cũng trở thành vị luật-sư và Chúa Cứu-thế. Cuộc đời của Chúa Giê-xu và cái chết của Ngài trên cây thập-tự ở đồi Gô-gô-tha là con đường Thượng-Đế đã đi để cảm-thông các nan-đề của con người. Trong thân-thể, hình-hài của con người, Chúa đã hiểu chúng ta nhiều hơn và tha-thứ tội-lỗi chúng ta rộng-lượng hơn. Nước Trời đã đến gần chúng ta.

Ta có thể sánh sự-kiện hạ mình xuống trần của Con Thượng-Đế với điều gì ?

Osborn đã tình-nguyện sống cực-khổ nhiều năm trong tù để có thể cải-thiện điều-kiện giam-giữ tù-nhân trong các trại giam. Có nhiều vị bác-sĩ tự tiêm vi-trùng bệnh vào trong cơ-thể của mình để thí-nghiệm, tìm phương-cách chữa bệnh có hiệu-quả hơn.

Nhưng tất cả những so-sánh này chỉ có tính-cách tương-đối, vì trong những trường-hợp này con người đã hy-sinh thân mình cho đồng-loại. Trường-hợp của Chúa Cứu-thế khác hẳn.

Chúa Cứu-thế là Thượng-Đế. Dưới mắt Chúa trần-gian không có nghĩa gì. Tất cả dân-tộc đối với Chúa chỉ là một giọt nước trong thùng, một hạt bụi trên cán cân. Sự hy-sinh của Chúa cho nhân-loại ví như một người yêu-thương những con đĩa độc-hại một cách phi-lý. Vì như con đĩa bám vào giữa ngón tay để giết một người, nhưng người đó lại hóa thành đĩa để sống như đĩa, có tính hút máu và chịu chết cái chết của con đĩa. Người đó hành-động như vậy với mục-đích trở thành một vị chánh-án công-bằng cho đĩa, để bảo-vệ đĩa khỏi tay những người muốn giết-hại chúng !

Tôi biết, nhiều người không thích sự ví-sánh này. Nhưng chắc các thiên-sứ cũng không thể hiểu được tại sao Chúa Cứu-thế lại hy-sinh chịu trở thành một sinh-vật đáng ghét, xấu-xa và tội-lỗi.

Chúa Cứu-thế xuống trần-gian không chỉ để làm người.

Chúa không làm một người anh-hùng như Bar Kochbah, không làm một danh-nhân như Apollonius ở Tyana, không làm một triết-gia như Plato. Để cứu người, cứu tất cả mọi người, Chúa Cứu-thế phải hạ mình xuống chỗ thấp-hèn tuyệt-đối. Chúa đã trở thành một người thợ mộc Do-thái, thuộc vào hạng người không có học-thức trong xã-hội. Chúa cũng yếu-đuối như tất cả mọi người khác, cũng giận-dữ, đau-đớn và sợ-hãi. Và cuối-cùng, Chúa bị liệt vài hạng vô-lại.

Những đặc-tính này của Chúa Giê-xu Cứu-thế làm cho những người hiểu-biết rất ngạc-nhiên về tính khiêm-nhường tốt-bực và tình yêu vô-biên của Chúa.

Và nếu có ai hỏi Chúa, tại sao Chúa lại hy-sinh như vậy, Chúa sẽ trả lời giản-dị rằng: “Vì Thượng-Đế yêu-thương nhân-loại đến nỗi hy-sinh Con Một của Ngài, để tất cả những người tin-nhận Con Thượng-Đế đều không bị hư-vong nhưng được sự sống vĩnh-viễn.” (Phúc-âm chương 3 câu 16). Chúa dạy, chính Chúa là Con Một của Thượng-Đế đã được Cha sai xuống trần-gian.

Chúng ta không thể nói Thượng-Đế là gì, nhưng nếu chúng ta nhìn vào Chúa Cứu-thế, chúng ta có thể hiểu được một phần về thuộc-tính của Thượng-Đế.

Thượng-Đế muốn biểu-lộ tình yêu, sự công-bằng và từ-tâm của Ngài đối với nhân-loại. Thượng-Đế có tình yêu vô-biên, và tình yêu này là động-cơ thúc-đẩy Ngài sai Con Một của Ngài chết đền tội thế chúng ta.

## CÔNG CUỘC SÁNG-TẠO.

Tạo sao ta phải đi con đường vòng này ? Tại sao ta phải nhìn thấy Thượng-Đế trong thiên-nhiên, trong con người và trong Chúa Cứu-thế Giê-xu ? Tại sao ta không thể nhìn thấy Thượng-Đế trực-tiếp, mặt đối mặt ?

Trong sách Talmud có ghi một câu chuyện sau đây. Một vị Vương xin một Rabbi: “Xin chỉ cho tôi Thượng-Đế !” Vị Rabbi trả lời: “Ngài sẽ thấy Thượng-Đế tận mắt, nhưng với điều-kiện, trước nhất Ngài phải nhìn thẳng vào mặt trời năm phút.” Vị Vương thử nhìn thẳng vào mặt trời, nhưng phải quay mắt đi chỗ khác ngay. Lúc đó vị Rabbi mới nói: “Ngài không thể nhìn mặt trời năm phút, vậy sao Ngài có thể nhìn Đấng ban ánh-sáng cho tất cả các tinh-tú ?”

Di-nhiên đức-tin đem lại cho những người trí-thức một số nan-đề. Người trí-thức nhìn thế-giới tồn-tại theo những luật-lệ tự-nhiên. Điều này sinh ra những điều khác, vật này sinh ra vật kia, theo những luật-lệ rõ-ràng, vì tất cả mọi dữ-kiện đều là kết-quả của một diễn-tiến trước đó. Núi non, thung-lũng, sông ngòi và các sinh-vật đều không phải là những vật thọ-tạo theo đúng nghĩa của nó, cũng như các tinh-tú cũng không phải là những vật thọ-tạo nhưng là kết-quả của sự tiến-hóa qua nhiều thời-đại. Có vài ngôi sao đã cổ, sắp sửa biến mất, cũng có ngôi sao còn “trẻ”, cũng có cái mới xuất-hiện. Có nhiều loại ngôi sao thuộc nhiều thời-đại khác nhau. Vậy thì công cuộc sáng-tạo bắt đầu lúc nào ? Có khoảng nửa triệu loại thú vật khác nhau đã bị diệt-chủng. Những loại ngày nay đang sống chắc sẽ không còn sống mãi mãi. Và trong mọi loài thú vật đều có sự tiến-hóa. Về phương-diện này, các sinh-vật không phải là loài thọ-tạo trực-tiếp của Thượng-Đế.

Nhưng nếu chúng ta không nhìn thấy nơi Thượng-Đế chỉ là một Đấng Sáng Tạo thì nan-đề này sẽ biến mất. Thượng-Đế là Thượng-Đế Sống và là Thượng-Đế-Ban-Sự-Sống. Ngài đổi thay tất cả không ngừng những định-luật vật-lý. Đồng-thời, các định-luật vật-lý lại thể-hiện tính bất-biến của Ngài. Đây chính là lý-do tại sao ta khó hiểu Thượng-Đế.

Heraclitus nói: “Thiên-nhiên thích ẩn-dật.” Câu nói này thích-hợp với thuộc-tính của Thượng-Đế hơn, vì vua Sa-lô-môn cũng nói: “Thượng-Đế có phán rằng: Ngài ngự trong nơi tối-tăm mờ-mịt.” (I Các Vua chương 8 câu 12).

Luther nói: “Không có điều gì nhỏ mà Thượng-Đế không nhỏ hơn, không có điều gì lớn mà Thượng-Đế không lớn hơn, không có điều gì ngắn mà Thượng-Đế không ngắn hơn, không có điều gì dài mà Thượng-Đế không dài hơn, không có điều gì rộng mà Thượng-Đế không rộng hơn, không có điều gì hẹp mà Thượng-Đế không hẹp hơn.”

Trong một dịp khác Luther thêm vào: “Không có gì hiện-hữu và trung-tâm điểm hơn là Thượng-Đế và uy-quyền của Ngài.”

Chúng ta chỉ thấy Thượng-Đế khi thần-linh của Ngài vận-hành, cũng như chúng ta sẽ không thấy không-khí nếu không có gió thổi.

Các giác-quan tâm-linh của chúng ta bén-nhảy và chúng ta có thể cảm-giác được sự hiện-diện của Chúa do sự tỉnh-nguyện và hành-đạo, nhờ sự trong-sạch bởi đức-tin vào sự hy-sinh của Chúa Cứu-thế Giê-xu. Chúa dạy: “Phước cho tâm-hồn trong-sạch, vì sẽ thấy Thượng-Đế.” (Phúc-âm Ma-thi-ơ chương 5 câu 8).



## THƯỢNG-ĐẾ HIỆN-HỮU.

Tôi đã từng chứng-kiến các tín-hữu của Chúa Cứu-thế Giê-xu chịu chết trong ngục-tù. Lời nói cuối-cùng của họ là: “Thượng-Đế hiện-hữu.” Họ có thất-vọng không ? Chắc-chắn không. Tôi cũng muốn chết với những lời nói này trên môi.

Chúng ta sống cuộc đời của chúng ta trên những bình-diện khác nhau. Các khoa-học-gia biết rằng, tất cả vật-chất đều chỉ gồm những nguyên-tử căn-bản đang quay-cuồng như thoi tơ. Các nguyên-tử ấy xa cách nhau như trái đất xa mặt trời. Dầu vậy các khoa-học-gia cũng không ngần-ngại ngồi xuống ghế, vì biết rằng ghế là một vật rắn-chắc. Theo thuyết nguyên-tử, bức tường chỉ là một khối trống-không vĩ-đại. Nhưng nếu ta chạy đụng vào tường thì có thể gãy cổ lổ đầu.

Tôn-giáo cũng vậy, trên bình-diện triết-học, như đã đề-cập ở trên, những chữ “hiện-hữu” hay “là” không thể sử-dụng cho Thượng-Đế vì những chữ đó quá giản-dị. Các tín-hữu của Chúa Cứu-thế Giê-xu có thể suy-tư về lời phủ-nhận Thượng-Đế của các bạn vô-thần. Các bạn vô-thần chỉ nhận-thức sự thật trên một bình-diện mà thôi nên các bạn dễ có một hình-ảnh sai-lệch về sự thật. Trên một bình-diện khác, Thượng-Đế hiện-hữu và Thượng-Đế “là”.

Một phần của sự thật rất nguy-hiểm. Vì thế chúng tôi đặt giá-trị “vào chân-lý, vào toàn thể chân-lý, và chỉ vào chân-lý mà thôi”.

Mọi người đều biết rằng, tuy đang sống trong một thế-giới của Newton, chúng ta đồng-thời cũng đang sống trong một thế-giới của Einstein, là một thế-giới mà ai ai cũng

đều có những định-luật riêng cho cá-nhân mình. Người nào chỉ sống trong thế-giới của Newton, người đó không thể lên mặt trăng và không có nguyên-tử-lực. Chúng ta vừa sống trong một thế-giới mà chúng ta không gặp Thượng-Đế, vừa sống trong một thế-giới có Thượng-Đế mà các bạn vô-thần không biết...Đó là một thế-giới hiện-hữu, “là”, và cho phép chúng ta tương-giao với Ngài.

Đó là một thế-giới của thần-linh, của tôn-giáo hành-đạo.

Dầu có thuyết nguyên-tử, ghế, tường, cơm gạo vẫn hiện-hữu và con người vẫn xử-dụng những vật đó. Thượng-Đế cũng hiện-hữu một cách giản-dị như vậy.

Thỉnh-thoảng, sự hiện-diện của Thượng-Đế phá bỏ các ranh-giới của ý-thức, nhất là trong những giây-phút đặc-biệt.

Trong lịch-sử, có nhiều trường-hợp những người vô-thần, kể cả các bậc lãnh-đạo cộng-sản, bị thanh-trừng, bị giam-giữ và chịu chết trong các trại giam cộng-sản. Chính bản-thân tôi đã từng chứng-kiến một vài trường-hợp tương-tự. Trong những giây-phút cuối-cùng của cuộc đời, các vị đó đã thốt lên “Thượng-Đế, Thượng-Đế” hay “Chúa Giê-xu ơi”.

Chúng ta phải tự hỏi, đức-tin nơi Thượng-Đế của hằng triệu con người trong lịch-sử từ đâu mà ra ? Các bạn vô-thần phủ-nhận Thượng-Đế, nhưng khái-niệm Thượng-Đế hiện-hữu ở trong chính các bạn. Triết-gia người Anh Locke (Lót-cơ) đã diễn-tả ý này, rằng trong lý-trí của chúng ta không có điều gì hết ngoài ra những điều mà giác-quan ghi-nhận. Một người sống rong rêu rừng rậm New Guinea (Tân Ghi-nê) không thể có khái-niệm “máy truyền-hình” vì xã-hội của người đó chưa có máy truyền-hình. Nếu con người không cảm-nghiệm Thượng-Đế thì khái-niệm Thượng-Đế ở đâu mà có ?

Thật ra ta cũng có thể tưởng-tượng ra những chuyện

không có thực. Thí-dụ: ta có thể tưởng-tượng ra một hòn-đảo rộng một cây-số vuông, có đầy kim-cương, nằm giữa biển. Nhưng tất cả những yếu-tố mà ta tưởng-tượng đều có thực. Trong thiên-nhiên, có đảo, có biển, có kim-cương. Những điều này có thực, ta chỉ sắp-xếp chúng lại với nhau sai sự thật thôi.

Sự tưởng-tượng về Thượng-Đế cũng có thể tương-tự như vậy. Chúng ta sắp-xếp Thượng-Đế và những ý-tưởng của chúng ta lại với nhau một cách sai-lầm. Tôi có thể tin một Thượng-Đế ác-độc, một Thượng-Đế mạnh hình-hài của con người hay Thượng-Đế của tôi là dân-tộc, là đất nước. Nhưng điểm chắc-chắn là, Thượng-Đế hiện-hữu và Thượng-Đế không phải là Đấng như chúng ta suy-nghĩ.

Theo Engels, đức-tin phi-lý. Giả sử đối với lý-trí của chúng ta Thượng-Đế hợp-lý thì Thượng-Đế không là Thượng-Đế nữa, mà chỉ là một sinh-vật tầm-thường như chúng ta. Giả sử một triết-gia khởi-xướng một nền triết-học mà đưa con lên năm của triết-gia đó có thể hiểu được thì triết-gia đó không phải là một triết-gia thực-sự. Thượng-Đế phải vượt cao hơn con người rất xa qua hành-động và sự hiện-hữu của Ngài.

Không-khí mà chúng ta thở gồm có hai chất thán-khí và dưỡng-khí, là hai chất cần-thiết cho phổi của chúng ta. Khoảng cách giữa địa-cầu với mặt trời và với mặt trăng vừa đủ để giữ sự sống, sức-khỏe và hạnh-phúc. Sự thay đổi giữa mưa và tuyết làm cho đất được phì-nhiều. Thủy-triều lên xuống giúp cho bờ biển sạch-sẽ. Các chất sinh-tổ cần-thiết cho cơ-thể của con người có thể tìm được ở tất cả mọi nơi. Các định-luật và sức-mạnh thiên-nhiên sẵn-sàng để con người sử-dụng. Thượng-Đế đã trang-triểm địa-cầu, nào là núi non hùng-vĩ, nào là thung-lũng phì-nhiều, nào là cây cối cao chọc trời, nào là thảm cỏ xanh tươi, nào là ánh trăng thơ-mộng, nào là thanh-vắng của sa-mạc, rồi có tiếng chim thánh-thót, tất cả cho biết Thượng-Đế đã tạo-dựng địa-cầu để đem lại hạnh-phúc

cho con người chúng ta.

Như một chàng trai yêu một thiếu-nữ, tặng nàng một ngôi nhà xinh-xắn, xung-quanh có mảnh vườn thơ-mộng. Chàng nói với nàng, anh mua nhà này cho em đó, chắc thiếu-nữ không nghi-ngờ tình yêu của chàng trai. Thượng-Đế yêu chúng ta cũng tương-tự như vậy. Ngài sửa-soạn thực-phẩm cho chúng ta, nguyên-liệu và nhiên-liệu trong đất để ta xử-dụng. Tất cả mọi vật hiện-hữu đều là bằng-chứng nói lên sự chăm-lo săn-sóc của Thượng-Đế đối với chúng ta và minh-chứng sự hiện-hữu của Ngài.

Chúng ta hãy thử quan-sát một tổ ong. Đó là một thành-phố có 10.000 phòng nhỏ cho ong và 15.000 phòng cho sâu, chứa đầy mật ong và có một chỗ riêng cho ong nữ-chúa. Nếu trời nóng làm sáp tan và mật ong có thể chảy ra, ong liền tụ-tập lại thành từng nhóm, từng tổ trong các khu, cất-đặt ong canh gác ở các lối ra vào, rồi bám chân dính chặt vào tổ và dùng cánh đập làm thành hệ-thống quạt để quạt cho mật ong mát - một loại máy điều-hòa không-khí. Nếu không nhờ một trí-óc ở trên cao kia điều-khiển - Thượng-Đế - thì làm sao trí-óc tí-hon này lại có thể thực-hiện những việc lạ-lùng như vậy ?

Một số các nhà khoa-học đã làm một thí-nghiệm sau đây: người ta nhốt một con đom-đóm cái vào trong một phòng kín, con đực thả cho bay cách đó sáu cây-số. Mặc dầu không-khí thành-phố dơ-bẩn và mặc dầu con đom-đóm cái bị nhốt trong phòng kín, con đom-đóm đực cũng tìm ra được chỗ con cái bị nhốt trong vòng vài tiếng đồng-hồ. Ai có thể giải-thích sự-kiện này nếu không tin rằng có một bậc thông-minh vĩ-đại - Thượng-Đế - đã sáng-tạo ra mọi loài vật ?

Các con cá ở trong các vịnh (fjords) xứ Na-uy đẻ trứng tại đó, trứng nở thành cá con. Những con cá con này bơi xuyên Đại-tây-dương qua Mỹ-châu. Đến mùa đẻ trứng, chúng lại trở về nơi các vịnh cũ. Con người cần trung-

bình 20 năm để trở thành thuyền-trưởng lái tàu xuyên Đại-tây-dương. Ai đã dạy cho những con cá này đường đi nước bước trong lòng biển sâu ?

Trong trại giam chúng tôi tại Ru-ma-ni có nhiều tổ én. Cứ đến mùa thu én bỏ tổ đi xa, bay qua các nước Phi-châu như Mozambique (Mô-zam-bích). Nhưng nửa năm sau, những con én này lại từ Phi-châu trở về tổ cũ của chúng trong trại giam số 12 của chúng tôi tại Ru-ma-ni.

Nếu ai mở mắt ra quan-sát, người đó sẽ thấy được những mặc-khải về sự khôn-ngoa và về uy-quyền của Thượng-Đế qua hàng triệu cách khác nhau.

Có Thượng-Đế không ? Câu hỏi này đáng lẽ không nên đặt ra.

Thượng-Đế là “cái lý-tưởng”, là tổng-hợp của tất cả những đức-tính cao-quí nhất như tình yêu, nhân-hậu, công-bằng, uy-quyền và các đức-tính khác tương-tự. Một Thượng-Đế-Không-Hiện-Hữu không thể có được những đức-tính này. Câu hỏi có Thượng-Đế hay không, là câu hỏi: Hiện-hữu có hiện-hữu hay không ?

Có Thượng-Đế. Tôi sống với niềm tin này và hy-vọng sẽ chết với lời quả-quyết này. Tôi dùng câu “Có Thượng-Đế” này vì muốn chia-xẻ đức-tin của tôi với các bạn vô-thần. Vì thực ra, câu nói “Có Thượng-Đế dư-thừa”. Cũng như câu nói: “Con trai độc-thân thuộc nam giới”. Trong chữ “con trai độc-thân” đã hàm ý “nam giới” rồi. Nếu tôi nói “Thượng-Đế” thì tôi đã nói lên sự hiện-hữu của Ngài rồi.

Tạo sao con người cầu-nguyện ? Cầu-nguyện từ đâu mà có ? Không từ đâu hết. Con người đã từng triết-lý về Thượng-Đế và tìm về với Ngài.

Một bộ-lạc da đỏ ở Bắc-mỹ đã cầu-nguyện như sau:

“ Ôi Mẹ đất, ôi Cha trời của chúng con, chúng con là con cái của Cha

Mẹ. Chúng con gánh trên lưng các lễ-vật đến cho Cha Mẹ. Xin ban cho

chúng con ánh-sáng mặt trời, hoàng-hôn trắng-xóa làm chuỗi đeo cổ,

và cuối-cùng là một buổi tối êm-đềm.

Xin cho chúng con mưa rào. Xin cho chúng con ánh nắng.

Chúng con muốn đi đến chỗ chim trời ca-hát. Chúng con muốn xuyên qua

cỏ xanh, ôi Mẹ đất, ôi Cha trời của chúng con. “

Nhiều người lính Sô-viết, dù được giáo-dục trong các học-đường vô-thần, cũng đã cầu-nguyện ngoài chiến-trường. Vì họ không biết cầu-nguyện như thế nào nên chỉ nói: “Lạy Đức Chúa Trời và Lạy Đức Thánh Linh, xin giúp con !” Nhiều cựu đảng-viên của đảng Cộng-sản bị khai-trừ trong cuộc thanh-trừng thời Stalin và bị giam chung với chúng tôi đã kể lại rằng chính họ cũng cầu-nguyện khi lâm vào những cảnh khó-khăn.

Tôi có quen với một giáo-sư vô-thần. Giáo-sư này sinh sống bằng cách diễn-thuyết về các đề-tài vô-thần, nhưng cũng cầu-nguyện xin Thượng-Đế giúp-đỡ mình.

Con người phải cầu-nguyện.

Dẫu có ý-thức hay trong vô-thức, con người luôn luôn tìm-kiếm sự tương-giao với Thượng-Đế là Đấng hiện-hữu, là Đấng con người có thể tìm thấy. Và nếu các bạn kiên-nhẫn, các bạn sẽ gặp Ngài.

## TIÊN-TRI.

Đối với các học-giả vô-thần, “tiên-tri” là một chuyện không-tưởng. “Nhân danh khoa-học” họ phủ-nhận điều này. Vậy thì tại sao Isaac Newton, một khoa-học-gia nổi-danh, “cha đẻ của lý-trí”, người đầu tiên viết tiểu-sử của Chúa Giê-xu theo phương-pháp khoa-học, đã đặt tên cho tác-phẩm của mình là: “Nghiên-ngắm các lời tiên-tri” ?

Nhưng trước hết, chúng ta nghiên-cứu sự-kiện nói tiên-tri thay vì đưa ra những dẫn-chứng về sự-kiện này. Những điểm nào cho chúng ta thấy các lời tiên-tri được ứng-nghiệm ?

Chỉ cần một kiến-thức nhỏ về Kinh-Thánh ta cũng có thể khám-phá ra được hàng trăm lời tiên-tri đã và đang được ứng-nghiệm trước mắt chúng ta.

Trước hết là những lời tiên-tri về Chúa Cứu-thế Giê-xu. Đây là một đề-tài quan-trọng trong Kinh-Thánh.

Kinh-Thánh báo trước rằng Chúa Cứu-thế thuộc dòng Áp-ra-ham và họ Giu-đa.

Tiên-tri Mi-chê sống bảy trăm năm trước Chúa đã tiên-tri rằng Chúa Cứu-thế sẽ ra đời ở Bết-lê-hem. Cũng khoảng đồng-thời với Mi-chê, tiên-tri Ê-sai đã nói trước về chức-vụ, sự đau-khổ và cuộc đời của Chúa. Xa-cha-ri nói tiên-tri rằng Chúa Giê-xu sẽ khiêm-nhường cưỡi lừa đi vào thành-phố Giê-ru-sa-lem. Thi Thiên 41 nói về sự phản-bội của một trong các môn-đệ. Xa-cha-ri nói trước về món tiền mà môn-đệ phản-bội nhận được là bao nhiêu và cách xử-dụng món tiền này. Ngay cả cảnh Chúa Giê-xu bị đánh-dập, tra-tấn cũng được nói trước. Khoảng năm thế-kỷ trước Chúa, tiên-tri Xa-cha-ri đã viết rằng những người đăm Chúa sẽ nhìn-nhận Chúa. Đa-vít cũng ngụ ý

rằng tay và chân Chúa sẽ bị đóng đinh. Sự sống lại của Chúa cũng được báo trước.

Giả sử một vài lời tiên-tri không có giá-trị vì sự ứng-nghiem của những lời đó có thể là do Chúa Giê-xu và các môn-đệ sắp-xếp, như lời tiên-tri Chúa cuoir lừa vào thành-phố Giê-ru-sa-lem, hay lời tiên-tri về tiếng kêu “Ta khát” của Chúa trên cây thập-tự. Nhưng những người lính nào màng đến sự ứng-nghiem lời tiên-tri về họ trong Thi Thiên 22 câu 18: “Chúng nó chia nhau áo-xống ta, bắt thăm lấy áo dài ta.” Chắc-chắn những người lính La-mã không biết gì về các lời tiên-tri của người Do-thái. Nhưng các sách Phúc-âm đều kể lại rằng lính La-mã đã bắt thăm lấy áo của Chúa. Sách Phúc-âm Giăng kể thêm rằng áo dài của Chúa rất quý, vì là một tấm vải dệt nguyên không có đường may nên lính La-mã tiếc không chia ra từng phần.

Còn về sự-kiện Chúa Giê-xu phục-sinh thì như thế nào ? Sự-kiện này có được sắp-xếp không ?

Nếu Chúa là một tay lừa-gạt tài-tinh, sao Chúa có thể chết giả trên cây thập-tự trước mắt dò-xét của người Do-thái và lính La-mã ? Làm sao Chúa có thể tránh để người ta không đánh gãy xương mình như hai tên cướp (thêm một lời tiên-tri được ứng-nghiem !), và làm sao Chúa không bị chết luôn trong ngôi mộ đã bị niêm và bị canh-giữ cẩn-thận ?

Và giả sử như Chúa chết giả, nằm trong ngôi mộ đó, làm sao Chúa có thể tin-tưởng vào đám môn-đệ nhút-nhát, sợ-hãi, đã bỏ rơi Chúa, sẽ trở lại, vượt qua hàng rào canh-giữ của lính La-mã, lăn hòn đá trước cửa mộ ra để cứu Chúa ?

Mommsen, một sử-gia danh-tiếng về đế-quốc La-mã, đã nói rằng, sự phục-sinh của CHÚA Cứu-thế là một sự-kiện lịch-sử được minh-chứng rõ-ràng nhất trong lịch-sử La-



**mã. Sự-kiện này không thể do con người sắp-xếp, nhưng là bằng-chứng cho thấy lời tiên-tri được ứng-nghiem.**

## LỜI TIÊN-TRI VỀ DÂN-TỘC DO-THÁI.

Nhiều người tin rằng không có tiên-tri. Đối với những người này, tiên-tri chỉ là những người thông-minh có thể đoán trước những việc sẽ xảy ra.

Theo ý của những người này, những thiên-tài của nhân-loại là Marx, Engels, Lenin. Các bậc này theo chủ-nghĩa duy-vật nên có thể hiểu được những dữ-kiện chính-trị và xã-hội.

Marx có viết một tác-phẩm có tựa đề là: “Những vấn-đề Do-thái”. Hiển-nhiên Marx là một thiên-tài, là một lý-thuyết-gia của chủ-nghĩa duy-vật. Nhưng tại sao Marx sống vào hậu bán thế-kỷ 19 mà không biết rằng người Do-thái sẽ trở về quê-hương và thành-lập tổ-quốc ? Lenin sống trong thế-kỷ 20. Lúc bấy giờ phong-trào Si-ôn đã được thành-lập và gây được một ảnh-hưởng lớn. Nhưng Lenin, một thiên-tài của nhân-loại, không tin rằng người Do-thái sẽ lập-quốc, và Lenin, một người quan-sát các biến-cố chính-trị rất bén-nhạy, không hề nhắc đến phong-trào Si-ôn. Stalin viết trước thế-chiến thứ nhất quyển “Những vấn-đề quốc-gia”. Trong tác-phẩm này, Stalin không công-nhận quốc-gia Do-thái vì theo định-nghĩa của ông, dân Do-thái không thể là một dân-tộc được. Trong khi đó thì những người vô-thần ca-tụng Stalin là thiên-tài vĩ-đại có một không hai trong lịch-sử nhân-loại.

Nhưng dân-tộc Do-thái không nản lòng trước chủ-trương bài Do-thái trong các tác-phẩm của Marx và của Stalin. Họ đã lập-quốc và đã làm ứng-nghiệm lời tiên-tri trong một tác-phẩm khác mà người vô-thần khinh-thường nhất: Kinh-Thánh.

Frederick Đại-đế, vua nước Phổ, có lần hỏi một vị giáo-phẩm: “Xin Ngài cho tôi một bằng-chứng rõ-ràng rằng Kinh-Thánh được Đức Thánh Linh hướng-dẫn !” Vị giáo-phẩm trả lời: “Tâu Vua, người Do-thái là một bằng-chứng.” Người Do-thái và lịch-sử lạ-lùng của họ là một bằng-chứng cho thấy những lời tiên-tri trong Kinh-Thánh là sự thật.

Những lời tiên-tri về dân-tộc Do-thái khởi-đầu bằng một lời hứa của Thượng-Đế dành cho Áp-ra-ham. Áp-ra-ham là người Do-thái đầu tiên, sống trước đây khoảng 4.500 năm. Thượng-Đế hứa với Áp-ra-ham như sau: “Ta sẽ làm cho con nên một dân lớn.” (Sáng-thế-ký chương 12 câu 2).

Người cộng-sản ngày nay mang ơn một người Do-thái: Marx. Cả vũ-trụ này đều mang tên một người Do-thái: Einstein. Sáu mươi phần trăm giải-thưởng Nobel được trao cho những người có gốc Do-thái. Những nhân-vật lừng-danh như Trotsky, Zinoviev, đều là người Do-thái. Lenin là một người lai Do-thái. Người Do-thái ngày nay đang đóng một vai-trò quan-trọng tại Nga. Litvinov, văn-sĩ Daniel, Krasnov-Levitin và nhiều nhân-vật khác đang bị tù đều là người Do-thái. Người Do-thái có ảnh-hưởng lớn trên trường chính-trị và kinh-tế tại Mỹ cũng như tại nhiều nước khác. Tại các nước Âu-Mỹ, người Do-thái giữ vai-trò quan-trọng trong chính-quyền. Teller, được gọi là “cha đẻ của bom nguyên-tử”, cũng là một người Do-thái.

Tiến-sĩ Sale Harrison (Xê-lơ Ha-ri-son) viết trong quyển “Người Do-thái kỳ-lạ” như sau: “Ai ai cũng biết rằng người Do-thái đang quản-lý kho tiền của thế-giới. Cứ hề đi đến đâu người Do-thái cũng đều là những tay ảo-thuật trên phương-diện tài-chánh.”

Basil Mowll (Ba-zin Mâu-lơ) viết: “Người ta ước-đoán rằng, trước thế- chiến thứ nhất có khoảng bảy mươi phần trăm giáo-sư đại-học ở Âu-châu, không kể Anh-quốc, có

gốc Do-thái và có đức-tin Do-thái-giáo.

Lần đầu tiên trong lịch-sử, Hội-thánh Công-giáo La-mã đã phong-chức cho một phụ-nữ. Đó là một nữ tín-hữu gốc Do-thái tên là Simone Weil (Si-môn-nơ Wây-lơ). Hiện nay bà là một trong những nhà thần-đạo nổi-tiếng của Hội-thánh Công-giáo.

Khác với các cổ-ngữ khác như tiếng La-tinh, cổ Hy-lạp, Slavonic, Irish, Welsh, tiếng Hi-bá-lai là cổ-ngữ duy nhất còn được sử-dụng.

Lời tiên-tri “Ta sẽ làm cho con nên một dân lớn” đã được ứng-nghiệm. Không có một bộ-lạc du-mục nào đã trở thành một dân-tộc nổi-tiếng như dân Do-thái. Ngay cả Iaroslavski (I-a-rô-sơ-la-vơ-ski) sáng-lập-viên Hiệp-hội Những Người Vô-thần Quốc-tế và là một trong những người lãnh-đạo phong-trào này cũng là một người Do-thái.

Lời Chúa phán tiếp trong Sáng-thế-ký chương 12 câu 2 như sau: “Ta sẽ ban phước cho người nào chúc phước cho con, rửa-sả kẻ nào rửa-sả con.” Lịch-sử cho thấy ai đứng về phía người Do-thái thì được gặp may-mắn. Đế-quốc Tây-ban- nha bị sụp-đổ vì đã trục-xuất người Do-thái. Nga-hoàng ngược-đãi người Do- thái nên phải chịu số-phận hẩm-hiu. Đức-quốc-xã cũng thế. Còn quốc-gia nào ưu-đãi người Do-thái thì được tự-do.

Sau đời Áp-ra-ham có những lời tiên-tri nói người Do-thái sẽ bị lưu-đày khắp nơi. Ngày nay có ba dân-tộc bị lưu-lạc: người Bô-hê-miễn, người A-c-mê-ni, và người Do-thái. Nhưng người Do-thái bị lưu-lạc nhiều nhất. Không có quốc- gia nào trên thế-giới không có người Do-thái.

Chính Chúa Giê-xu cũng nói tiên-tri về sự thất-thủ của thành-phố Giê-ru- sa-lem. Tiên-tri Ô-sê (sách Ô-sê chương 9 câu 17) cũng nói tiên-tri: “Đức Chúa Trời ta sẽ bỏ chúng nó, vì chúng nó không nghe Ngài; và chúng nó sẽ đi đông-dài trong các nước.” Lời tiên-tri này cũng đã

được ứng-nghiệm. Năm 70 SC., thành-phố Giê-ru-sa-lem bị thất-thủ.

Trong sách Phục-truyền-luật-lệ-ký chương 28 câu 37, Kinh-Thánh viết: “Trong các dân-tộc mà Thượng-Đế sẽ dẫn ngươi đến, ngươi sẽ thành một sự sợ-hãi, tục-ngữ và tiếu-đàm.” Đúng thực như vậy. Ngày nay nhiều người dùng câu nói “Đồ Do-thái bẩn !” để chỉ người Do-thái.

Kinh-Thánh cũng báo trước sự tái-lập quốc-gia Do-thái. Lời tiên-tri này đã được ứng-nghiệm trước mặt chúng ta. Một dân-tộc bị lưu-lạc trong năm châu bốn bể đã tìm về mảnh đất hứa của mình.

Kinh-Thánh nhiều lần nhấn-mạnh dân-tộc Do-thái được Thượng-Đế lựa-chọn làm một dân-tộc đặc-biệt.

Các dân-tộc khác đều bắt nguồn từ những truyện cổ-tích và thần-thoại. Có người nào biết ai là người Nga, người Đức hay người Thổ đầu tiên không ? Nhưng nếu ta hỏi mỗi một người Do-thái, ai là người Do-thái đầu tiên, họ sẽ không ngần-ngại trả lời: Áp-ra-ham.

Người Do-thái là nhân-chứng cho giá-trị của Kinh-Thánh. Dân-tộc Do-thái là một dân-tộc đặc-biệt chẳng những vì bị lưu-lạc khắp nơi trên thế-giới, mà còn vì sự phát-triển của họ. Người Do-thái chỉ chiếm 0,5 % dân-số thế-giới, đã chịu biết bao nhục-nhã đau-thương, nhưng cũng đã tự giải-phóng và trở về cố-hương. Dân-tộc này đặc-biệt vì toàn lịch-sử của họ đã được các vị tiên-tri báo trước. Thượng-Đế đã phán qua Môi-se: “Ta sẽ tản-lạc các ngươi trong các dân và rút gươm ra đuổi theo sau các ngươi; xứ các ngươi sẽ hoang-vu, thành sẽ vắng-vẻ.” (Lê-vi-ký chương 26 câu 33) và: “Thượng-Đế sẽ tản-lạc các ngươi trong các nước, chỉ còn lại số nhỏ trong các nước mà Thượng-Đế sẽ dẫn các ngươi vào.” (Phục-truyền-luật-lệ-ký chương 4 câu 27).

Sau này một lời tiên-tri khác báo trước sự đoàn-tụ của dân Do-thái: “Ta sẽ thâu lấy các ngươi giữa các dân; ta sẽ

nhóm các người lại từ giữa các nước, và đem về trong đất riêng của các người.” (Ê-xê-chi-ên chương 36 câu 24).

Dân Do-thái cũng đặc-biệt ở điểm biết giữ gốc. Dầu bị tản-mác ở khắp thế-giới nhưng họ luôn luôn giữ gốc. Dầu đi đâu cũng vậy, người Do-thái vẫn là người Do-thái, không trở thành Do-thái gốc Nga, nhưng người Nga gốc Do-thái, dầu họ không có thể-lực và không có chính-quyền.

Người Do-thái là những người duy-nhất bị ngược-đãi mà không bị tiêu-diệt. Pha-ra-ôn của Ai-cập, các Hoàng-đế của đế-quốc A-si-ri, các Hoàng-đế La-mã, các phong-trào bài Do-thái và Đức-quốc-xã đã cất quyền công-dân của họ, bắt đầy, bắt giam, tịch-thu tài-sản, tra-tấn và đã tàn-sát hàng triệu người. Các dân-tộc khác chắc-chắn đã thối-chí, nhưng người Do-thái chịu-đựng.

Thượng-Đế hứa sẽ gom-góp người Y-sơ-ra-ên bị lưu-đày lại và người Do-thái bị tản-mác ra bốn phương trời trở về. Ê-sai, một vị tiên-tri sống 700 năm trước công-nguyên và 800 năm trước khi người Do-thái bị phân-tán sau biến-cố thành-phố Giê-ru-sa-lem bị thất-thủ vào năm 70 SC., đã báo trước như vậy.

Làm sao tiên-tri Ê-sai có thể biết trước người Do-thái sẽ bị phân-tán và sẽ được đoàn-tụ trở lại ?

Trong số những người Do-thái trở về lập-quốc rất ít người mộ-đạo. Phần đông không biết Kinh-Thánh, cũng không biết những lời tiên-tri. Còn những người hiểu-biết Kinh-Thánh lại không tin. Nhưng Chúa đã dẫn-dắt họ trở về. Chính uy-quyền của Thượng-Đế đã thúc-đẩy họ trở về và lời tiên-tri đã được ứng-gnhiệm.

Kinh-Thánh có một lời tiên-tri khác nói về cách người Do-thái trở về xứ Palestine: “Vậy nên, Thượng-Đế phán: Này, ngày đến, là khi người ta sẽ chẳng nói rằng: thật như Thượng-Đế hằng sống, là Đấng đã đem con cái Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ai-cập. Nhưng nói rằng: Thật như Thượng-

Để hằng sống, là Đấng đã đem con cái Y-sơ-ra-ên lên từ phương Bắc, và từ các nước mà họ bị đuổi đến. Ta lại sẽ dẫn-chúng nó về trong đất mà ta đã ban cho tổ-phụ chúng nó. Thượng-Đế phán: Này, ta sẽ sai tìm nhiều kẻ đánh cá, họ sẽ bắt chúng nó; sau lại, ta sẽ sai tìm nhiều thợ săn, họ sẽ săn chúng nó từ mọi núi, mọi gò, và các kẻ vắng đá.” (Giê-rê-mi chương 16 câu 14-16).

Thượng-Đế “sẽ sai tìm nhiều kẻ đánh cá” để “bắt” người Do-thái trở về. Phong-trào Si-ôn, một phong-trào lập-quốc Do-thái, đã “nhử” hàng ngàn “con cá” Do-thái bằng cái mồi lập một tổ-quốc riêng tại Palestine.

Thượng-Đế “sẽ sai tìm nhiều thợ săn” để “săn” người Do-thái. Phong-trào bài Do-thái trên toàn thế-giới, nhất là dưới thời Hitler, đã săn người Do-thái và đuổi họ trở về Palestine. Có một lời tiên-tri khác rất hay báo trước người Do-thái còn sót lại sẽ tin Chúa Cứu-thế trong thời cuối-cùng. Lời tiên-tri này cũng đang được ứng-nghiệm.

Einstein là một người rất hâm-mộ Chúa Cứu-thế. Franz Werfel (Phờ-răn-sờ Vẹc-phe-lờ), một nhà thơ Do-thái lòng-danh, đã viết một quyển sách về Cơ-đốc-giáo rất nổi-tiếng: “Bài ca của Bernadette”. Sholom Arsch (Sa-lôm Acs), một văn-sĩ Do-thái vĩ-đại, đã tin Cúa Cứu-thế và viết quyển “Chúa Giê-xu, người Na-xa-rét”. Martin Buber (Mác-tin Bu-bơ), một triết-gia nổi-danh người Do-thái, đã gọi Chúa Giê-xu là “Người anh lớn của tôi”. Henri Bergson (Hen-ri Bẹc-sơn) cũng đã xưng nhận đức-tin vào Chúa Cứu-thế của mình. Auguste Piccard (Ô-gút Pí-ca), một phi-hành-gia, cũng vậy.

## LỜI TIÊN-TRI VỀ NGÀY TẬN-THẾ.

Người vô-thần cho rằng, nhiều lời tiên-tri trong Kinh-Thánh mới được thêm vào, sau khi các sự-kiện đã xảy ra.

Quan-điểm này không hợp-lý. Những biến-cố như: các chiến-thắng của người Do-thái trong lịch-sử, cờ của phong-trào Si-ôn phát-phối trên nóc nhà của Hitler ở Nu-remberg, nước Do-thái được tái-lập và những biến-cố khác trong lịch-sử thế-kỷ hai mươi mới được thêm vào trong Kinh-Thánh ? Các nhà khảo-cổ đã khám-phá ra những di-tích, bản văn thuộc những thế-kỷ trước công-nguyên minh-chứng rằng những lời tiên-tri đã có từ lâu. Kinh-Thánh cũng ghi lời tiên-tri của Phi-e-rơ báo trước một cuộc chiến-tranh nguyên-tử. Phải chăng lời tiên-tri này mới được thêm vào trong Kinh-Thánh ?

Trước đây 3.000 năm, chưa hề có ai nghĩ đến đại-thế-chiến, vì chưa có các hệ-thống liên-lạc giữa các lục-địa. Nhưng tiên-ti Giê-rê-mi, sống khoảng 600 năm TC., đã báo trước về thế-chiến. Giê-rê-mi không biết sẽ có nước Mỹ, nước Úc, hay nước Nhật, nhưng đã viết: "Người khá bảo họ rằng: Thượng-Đế, Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, phán như vậy: Hãy uống đi, hãy say, mửa, ngã xuống, đừng dậy nữa, vì gươm dao mà ta sẽ sai đến giữa các ngươi ! Nếu họ không khứng lấy chén ở tay ngươi để uống, thì ngươi khá bảo rằng: Thượng-Đế phán như vậy: Chắc các ngươi phải uống ! Và này, ấy là thành kia là thành được xưng bằng danh ta, mà ta bắt đầu xuống tai-vạ; còn các ngươi, há khỏi hình-phạt được cả sau ? Không ! Các ngươi sẽ không khỏi hình-phạt đâu; vì ta sẽ sai gươm đao đến trên mỗi dân-cư trên đất, Thượng-Đế phán vậy.

Cho nên người khá lấy mọi lời này nói tiên-tri nghịch



cùng họ, và bảo rằng: Thượng-Đế quát-tháo từ nơi cao; phát tiếng từ chỗ ở thánh Ngài; quát-tháo to nghịch cùng chuồng chiên; trời tiếng kêu như những kẻ đập trái nho, nghịch cùng tất cả dân-cư trên đất. Tiếng om-sòm sẽ vang ra đến cùng đất; vì Thượng-Đế tranh-cạnh cùng các nước, phán-xét mọi xác-thịt, phó những kẻ dữ cho gươm dao, Thượng-Đế phán vậy.

Thượng-Đế phán như vậy: Này, tai-vạ sẽ từ một dân này qua một dân khác; một trận bão lớn dấy lên từ các nơi đầu cùng đất. Thấy của những kẻ mà Thượng-Đế đã giết trong ngày đó, sẽ dấy trên đất từ đầu này đến đầu kia; chẳng ai khóc, chẳng thâu-liệm, chẳng chôn, sẽ làm phân trên mặt đất !” (Giê-rê-mi chương 25 câu 27-33).

Lời tiên-tri này đã ứng-nghiệm sau 26 thế-kỷ. Hằng triệu người Mỹ, người Đức, người Do-thái... đã tử trận trong một đại-chiến xảy ra từ Nhật đến Nga đến Pháp.

Chúa Giê-xu dạy về những ngày tận-thế như sau: “Vì khi ấy sẽ có tai-họa khủng-khiếp chưa từng thấy trong lịch-sử, và trong tương-lai cũng chẳng bao giờ có nữa.” (Phúc-âm Ma-thi-ơ chương 24 câu 21). Thực đúng như vậy. Trong lịch-sử chưa khi nào có những biến-cố thương-tâm như phòng hơi-nạt, lò thiêu người, sát nhân tập-thể... như ngày nay.

Thời bấy giờ, lúc Chúa Cứu-thế nói “Nếu những ngày ấy không giảm-bớt, thì chẳng có một người nào được cứu.” (Phúc-âm Ma-thi-ơ chương 24 câu 22), con người chưa có những vũ-khí giết người hàng loạt. Hồi đó con người còn dùng tên và cung. Không ai có thể đe-dọa sự sinh-tồn của toàn thể nhân-loại. Nhưng ngày nay người ta đã có những vũ-khí khủng-khiếp đã.

Kinh-Thánh cũng báo trước rằng trong những ngày cuối-cùng sẽ có những người tự-xưng Chúa Cứu-thế hay tiên-tri “làm những dấu lớn phép lạ, nếu có thể được thì họ cũng đến dỗ-dành chính những người được chọn.” (Phúc-âm Ma-thi-ơ chương 24 câu 24).

Một vị tiên-tri khác dạy rằng sẽ có những người có tham-vọng thống-trị toàn thế-giới theo kiểu Cộng-sản. Những người này thực-hiện tham-vọng của mình trên địa-ngục và chết-chóc và sẽ không bao giờ thỏa-mãn cho đến khi chinh-phục được tất cả các quốc-gia và các dân-tộc trên thế-giới.

Đối với những tín-hữu của Chúa Cứu-thế, những tham-vọng tương-tự vô-nghĩa và vô-giá-trị. Tham-vọng không đem lại hạnh-phúc cho con người.

Có một câu chuyện kể như sau: Một người nhà giàu kia đau nặng. Người ta mách cho ông, nếu ông tìm được áo của một người hạnh-phúc đem về mặc vào thì sẽ được lành. Ông nhà giàu liền sai người nhà đi tìm áo của một người hạnh-phúc để mua với bất-cứ giá nào. Nhưng công dã-tràng. Người nhà không tìm được một người hạnh-phúc nào hết. Người nào cũng ganh-tị hạnh-phúc của người khác, tham muốn của cải của người khác, hay bị những dục-vọng xa vời ám-ảnh. Sau cùng người ta tìm được một chú tiểu-phu ở ven rừng, vừa đốn củi vừa vui-vẻ hát vang. Người ta hỏi anh: “Anh có hạnh-phúc không?” Chú tiểu-phu trả lời: “Hoàn toàn hạnh-phúc.” Người ta liền xin anh bán cái áo của anh, giá bao nhiêu cũng được. Nhưng chú tiểu-phu trả lời, chú nghèo quá, không có cái áo nào hết.

Dù có thống-trị được toàn thể thế-giới cũng không có hạnh-phúc. Hạnh-phúc chỉ tìm được nơi Thượng-Đế. Những thành-công trên cuộc đời chỉ tạm-bợ và sẽ qua đi. Những người vô-thần đang dọn đường cho Chúa Cứu-thế đến để quản-trị hoàn cầu. Chủ-nghĩa cộng-sản sẽ còn thắng-lợi trong một khoảng thời-gian nữa, nghĩa là một khoảng thời-gian trong dòng lịch-sử. Nhưng rồi Chúc Cứu-thế Giê-xu sẽ trở lại. Chúa sẽ đặt chân Ngài trên núi Ô-liu. Kinh-Thánh chép: “Ngài đến giữa đám mây, mọi mắt sẽ trông thấy.” (Khải-thị chương 1 câu 7). Lúc thánh Giăng viết sách Khải-thị, chắc chẳng ai hiểu câu này cả.

Làm sao những người ở Tây-ban-nha hay Bắc-phi có thể thấy Chúa ngự xuống trên núi Ô-liu ở xứ Palestine ? Nhưng ngày nay máy truyền-hình đã làm rõ nghĩa của câu Kinh-Thánh này. Toàn thế-giới có thể theo dõi Thế-vận-hội. Toàn thế-giới cũng sẽ thấy Chúa Cứu-thế Giê-xu trở lại.

Rồi mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất sẽ đều nhơn danh Chúa Giê-xu quì xuống, và mọi lưỡi sẽ đều xưng nhận Chúa Giê-xu là Cứu-Chúa và tôn-vinh Thượng-Đế là Cha.

Ngày hạnh-phúc đó sẽ đến. Trong ngày đó, tất cả quyền-hành của thế-giới sẽ nằm trong tay Chúa Cứu-thế.

Nhưng trước đó chúng ta sẽ chịu nhiều đại-nạn. Dấu-hiệu của những đại-nạn này là những cuộc hội-nghị và thảo-luận về tài-giảm binh-bị. Sự-kiện này cũng đã được Kinh-Thánh báo trước: “Khi người ta nói: Hòa-bình và an-ninh !, thì sự hủy-diệt xảy đến bất-ngờ như sản-phụ bị quặn-đau trước giờ sinh-nở; họ không thể nào tránh thoát.” (I Tê-sa-lô-na-ca chương 5 câu 3).

Vào thời thánh Phao-lô, người ta chưa có vũ-khí tối-tân có thể tiêu-diệt toàn địa-cầu. Nhưng ngày nay thế-giới đã có vũ-khí nguyên-tử.

Đối với thời-đại của chúng ta, lời tiên-tri rất quan-trọng. Chúa Giê-xu dạy rằng, Giê-ru-sa-lem sẽ bị người ngoại-quốc chiếm-đống cho “đến khi thì-giờ của người ngoại-quốc được trọn”. Năm 1967, người Do-thái đã làm chủ thành-phố Giê-ru-sa-lem và xứ Palestine. Đây có thể là một dấu-hiệu chỉ “thì-giờ của người ngoại-quốc” đã gần hết, nghĩa là khoảng thời-gian những người không phải là Do-thái có thể trở về với Hội-Thánh của Chúa Giê-xu để nhờ đó mà được cứu-rỗi không còn bao lâu nữa. Điểm quan-trọng nhất là con người phải tiếp-nhận Chúa Cứu-thế và đến với Ngài trong khi còn cơ-hội thuận-tiện. Chương-trình của ma-qui là quyến-dụ con người nghi-ngờ

giá-trị và lịch-sử tính của các lời tiên-tri.

Tín-hữu của Chúa Cứu-thế Giê-xu không nghi-ngờ các lời tiên-tri vì nhiều lời tiên-tri đã ứng-nghiệm thực-sự trong cuộc đời của họ. Nếu chúng ta trở thành tín-hữu thì điều đó cũng đã được báo trước từ lâu. Kinh-Thánh dạy cho chúng ta biết Thượng-Đế đã lựa chọn chúng ta trước khi tạo-dựng nên thế-giới để chúng ta được nghe đến tình yêu của Chúa Giê-xu.

Tương-lai của chúng ta cũng đã được tiên-tri: “Mãi mãi về sau, Ngài có thể dùng trường-hợp chúng ta làm kiểu-mẫu để thi-ân cách đời-dào vô-hạn cho người tin-nhận Chúa Cứu-thế Giê-xu.” (Ê-phê-sô chương 2 câu 7). Nhờ vậy chúng ta biết ý-nghĩa của cuộc đời chúng ta và biết rằng sự ân-hậu của Thượng-Đế đang dành sẵn cho chúng ta.

## AI DỰNG NÊN THƯỢNG ĐẾ ?

Có Thượng Đế. Chúng ta có thể tương giao với Ngài. Ngài đã mặc khải qua các vị Tiên Tri và qua Con của Ngài là Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Thiên nhiên tựa như một bàn tiệc thịnh soạn, có chuối, dưa hấu, cà chua và ngũ cốc. Nhưng nếu không có người nấu sẽ không có bàn tiệc, cũng không có thể giới nếu không có Đấng Tạo Hóa. Đó là minh chứng hùng hồn nhất về sự hiện hữu của Thượng Đế.

Nhưng nếu tất cả “quả” đều phải có “nhân”, và nếu ta gọi “nhân” đó là Thượng Đế, thì Thượng Đế cũng phải có “nhân”. Ai đã dựng nên Thượng Đế? Chúng tôi nhận thấy câu hỏi này có lý. Khi còn thơ ấu chính chúng tôi cũng đã từng đặt ra câu hỏi này.

Mỗi vật chất đều ở trong trạng thái chuyển động. Vật chất bây giờ không còn ở trong cùng một trạng thái như trước đây một giây đồng hồ. Phải có một nguyên nhân làm động cơ cho sự thay đổi này. Sự chuyển động của vật chất được đo bằng thời gian. Theo dòng thời gian, các thời đại của vật chất đã đem lại những tác dụng này trở thành nguyên nhân cho những sự thay đổi mới. Không thể có vật chất nếu vật chất không có nguyên nhân đầu tiên.

Nhưng sự hiện hữu trong thời gian không phải là hình thức duy nhất của sự hiện hữu. Ngoài thời gian còn có vô-thời-gian. Ở đó không có “trước đây” và “sau này”, không có nguyên nhân và tác dụng. Đó là phạm vi của Thượng Đế. Thượng Đế đã tạo dựng nên tất cả. Ngài thuộc bình

diện tự hữu. Không ai dựng nên Ngài cả. Thượng Đế tự có, tự hiện hữu.

Gà hay trứng có trước? Đây là một câu hỏi đã cũ. -Trứng có trước! Ai đã đẻ ra trứng? -Gà có trước? Gà ở đâu mà có? Người ta có thể thảo luận về đề tài này cả ngàn năm mà không thể đi đến kết luận nếu ta không nhận ra ba giả thiết của câu hỏi:

1. Có một con gà.
2. Có một cái trứng.
3. Có cái trước, cái sau.

Cái trước-cái sau là cách phân chia thứ tự thời khắc của chất chuyển động theo như sự suy nghĩ của chúng ta. Nhưng đối với những yếu tố nằm bên ngoài sự chuyển động thì thời gian không có giá trị đo lường nữa. Thời gian không hiện hữu khách quan, độc lập với cơ thể và các yếu tố vật chất. Đó là căn bản của thuyết tương đối của Einstein. Lực chuyển động sinh ra chuyển động và cho ta ý niệm thời gian. Nhưng giả sử thế giới chỉ có nguyên lực, thế giới đó sẽ không có chuyển động, cũng không có sự đo thời gian. Phạm vi của Thần Linh, Thượng Đế, cũng không có thời gian. Chúng ta gọi phạm vi đó là đời đời, miên viễn. Cõi đời đời miên viễn không phải là cõi thời gian không ngưng, nhưng là không có thời gian.

Chúng tôi xin dùng một thí dụ để giải thích điểm này. Giả sử trên một hành tinh cách trái đất 2000 năm ánh sáng có xã hội loài người tân tiến, có ống kính có thể quan sát trái đất và con người chúng ta. Giả sử những người trên hành tinh đó ngày nay quan sát thành phố Bết-lê-hem, họ sẽ thấy Chúa Cứu Thế ra đời, thấy các mục đồng, các thiên văn gia, Ma-ri và Giô-sép, vì ánh sáng phải chiếu phản

chiều từ những nhân vật này gần 2000 năm mới lên đến hành tinh đó. Đối với những người trên hành tinh đó, câu chuyện Giáng Sinh trên địa cầu thuộc về hiện tại.

Giả sử có những người trên một ngôi sao khác cách trái đất 3500 năm ánh sáng. Nếu nhìn xuống trái đất, họ sẽ thấy dân Do Thái đang trở về xứ Pa-lê-tin dưới sự hướng dẫn của Môi-se. Đối với những ngôi sao này, câu chuyện Do Thái từ nước Ai-cập hồi cư về đất Thánh thuộc về hiện tại, còn câu chuyện Chúa Cứu Thế Giáng Sinh thuộc về tương lai.

Cùng một sự kiện lịch sử, nhưng đối với địa cầu sự kiện đó thuộc về quá khứ, đối với một hành tinh khác thuộc về hiện tại, đối với một ngôi sao khác thuộc về tương lai. Đối với Thượng Đế là Đấng nhìn thấy tất cả những điều đang xảy ra trên ba hành tinh cũng vậy. Đối với Ngài không có quá khứ, hiện tại và tương lai. Vấn đề “Gà hay trứng có trước” như vậy đã được giải quyết. Không có “trước đây” và “sau này”. Vấn đề này không có vì nằm trong một bình diện không có nguyên nhân lẫn tác dụng. Vì thế câu hỏi ai đã có trước Thượng Đế và dựng nên Thượng Đế không thể đặt ra được nữa. Không có “Cái trước” Thượng Đế.

Điều mà chúng ta gọi là “hiện tại” không phải là hiện tại đối với vũ trụ bao la. Những ngôi sao mà chúng ta thấy được qua đài thiên văn có thể chỉ là ánh sáng của những ngôi sao đã biến mất từ hàng thế kỷ trước.

Có một câu chuyện kể về một vị tu sĩ được tu viện trưởng sai vô rừng để thi hành một công tác. Trong rừng vị tu sĩ này lắng nghe vài giây đồng hồ tiếng chim ca hát vang từ Thiên Đàng xuống. Khi trở về, người gác cổng không còn

nhận ra được vị tu sĩ này nữa. Tu viện trưởng và các tu sĩ khác đều là người lạ. Không ai nhận ra vị tu sĩ này cả! Cuối cùng một người nhớ đến một câu chuyện kể về một vị tu sĩ trước đây nhiều thế kỷ đi vô rừng mà không trở về. Vị tu sĩ này chỉ thưởng thức vẻ đẹp của âm nhạc Thiên Đàng trong vài giây đồng hồ, nhưng đối với người khác, vài giây đồng hồ dài bằng vài thế kỷ.

Ngày nay câu chuyện huyền thoại thời trung cổ này được nghiên cứu cẩn thận theo phương pháp Langevin. Theo phương pháp tính toán của Langevin, nếu một phi hành gia rời khỏi địa cầu với tốc độ mau hơn tốc độ ánh sáng 20 lần, hai năm sau, tính theo thời gian của phi hành gia đó, phi thuyền trở về địa cầu, nhưng tính theo niên lịch của chúng ta, phi hành gia đã rời 2 thế kỷ. Chết của phi hành gia được sinh ra vào ngày phi hành gia rời địa cầu, tức là lúc phi hành gia được 30 tuổi, lúc phi thuyền trở về, phi hành gia được 32 tuổi và người chết được 100 tuổi!

Một phi thuyền bay nhanh như vậy không phải là ảo tưởng. Đối với phi thuyền tâm linh, tốc độ của ánh sáng chỉ là chuyện trẻ con. Trong vòng vài giây đồng hồ, ý nghĩ của tôi có thể dạo chơi trên các thái dương hệ, tìm đến chỗ mẹ tôi đang sống, từ đó qua Thiên Đàng, từ Thiên Đàng về một phòng giam bên cạnh ở trong cùng một hành lang, và từ đó lại ra đi tìm các ngôi sao. Rồi ý nghĩ tìm đến A-đam và A-ben, nhưng tôi có thể để cho ý nghĩ của tôi trở về phòng giam ngay tức khắc, đúng vào giờ ăn. Tâm linh không bị thời gian và không gian giới hạn. Cái chết chỉ xảy ra trong thời gian. trong dòng thời gian, các biến cố tuần tự xảy ra. Tôi được sinh ra, trưởng thành, tôi sẽ chết và sẽ sống lại. Trong phạm vi không có thời gian, những biến cố không còn xảy ra tuần tự trước-sau nữa.



Nếu tôi đứng trên một chuyến xe lửa đang chạy với một tốc độ đều đều, tôi sẽ có cảm tưởng những thành phố, làng mạc đang lần lượt trước sau hiện ra trước mắt tôi, nhưng thực sự những thành phố, làng mạc đó đồng hiện ra bên cạnh nhau, đầu chúng hiện ra trước mắt tôi theo thứ tự thời gian.

Vì chúng ta sống trong thời gian nên các sự kiện xảy ra và biến mất. Vì thế chúng ta tin cái chết và sự hủy hoại. Nhưng có một bình diện không có thời gian. Đó là bình diện của Thượng Đế. Trong bình diện này, Thượng Đế là Đấng Sáng Tạo không do ai tạo dựng nên hết. Trong Thượng Đế chúng ta có sự sống từ đời đời đến muôn đời, hiện hữu và chuyển động. Ngày nào chúng ta còn sống trong thời gian, chúng ta còn sống với những sự kiện xảy ra tuần tự trước-sau. Nhưng chúng ta không thể dùng khái niệm thời gian của chúng ta để hiểu Thượng Đế.

## SỰ SỐNG SAU CÁI CHẾT

Sống là gì?

Nhà bác học Nga Oparin (Ô-pa-rin) nói: “Sự sống là một trong những hình thức chuyển động của vật chất.” Giả sử một thanh niên hỏi người cha theo chủ nghĩa vô thần: “Sống là gì? Con phải sống cuộc đời của con như thế nào cho có ý nghĩa?”, liệu người cha đó sẽ trả lời như thế nào? Vì đối với các bạn vô thần, sự sống chỉ là một hình thức chuyển động của vật chất. Người tín hữu của Chúa Cứu Thế sẽ trả lời sâu xa hơn: “Sự sống là Chúa Giê-xu Cứu Thế, là nhận Chúa làm bạn của mình và lấy Chúa làm gương mẫu cho cuộc đời mình. Sự sống là một hạnh phúc vĩnh viễn. Ta có thể sử dụng sự sống giới hạn trên trần gian để phục vụ người khác, và sau này sử dụng sự sống vô hạn trên Thiên Đàng để ca tụng Đấng Tạo Hóa và sự vinh quang của Ngài. Vì không biết SỐNG là gì nên người Mác-Xít cũng không biết Chết là gì! Chết đối với quý vị là sợ hãi và tuyệt vọng.

Khi con của Mác chết, Mác viết thư cho Lassalee (La-sa-li) như sau: “Cái chết của con tôi đã làm cho tôi đau khổ rất nhiều và tôi cảm thấy mất mát như thể chuyện mới xảy ra ngày hôm qua. Tội nghiệp nhà tôi cũng vì chuyện này mà kiệt quệ.”

Chúng tôi hiểu nỗi lòng của Mác. Mác đã không cảm nghiệm được kinh nghiệm chiến thắng cái chết như các tín hữu của Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Talantov, một tín hữu người Nga, vì cố đức tin mà chịu chết trong tù. Người con cả của ông cũng bị chết trong tù. Cuối cùng, người con thứ cũng chịu chết trong tù. Nhưng người tín hữu này đã không sợ cái chết.

Skripnikov ở Nga cũng bị bằng vì cố giữ vững niềm tin vào Đấng Cứu Thế. Nhưng cô con gái của ông không vì số phận của cha mình mà sợ hãi nản lòng, trái lại, cô đã can đảm nối gót cha. Tuy còn rất trẻ tuổi nhưng cô đã bị tù bốn lần vì cô xưng nhận đức tin của mình.

Đối với các bạn vô thần, cái chết ví tựa thanh gươm đang lơ lửng trên đầu không biết lúc nào rơi xuống kết liễu đời mình! Ai có niềm tin, người đó không có sợ chết.

Chúa Giê-xu dạy chúng ta: "Ai sống và tin Ta thì không hề chết." (Phúc Âm Giăng chương 11 câu 26). Chúa dạy điều này trong khi đang đứng bên cạnh ngôi mộ của một người theo Chúa. Sinh và tử chỉ là cách thức nhận thức những chặng đường của sự sống trong dòng thời gian. Vì thế người tín hữu không sợ chết.

Trong cuộc cách mạng ở Nga, có một nhóm tín hữu bị nhận nước. Một người trong đám đã kêu lớn: "Chúng tôi về với Thượng Đế, về bằng đường bộ hay đường thủy cũng vậy." Các tín hữu này đã không sợ cái chết.

Nhưng nếu sau cái chết không còn gì hết thì sự sống còn có ý nghĩa gì? Giả sử như chủ nghĩa Cộng Sản không phải là ảo tưởng mà có thể thực hiện được, chúng ta sẽ có một xã hội hoàn toàn, không phân biệt giàu nghèo, không có chiến tranh và cách mạng, chỉ có thịnh vượng, văn hóa và phải chết. Những người nghèo sẵn sàng chết hơn vì họ không có gì hết nên không sợ bị mất. Còn đối với những

người hạnh phúc, chết là đại nạn. Kirov, Tổng Bí thư Đảng Cộng Sản ở Leningrad, bị Stalin sát hại. Ông vốn là một người rất có quyền thế. Nhưng trước khi chết, ông đã trần trối: "Tôi muốn sống, sống, sống, sống!" Giả sử ông không bị Stalin ra lệnh ám sát, chắc chắn sau này ông cũng chết già và cũng sẽ trần trối: "Tôi muốn sống..."

Tất cả chúng ta đều phải chết. Nếu chết là hết thì cuộc đời chẳng khác chi ly rượu nồng dành cho tử tội trước khi bị hành hình. Người tử tội được cho ăn uống rồi bị treo cổ. Dù ta sống trong một xã hội giàu sang, lý tưởng đến đâu đi nữa, cái chết cũng sẽ hủy hoại tất cả và bị tất cả lãng quên.

Nhưng chết không phải là hết. Sau cái chết sự sống vẫn còn tiếp tục. Ý tưởng về sự sống vĩnh viễn và về thưởng phạt đã ăn sâu vào tâm khảm con người.

Tín hữu của Chúa Cứu Thế Giê-xu sẵn sàng hi sinh tính mạng của mình vì họ có một sự sống vĩnh viễn.

Toàn thể khoa học tân tiến đều xây dựng trên định luật bảo toàn năng lực của Lavoisier. Tất cả đều không bị mất mát, tất cả đều không được thêm vào. Tất cả đều được bảo tồn. (Định luật này rất chính xác đối với nguyên tử.)

Con người là một bộ năng lực trong nhiều hình thức khác nhau- năng lực trong vật chất, sức nóng, điện, và năng lực tinh thần. Sau cái chết, các hình thức năng lực này đi đâu? Năng lực được cấu tạo trong các nguyên tử sẽ không bị mất đi. Thân thể tan ra nhưng những nguyên tử của nó hợp lại thành những cấu tạo mới. Sức nóng của cơ thể cũng không thể bị mất. Trong khi lò sưởi từ từ lạnh dần thì không khí xung quanh thân nhận sức nóng tỏa ra từ

lò sưởi. Khi cơ thể của một người hấp hối bắt đầu lạnh thì nhiệt độ của không khí ở xung quanh tăng lên một phần nhỏ mà ta không thể đo được. Điện lực từ cơ thể xuất ra trở về với khối điện lực của thiên nhiên. Khi một người chết, năng lực tinh thần, ý chí, khả năng suy nghĩ và cảm giác đi đâu ? -Năng lực tinh thần tồn tại sau cái chết của cơ thể, theo như định luật của Lavoisier. Tinh thần của tôi trở về với Tinh Thần Miên Viễn, trở về với Thượng Đế.

Cuộc đời tắt đi như hơi bốc lên trong không khí, không ai nhận ra được, nhưng hơi trong không khí vẫn còn đó. Tâm hồn cũng vậy. Thánh Gia-cơ viết: "Anh em làm sao biết được những gì sẽ xảy ra ngày mai, cuộc sống anh em mong manh chẳng khác gì làn sương mai, chốc lát đã tan ngay." (Thư Gia-cơ chương 4 câu 14). Nhưng hơi không tàn vào hư vô. Hơi trở thành nước, không có gì bị mất. Cuộc đời trần thế qua đi, nhưng nó sẽ không đi vào hư vô. Sâu trở thành kén, kén trở thành bướm. Người chết biến khỏi tầm mắt của ta, nhưng không có nghĩa là người chết hết hiện hữu.

Giả sử ta có thể nói chuyện với bào thai còn trong bụng mẹ. Ta nói với nó rằng thời gian trong bụng mẹ chỉ là giai đoạn sửa soạn. Cuộc đời thực sự sẽ đến sau này mà bào thai chưa biết và không thể tưởng tượng ra được. Nghe vậy chắc bào thai sẽ nói: "thôi đừng nói chuyện mê tín dị đoan. Cuộc đời trong bụng mẹ là cuộc đời duy nhất mà tôi biết. Ngoài ra không còn có cuộc đời nào khác nữa. Một cuộc đời khác chỉ là một điều bịa đặt của những người cuồng tín."

Và nếu bào thai có khả năng suy nghĩ sâu xa hơn các khoa-học gia của chúng ta, chắc bào thai sẽ nói: "Tôi sẽ có mắt ở trên mặt ? Để làm chi ? Ở đây đâu có gì để nhìn! Tôi

sẽ có chân ? Nhưng tôi không có đủ chỗ để đuổi người ra, có chân để làm gì ? Và tại sao tôi phải có tay ? Có tay để vòng lại ? Tay làm phiền tôi và mẹ tôi . Sự tăng trưởng của tôi trong lòng mẹ vô nghĩa, nếu sau này không có một cuộc đời với ánh sáng, màu sắc và nhiều điều khác để tôi nhìn. Không gian mà cuộc đời khác của tôi sẽ sống phải vĩ đại và linh động lắm. Chắc tôi phải đi nhiều nên tôi mới có chân. Chắc tôi phải làm việc và chiến đấu nên tôi mới có tay.“

Hoàn cảnh của con người chúng ta cũng tương tự. Hội Thánh của Chúa Cứu Thế dạy chúng ta rằng cuộc đời trong trần gian này không khác gì bào thai đang sửa soạn cho một cuộc đời thực sự sẽ đến sau. Làm sau chúng ta biết điều đó ? Nếu Thượng Đế chỉ tạo dựng chúng ta để sống một cuộc đời này chắc chúng ta phải có sự khôn ngoan và kinh nghiệm trước hết, rồi sau đó sẽ có sức khỏe và tuổi trẻ. Nhờ vậy chúng ta mới biết phải sống như thế nào. Nhưng ngược lại, tuổi trẻ của chúng ta thiếu sự khôn ngoan và chúng ta bỏ lỡ nhiều năm. Khi chúng ta có đủ khôn ngoan và kinh nghiệm, lúc đó xe tang đã đậu trước cửa nhà! Lúc đó chúng ta có được sự khôn ngoan để làm gì? Cũng như mắt, chân và tay của bào thai, sự khôn ngoan dành cho cuộc đời sắp đến. Sự phát triển của con người trong cuộc đời này chứng minh cho một cuộc đời mai sau.

Cơ thể và tinh thần của chúng ta phát triển không những riêng rẽ nhưng còn trái ngược với nhau. Càng già cơ thể của chúng ta càng yếu, tâm thần của chúng ta càng già dặn. Tâm thần và cơ thể là hai khách bộ hành, mà một người lên núi một người leo xuống núi, mỗi người hướng về một ngã. Khi cơ thể nằm ở dưới chân núi, đi đến chỗ hủy hoại, lúc đó tâm thần ở đâu ? Chắc chắn lúc đó tâm thần sẽ lên cao đến Thiên Đàng.

Tôi đã từng bị tù cấm có nhiều năm, không có sách vở để đọc. Để giết thì giờ, tôi tưởng tượng nhiều chuyện như tôi lên làm chủ tịch Nhà nước Cộng hoà Sô-viết hay Vua nước Anh, Giáo Hoàng, một triệu phú hay một người ăn xin. Tôi có thể tưởng tượng tôi đang có những chức phận và hoàn cảnh như vậy vì những chức phận và hoàn cảnh đó có trong cuộc đời.

Cuộc đời lên voi xuống chó. Một viên hạ sĩ có thể lên làm Hoàng đế nước Pháp và một vị Hoàng đế cũng có thể xuống làm tên tù. Người nghèo có thể trở thành triệu phú và triệu phú có thể trở thành người nghèo. Stalin, con của một người nghiện rượu và thợ làm giày, một người xứ Georgia và cựu sinh viên chủng viện, đã trở thành một nhà độc tài của Nga và của toàn khối Cộng Sản. Sau khi chết không bao lâu, tên của Stalin bị xóa khỏi lịch sử. Tất cả những điều đó đều có trong cuộc đời và có thể tưởng tượng ra được. Tôi cũng đã có lần thử tưởng tượng tôi đang chết, nhưng không thể tưởng tượng ra điều đó được, vì cái chết không có trong cuộc đời.

Muốn tưởng tượng mình đã chết, ta phải tưởng tượng mình nằm dưới ra, bất động trong hòm. Nhưng nếu ta còn thấy ta nằm thì ta chưa chết. một người chết không còn thấy chính mình nữa. Ta không thể tưởng tượng cái chết được. Đây là một minh chứng quan trọng cho sự sống đời đời vĩnh viễn.

Nhờ mơ tưởng mà ta có thể thực hiện nhiều việc mau chóng. Những điều thường ngày đòi hỏi nơi ta nhiều thì giờ, nhưng trong tâm trí chỉ thoáng qua trong vài giây đồng hồ. Khoảng cách trong không gian cũng không có giá trị. Ta có thể vượt một quãng đường dài trong tíc tắc. Nhờ mơ tưởng mà ta không còn bị thời gian và không

gian giới hạn nữa. Nếu suy nghĩ về sinh hoạt của mơ tưởng, ta sẽ nhận thấy không gian và thời gian đã làm ta tù túng và che đậy một phẩm chất khác của cuộc sống. Phẩm chất này vượt ra ngoài phạm vi “thực sự” mà ta có hằng ngày.

Có thể của con người rất khiêm nhường, chỉ đòi hỏi một vài điều giản dị như: Thực phẩm, y phục, ngủ nghỉ, người thân yêu. Tại sao nhiều người tuy có đầy đủ những điều này nhưng vẫn không có hạnh phúc? Còn người bị tù tội vì có niềm tin nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu, chịu đói khát, lạnh lẽo, xiềng xích và phải xa cách thân nhân hàng bao nhiêu năm lại vui vẻ thỏa lòng? Cái gì dầy vò ta dù ta đầy đủ về phần vật chất, và cái gì làm ta vui vẻ dù thân ta đang bị dày dọ? - Linh Hồn.

Linh hồn lệ thuộc, nhưng cũng độc lập với thể xác. Linh hồn biểu lộ tính lệ thuộc và tính độc lập của mình trong cuộc sống dưới trần. Vì linh hồn độc lập với thể xác nên linh hồn có thể quyết định tự tử. Vì những lý do tâm lý, linh hồn có thể quyết định hủy hoại chính cơ thể riêng của mình. Vì thế cái chết của thể xác không có nghĩa là cái chết của linh hồn.

Trong Kinh Thánh sách II Các Vua (chương 25 câu 15 và 16) có một chữ rất lạ. “Quân thị về ấy đem đi những lư hương, chậu và các vật bằng vàng, bạc. Còn hai cây trụ, cái biển đồng, và các miếng táng mà Sa-lô-môn đã làm cho Đền Thờ của Thượng Đế, thì không thể cân được đồng của các vật ấy”. Ở đây có ghi các vật dụng khác nhau mà Vua Sa-lô-môn cho làm để dùng trong Đền Thờ. Một điểm lạ là: “Không thể cân được đồng của các vật ấy.”



Phải chăng đồng vô trọng lượng? Ngay cả một cái lông cũng có trọng lượng. Thực ra chúng ta chỉ nghĩ đến trọng lượng khi chúng ta nghĩ đến một vật nào đó, tức là một vật bằng đồng hay một cái lông nào đó có trọng lượng. Nhưng đồng nói chung thì không có trọng lượng.

Một số các triết gia đã có lý khi chủ trương phân biệt “bản thể” với “tính chất” của một đối tượng. Bản thể của bánh mì là một đối tượng được làm bằng bột và được dùng làm thức ăn. Bản thể không có trọng lượng. Bánh mì có nhiều tính chất khác nhau. Có loại bánh lúa mạch, bánh lúa mì, có bánh mì cũ, bánh mì mới, có ổ lớn, ổ nhỏ... Trọng lượng nặng nhẹ tùy theo loại. Trọng lượng, màu và độ lớn là những tính chất của một đối tượng. Bản thể không có những tính chất này.

Thực ra, đối tượng có trọng lượng là nhờ sức hút của địa cầu. Trong một phi thuyền, các đồ vật bay lơ lửng, không có trọng lượng vì không chịu ảnh hưởng của sức hút. Vua Sa-lô-môn đã vẽ kiểu một Đền Thờ thiêng liêng. Không một tên lính Ba-by-lôn nào có thể đem đi được những điều Vua đã xây trong sự suy nghĩ của mình để thờ phượng Thượng Đế.

Ngày 1 tháng 9 năm 1968, Nhà nước Sô-viét ra một luật bắt các em phải ở nội trú trong các Trường nội trú vô thần nếu cha mẹ của các em tin theo Chúa Cứu Thế Giê-xu. Các bậc phụ huynh tín hữu đã chấp nhận áp lực này. Ba mẹ của gia đình Sloboda và 7 em của gia đình Malozemlov bị bắt bỏ vào trường nội trú. Nhưng về phần tinh thần, ai có thể chia lìa cha mẹ với con em của họ được?

Các em có “bản thể” và “tính chất”. Tính chất của các em có thể thay đổi. Con của tôi lúc đầu chỉ là một bào thai,

rồi thành một em bé, sau trở thành một em gái biết chơi búp bê. Bây giờ em đi học. Tôi có thể ôm em vào lòng. Em có thể xa tôi. Em có thể là một đứa con ngoan ngoãn hay hỗn hào. Tính chất có thể thay đổi. Nhưng dù sao đi nữa em cũng là con của tôi. Bản thể này không thay đổi. Liên hệ Mẹ-Con thuộc về phạm vi bản thể. Chúng tôi không sợ cách đối xử của người Cộng sản đối với con em của chúng tôi vì vấn đề này nằm trong phần tính chất. Dù tính chất của con em thay đổi như thế nào đi nữa, liên hệ Mẹ-Con cũng sẽ không hề thay đổi.

Sự sống cũng vậy. Sự sống nào sẽ biến mất cùng với cái chết? Tôi sống một cuộc sống giàu có và nghèo nàn, một cuộc sống vui vẻ hay buồn bã, cuộc sống tự do và cuộc sống trong tù, cuộc sống mạnh khỏe và cuộc sống đau yếu. Nếu tôi giam tôi vào một trong những loại cuộc sống đó thì sự sống của tôi sẽ chấm dứt khi cuộc sống đó không còn nữa. Vì thế đối với nhiều người, sự sống không còn ý nghĩa nữa khi họ mất hết tài sản, của cải.

Ngược lại, người tín hữu của Chúa Cứu Thế Giê-xu đặt sự sống của mình vào một căn bản vững chắc. Chúa Giê-xu dạy: “Ta là Con đường, Chân lý và Sự sống.” Chữ “Là” trong nguyên ngữ Hi-bá-lai không có nghĩa như ta hiểu ngày nay. Chúa dạy: “Ta- Con đường, Chân lý, Sự sống.” Chúa tự hòa đồng mình vào trong những khái niệm trừu tượng này.

Trong thiên nhiên có cây sồi, cây thông, cây táo... “Cây” là một khái niệm chung được hình thành trong ý nghĩ. Giả sử ta phá hủy tất cả cây cối trên địa cầu, khái niệm “Cây” vẫn không biến mất. Trong thiên nhiên cũng có những con người thực sự, các vị Grigoriev, Ivanov và Gherasimov, người Nga, người Mỹ, người giàu, người nghèo, đàn ông, đàn bà. Có những cuộc sống thực sự, đã sống ích kỷ

hay sống hi sinh. Có cuộc sống hoạt động tích cực hay gương mẫu.

Chúa Giê-xu không tự gán mình vào một trong những cuộc sống này, nhưng hòa mình vào khái niệm trừu tượng “Sự Sống”, tức là Sự Sống bao gồm tất cả các cuộc sống. Chúa dạy chúng ta phải nói theo gương của Ngài và sống như vậy. Tôi không tự gán đời tôi vào Wurmbrand, là một người đã ra đời trước đây 68 năm và sẽ chết. Nhưng tôi là sự sống, sẽ luôn còn hiện hữu trong Thượng Đế. Qua A-đam và Ê-và, sự sống này chấp nhận hình hài con người. Sự sống này sẽ không bao giờ dứt. Sự sống của tôi, là con của Thượng Đế, sẽ không bao giờ bị hủy hoại.

Thân xác này không phải là “Tôi”. Trong một nghĩa nào đó, tôi có nhiều thân xác khác nhau: một bào thai, một em bé, một đứa trẻ, một thanh niên... Thánh Phi-ê-rô đã viết: “...tôi còn ở trong nhà tạm này bao lâu...vì tôi biết tôi phải vội lìa nhà tạm này...” (Thư II Phi-ê-rô chương 1 câu 13 và 14)

Đối với Thánh Phi-ê-rô, thân xác chỉ là “nhà tạm” khác nhau, nhưng giữa tôi và “nhà tạm” có nhiều sự khác biệt rõ ràng. Trước khi bị bắt, Chúa Cứu Thế Giê-xu đã phán trong vườn Ghết-sê-ma-nê như sau: “Linh hồn ta buồn bực cho đến chết!” (Phúc Âm Ma-thi-ơ chương 26 câu 38). Lời phán này rất quan trọng. Tất cả mọi người đều có thể nói câu này. Trong lời phán này, Chúa Cứu Thế đã đề cập đến một linh hồn và về một người có Linh hồn đó. Con người có linh hồn, có thể quan sát linh hồn của mình và nhận thấy linh hồn đang buồn bực. Trong một giai đoạn nào đó, tôi không gán tôi vào thân xác, nhưng tôi, cũng trong một giai đoạn nào đó, không gán tôi vào linh hồn.

Tôi chịu đau khổ trong thân xác hay trong linh hồn. Tôi biết tôi đau khổ. Thực thể sâu nhiệm nào trong tôi đã quan sát tất cả những điều đang xảy ra? Thực thể nào tôi gọi là “Cái tôi thực sự”? Thực thể nào biết “Bây giờ tôi mạnh khỏe” hay “Bây giờ tôi chết”? Thực thể nào đã nhận ra những thay đổi này trong khi chính thực thể đó lại không thay đổi? Thực thể đó không phải là một sự sống mà là Sự Sống, là Con Thượng Đế, là Đấng Bất Tử.

Chúa Giê-xu dạy: “Ta là Chân Lý.” Chân lý luôn luôn tồn tại. Nếu tôi hòa đồng tôi với Chân lý giống như Chúa, với tất cả Chân lý, với toàn thể Chân lý, ai có thể hủy hoại tôi? Điều này như đinh đóng vào cột, như hai với hai là bốn, đầu tôi ở trong tù hay được tự do. Tôi sẽ hợp nhất với Chân lý là Chân lý không bị ngoại cảnh chi phối.

Nếu tôi hòa đồng với Chúa Cứu Thế Giê-xu, tôi có thể đồng thanh với Ngài rằng: “Tôi là Con đường, Chân lý và Sự sống.” Tôi sẽ sống mãi mãi.

Sinh vật thấp nhất trong tất cả các sinh vật là loại sinh vật đơn thể. Loại sinh vật này sinh sôi nhờ tính chia cắt: một thành hai, hai thành bốn, bốn thành tám, tám thành mười sáu, v.v... Rồi chẳng bao lâu có hàng tỉ tỉ con trùng khuẩn A-mib. Những khuẩn A-mib có khi nào chết không? Khuẩn này thay đổi dạng sống. Thay vì ở trong một cái màng giao động, khuẩn này sinh sôi không ngừng. Mỗi ngày hàng triệu con khuẩn A-mib chết, nhưng tất cả chỉ là một phần của con khuẩn A-mib đầu tiên. Con khuẩn A-mib đầu tiên vẫn tiếp tục sống trong các con khuẩn A-mib đó. Như vậy, tính bất tử đã có trong loại sinh vật thấp nhất. Còn loại sinh vật cao quý nhất trên địa cầu này sẽ bị chết sao?

Chúng ta giữ gìn các bức họa của Leonardo da Vinci hay các trần có hình vẽ của Michelangelo một cách cẩn thận. Còn Đấng Tạo Hóa lại không giữ gìn các nghệ sĩ của các tác phẩm này tối thiểu cũng cẩn thận như vậy sao ?

Có sự sống vĩnh viễn. Và vì một Hít-le vô nhân đạo không thể nào sống chung với những đứa trẻ đáng thương đã bị Hít-le sát hại một cách dã man nên phải có một Thiên Đàng cho những người công chính và phải có một Địa Ngục cho những người không công chính.

Các Bạn vô thần phạm lỗi lớn là các bạn sống như thể các bạn sẽ không hề chết. Các bạn nên biết rằng, trong những giây phút cuối cùng, các bạn sẽ đau khổ hối hận vì đã chạy theo một chủ nghĩa vô thần đã quyến rũ hàng triệu người đi trên con đường sai lạc.

Các Bạn nên học hỏi nơi các lời trời trần của các nhà chỉ trích Kinh Thánh. Talleyrand trước khi chết đã nói: "Tôi chịu đựng cái chết của một người khốn cùng." Mirabeau nói: "Xin cho tôi thuốc phiện để tôi không phải nghĩ đến cõi miền viễn nữa !" Voltaire nói: "Thượng Đế và con người đã lừa dối tôi, tôi sẽ xuống địa ngục. Ôi Chúa Cứu Thế, ôi Chúa Cứu Thế Giê-Xu!" Vua Pháp Karl đệ IX nói: "Tôi đã tin theo những tên sát nhân, những tên cố vấn gian ác. Bây giờ tôi thấy rõ, tôi đã bị hư mất!" Tom Pay-ne nói: "Phải chi tôi có cả thế giới, tôi cũng sẵn sàng đánh đổi để quyển sách "Thời đại của lý trí" (một quyển sách chống lại Cơ-Đốc Giáo) không được phổ biến nữa. Ôi Chúa, xin giúp con. Xin Chúa Cứu Thế giúp con. Xin ở với con. Vì bị bỏ một mình không khác gì địa ngục."

Chúng tôi hi vọng đã trình bày cho các Bạn rõ đức tin về một Sự sống vĩnh viễn không phải là một điều khôi hài

như các học giả vô thần nghĩ. Sở dĩ các học giả vô thần cảm thấy tự do phổ biến ý kiến này vì chỉ có họ mới có độc quyền phát biểu ý kiến.

Trong một cuộc thảo luận quốc tế của các bác sĩ, người ta đặt câu hỏi: Giải phẫu cơ quan nào trong cơ thể khó nhất ? Một người Đức cho rằng giải phẫu óc khó nhất. Một người Pháp nói giải phẫu tim phức tạp nhất. Đại diện của Nga nói: Giải phẫu khó nhất là giải phẫu thịt dư ở cổ. Tất cả đều cười, nhưng rồi vị đại diện người Nga đó nói tiếp: "Quý vị cho rằng lời nói của tôi vô lý. Quý vị quên rằng, từ sau cuộc cách mạng đến nay, muốn cắt thịt dư ở trong cổ, bác sĩ phải cắt sọ, mổ qua óc xuống đến cổ vì tại nước chúng tôi có luật cấm không được mở miệng!" Bạn thân tôi đã mở miệng mà không có giấy phép của chính phủ Cộng-Sản.

## KHOA HỌC VÀ TÔN GIÁO

Công an chìm của Cộng Sản nổi tiếng có khả năng ép buộc các nạn nhân vô tội phải thú nhận tội lỗi mà mình không hề phạm. Dưới thời Cút-Xếp có cả hàng ngàn “phạm nhân” tương tự được phục quyền. Nhưng phương pháp tra khảo “phạm nhân” vẫn không thay đổi. Nhiều tín hữu của Chúa Cứu Thế Giê-xu hiện đang ngồi trong các trại giam ở Nga-Sô vì “khai” đã từng tham dự các “giáo lễ giết người”, tức là các buổi lễ người lấy huyết dâng cho thần! Nga-Sô là quốc gia duy nhất trên thế giới đã kết án các tín hữu của Chúa Cứu Thế Giê-xu vì cơ họ đã “phạm” tội này!

Trong số các tù nhân bị công an chìm của Cộng Sản tra khảo có một đồng chí khoa học gia. Đồng chí này bị tra khảo bằng một thanh sắt nung nóng thường dùng để chắt than nóng trong lò sưởi. Cuối cùng đồng chí tù nhân này đã nhân danh khoa học viết một bản thú tội rất nổi tiếng.

Những khoa học gia chân chính không nhìn nhận bản thú tội này có giá trị. Nhưng trước hết chúng ta hãy cùng nhau đọc một vài câu trong bản thú tội này: Khoa học đã chứng minh một cách chắc chắn rằng không có một sức mạnh vô hình nào hết.“ (Chúng ta là những người thiếu kiến thức vẫn thường nghĩ rằng khoa học chỉ có thể chứng minh những điều hiển hữu mà thôi!)”Khoa học đã chứng minh rằng Sự Sống tản mát trong vũ trụ...Có rất nhiều ngôi sao có người ở. ...Các luận đề khoa học về các ngôi sao có người ở đã đánh vào giáo điều Của Lễ Chuộc Tội, căn bản của Cơ-Đốc Giáo, một đòn chí tử...Người ta cũng chứng minh không có phép lạ.“ và v.v... Đề tài này không

đáng cho chúng ta nhắc đến nữa. Chúng ta bước qua vấn đề khác.

Các học giả vô thần cho rằng, khoa học và tôn giáo mâu thuẫn với nhau như đêm và ngày. Khoa học nào và tôn giáo nào? Tôn giáo ngày nay không còn là tôn giáo của năm thế kỷ hay của một thế kỷ trước đây. Thuở ban đầu, các tín hữu của Chúa Cứu Thế Giê-xu tin rằng Chúa sẽ sớm trở lại, trong thời của họ. Họ tưởng trái đất bằng phẳng và là trung tâm của vũ trụ, và Thượng Đế đang ngồi trên ngai cao, không xa lắm, không làm gì khác hơn là sẵn sóc quả địa cầu. Ngày nay không còn ai nghĩ như vậy nữa.

Sự Mặc khải của Thượng Đế có tính cách vĩnh viễn, nhưng những suy tư của con người về sự mặc khải đó chỉ có giá trị tương đối. Mặt khác, khoa học cũng thay đổi không ngừng. Học sinh trung học ngày nay không còn chấp nhận những định luật của Euclid, Galileo và Newton có giá trị tuyệt đối nữa. Nhưng các học giả vô thần tìm cách gạt gẫm một cách khôn khéo. Họ so sánh khoa học hiện đại với tôn giáo thời xưa, so sánh khoa học của thế kỷ hai mươi với những suy tư tôn giáo của người Do-Thái trước đây 3.500 năm. Người Do-Thái thuở đó vừa mới thoát khỏi số phận nô-lệ ở Ai-cập, chưa được văn minh. Trình độ văn minh của người Do-Thái thuở bấy giờ còn thấp hơn trình độ văn minh của người du mục ngày nay. So sánh như vậy cũng tựa như so sánh Nga-Sô ngày nay với nước Mỹ trước thời thuộc địa, lúc chỉ có người da đỏ sống tại đó, để chứng minh nền kinh tế của Nga mạnh hơn nền kinh tế của Mỹ.

Khoa học hiện đại phải được đem ra so sánh với những suy tư tôn giáo hiện đại. Nếu được như vậy ta sẽ thấy khoa học và tôn giáo không mâu thuẫn với nhau, trái lại bổ túc cho nhau. Chúng tôi xin trích dẫn Einstein một lần



nữa:”Nhiều người nói rằng, trí thức làm một người trở thành khoa học gia. Nói như vậy không chính. Thực ra, tính tình làm điều này. “Tính tình không phải là một khái niệm khoa học, nhưng là một khái niệm tôn giáo và đạo đức. Muốn có tinh thần khoa học, phải có tính thành thực và khách quan. Đó là những đức tính mà Cơ-Đốc Giáo dạy. Nếu một người chỉ biết có khoa học, người đó sẽ không thể trở thành một khoa học gia đáng tin cậy. Một khoa học gia phải thành thực, phải tin những khám phá trong phòng thí nghiệm của mình. Khoa học gia phải có hi vọng, vì nếu không có hi vọng, khoa học gia sẽ không hi sinh thì giờ để nghiên cứu. Khoa học gia phải biết cảm hứng để có thể làm việc hết giờ này sang giờ khác trong phòng thí nghiệm. Khoa học gia phải có tính khiêm nhường để chấp nhận trật tự của vạn vật. Khoa học gia cũng phải biết dồn tất cả mọi nỗ lực để đạt đến đích, nếu không sẽ không khám phá ra gì cả. Một khoa học gia phải có khả năng cộng tác với những người khác trong phòng thí nghiệm, phải kiên nhẫn, phải nhận xét đúng đắn. Khoa học gia phải công bố cho thế giới những điều mình khám phá, không được thêm thắt. Khoa học gia phải khôn ngoan, biết hi sinh giữ kín những điều có hại cho nhân loại. Một người chỉ là một khoa học gia sẽ không phải là một khoa học gia thực sự. Trước hết, người đó phải chấp nhận những giá trị luân lý. Những giá trị luân lý này không do chủ nghĩa vô thần mà do tôn giáo mà ra.

Stalin tuyên bố:”Khoa học là Chúa Cứu Thế của nhân loại.“ Hồi đó, thời đại nguyên tử bắt đầu, khoa học khám phá ra những phương tiện có thể tiêu diệt những thành phố lớn trong chốc lát. Sở dĩ có sự kiện này vì một vài khoa học gia đã không chấp nhận những giá trị căn bản cho toàn thể cơ cấu khoa học. Khoa học phải đi liền với tôn giáo, nếu không khoa học sẽ không có khả năng đem lại hạnh phúc cho con người. Vì khoa học và tôn giáo

không luôn luôn đi liền với nhau, nhân loại ngày nay tin tưởng vào hòa bình ít hơn là tin tưởng vào những khám phá vĩ đại của thời đại tân tiến này.

Ngay cả chủ nghĩa vô thần cũng không thể phủ nhận những giá trị luân lý của Cơ-Đốc Giáo. Các học giả khoa học vô thần cho rằng: "Trong thế giới không có gì hiện hữu ngoài ra vật chất chuyển động mãi mãi không ngừng." Nếu không có điều gì hiện hữu ngoài ra vật chất thì triết học duy vật, ngành triết học chủ trương tất cả đều là vật chất, là một vật chất. Các bạn vô thần yêu chủ nghĩa vô thần, ghét tôn giáo. Phải chăng "yêu" hay "ghét" là vật chất? Các bạn chiến đấu cho một lý tưởng, viết ca tụng một lý tưởng, trong khi các bạn phủ nhận sự hiện hữu của những giá trị tinh thần.

Các bạn cho rằng, triết học duy vật biện chứng được khoa học và kinh nghiệm kiểm chứng, trong khi tôn giáo không được ai chứng minh hết.

Như vậy những dữ kiện khoa học và kinh nghiệm minh chứng chúng ta chỉ là vật chất. Vậy thì vật chất có bỏ công chứng minh một phẩm chất khác của vật chất không? Các bạn cũng như tôi chỉ là một đồng vật chất. Tại sao vật chất lại bỏ thì giờ và sức lực để thay đổi ý kiến của tôi?

Vật chất chuyển động mãi mãi theo những định luật riêng của mình. Ta không thể thuyết phục một nguyên tử chuyển động khác với định luật thiên nhiên, cũng như ta không thể thay đổi sự chuyển động của một hành tinh. Vậy thì tại sao các bạn cố thuyết phục tôi?

Các bạn vô thần thường tốt hơn chính chủ nghĩa của các bạn. Nhiều người lính vô thần đã hi sinh tính mạng của

mình để cứu đồng đội. Ai lại dại dột chết cho một cái bàn gỗ? Ai lại sẵn sàng chịu thiệt thòi để làm cho một tờ giấy hạnh phúc? Các bạn vô thần hi sinh tính mạng của mình cho đồng đội vì tin tưởng rằng họ không phải chỉ là vật chất. Cũng như không có tôn giáo, khoa học không thể tồn tại được, chủ nghĩa vô thần và người vô thần không thể tồn tại được nếu họ không chấp nhận một vài giá trị căn bản.

Khoa học và tôn giáo thực có một vài mâu thuẫn, nhưng nào ai biết, khoa học sẽ phát triển như thế nào? Cũng không ai biết tôn giáo sẽ phát triển ra sao?

Vì thế ta không thể nghĩ rằng những mâu thuẫn giữa một vài khoa học gia nào đó và tôn giáo không thể giải quyết được.

Khoa học và tôn giáo mâu thuẫn với nhau như hai lý thuyết cho ánh sáng là những hạt nhân, còn lý thuyết kia chủ trương ánh sáng là một làn sóng. Nhưng các thí nghiệm đã chứng minh cả hai thuyết đều đúng. Con người giới hạn, chỉ có thể nhận thức được một phần của Chân lý. Vì thế con người sẽ gian dối nếu cho rằng tất cả chân lý đều phải tập trung vào trong ý nghĩ của mình vì chúng ta rất giới hạn và chỉ có thể nhận thức được một phần chân lý là thôi.

Nhưng sự thật nếu hai khoa học gia dùng những máy đo rất chính xác để đo một vật có thể đi đến những kết quả khác nhau. Vậy tại sao lại kinh hoàng nếu mộ khoa học gia và một nhà nghiên cứu tôn giáo dựa vào những điều kiện khác nhau đi đến những kết quả khác nhau?

Điển hình là trường hợp Lord Rayleigh và Sir William Ramsay. Hai người dựa vào những phương pháp khác nhau tìm ra nguyên tố 7, nhưng nguyên tố 7 của mỗi người có một trọng lượng khác nhau. Hai người giữ những kết quả thí nghiệm của mình, không tìm cách dung hòa. Cuối cùng, điều khác nhau của hai kết quả đã đem lại lợi lớn cho khoa học: một trong hai nguyên tố 7 là chất Argon, là một nguyên tố mà trước đó chưa ai khám phá ra.

Ta không nên sợ những mâu thuẫn giữa tôn giáo và khoa học. Tâm hồn ta đủ chỗ để lãnh hội toàn thể thực thể. Chúa Giê-xu dạy chúng ta: "Hãy để cho cả hai thứ cùng lớn lên cho đến mùa gặt!" (Phúc Âm Ma-thi-ơ chương 13 câu 30). Ta nên để cho hai chủ trương trái ngược nhau được tự do phát triển.

Nhưng tất cả những điều đề cập ở trên cũng chỉ là giả thuyết mà thôi, vì hầu hết các khoa học gia đều nhận thấy không có mâu thuẫn giữa khoa học và tôn giáo. Einstein đề cập đến một Đấng Thông Minh tốt bụng đang mặc khải trong thiên nhiên.

Max Planck, một nhà vật lý nổi tiếng, đã nói: "Tôn giáo và khoa học thiên nhiên cùng nhau chiến đấu không ngừng chống lại ngờ vực và giáo điều, chống lại vô tín và dị đoan, và cùng đồng thanh hướng về Thượng Đế."

Không có ai thể kiểm chứng được câu nói: "Giữa khoa học và tôn giáo luôn luôn có một cuộc chiến tàn khốc không ngừng."

Chúng tôi đã trích dẫn Ai-sơ-tai và Planck. Còn các khoa học gia khác thì thế nào? Họ có đề cập gì đến những mâu thuẫn này không?

Mặc dù Isacc Newton sống trong một thế kỷ khác với thế kỷ của chúng ta, nhưng thực ra chúng ta còn đang sống trong một vũ trụ của Newton. Để chế nhạo sự vô tín của một người bạn, Newton ráp một thái dương hệ tí hon trong phòng thí nghiệm của mình. Người bạn hỏi: "Ai đã làm ra cái này?" Newton đáp: "Không ai làm hết." Người bạn nói: "Nói thật đi, ai đã làm ra cái này?" Newton trả lời: "Cái này chỉ là đồ chơi, làm giống như thái dương hệ trong vũ trụ. Tôi nói đồ chơi không ai làm ra cả thì bạn không tin, vậy sao bạn có thể tin thái dương hệ trong vũ trụ, tức là mẫu của món đồ chơi này, tự nhiên mà có, không cần Đấng Tạo Hóa dựng nên. Bạn nói thiệt đi, tại sao bạn có thể có một chủ trương vô lý như vậy?"

Các giáo sư vô thần cũng nhận rằng Niêu-tôn đã kết luận tác phẩm "Các nguyên tắc toán học của triết học thiên nhiên." bằng những lời về "một Đấng khôn ngoan có uy quyền đang thống trị" và thể hiện đức tin của mình qua công trình sáng tạo ban đầu. Các bạn vô thần giải thích: vì Niêu-tôn sống vào đầu thế kỷ 18, lúc con người chưa biết gì về nguyên tử, hoá học và sinh vật học, và khoa học chưa có liên hệ gì với thần đạo. Các bạn cũng cho rằng đức tin của Niêu-tôn đã làm hại khoa học. Nhưng điều bí ẩn là trong thế kỷ 20, vũ trụ của Niêu-tôn đã trở thành vũ trụ của Ai-sờ-tai. Ai-sờ-tai có kiến thức về quá trình nguyên tử, về những phát triển mới nhất của khoa học. Ai-sờ-tai, hồi còn thanh niên là một người tín hữu của Chúa Cứu Thế Giê-xu lúc đạt đến đỉnh của khoa học.

Laplace cũng là một tín hữu mộ đạo. Descartes cũng vậy. Các bạn vô thần trích Des-car-te và bóp méo những lời trích dẫn ấy bằng cách giải thích theo ý nghĩa duy vật. Des-car-te viết: "Xin đưa cho tôi vật chất và chuyển động, tôi sẽ tạo nên vũ trụ!" Những lời này rất rõ ràng. Sự hiện hữu của vũ trụ cần vật chất, chuyển động và một thực thể

ngoan sắp xếp vũ trụ. Câu nói của Des-car-te là: "Xin đưa cho TÔI vật chất và chuyển động!" Không có "tôi", vật chất và chuyển động không có thể tự nhiên tạo thành vũ trụ. Cái "tôi" này đến từ Thượng Đế, đã làm được những việc lớn, là vì chúng ta đã được tạo dựng nên để trở thành những người tạo dựng.

Bây giờ chúng ta đề cập đến những khoa học gia trong thế kỷ này.

Heisenberg, một nhà nguyên tử học rất lớn, đòi hỏi một nhịp cầu liên hệ giữa khoa học và tôn giáo. Sir James Jeans, một nhà thiên văn học, viết trong quyển "vũ trụ huyền bí" như sau: "Vũ trụ bất đầu thấy giống như một tư tưởng vĩ đại chứ không giống như một cái máy. Lý trí không còn là một yếu tố ngẫu nhiên trong bình diện vật chất. Chúng ta nên chấp nhận lý trí là Đấng Tạo Hóa và quản trị vật chất. Dĩ nhiên tôi không đề cập đến những lý trí cá nhân của chúng ta. Nhưng tôi đề cập đến lý trí, chỗ những nguyên tử đã tạo ra lý trí cá nhân của chúng ta, hiện hữu bằng ý nghĩ... Chúng ta khám phá rằng vũ trụ trưng bằng chứng về một uy quyền hoạch định và kiểm soát. Uy quyền này có những điểm chung với lý trí cá nhân của chúng ta... Chúng ta không phải là những kẻ khách là hay những người xâm nhập vào vũ trụ, nhưnh chúng ta tưởng lúc đầu."

Newton không sống cùng thời với chúng ta, nhưng James Jeans, Heiseberg sống trong cùng một thế kỷ với chúng ta.

Giáo sư tâm lý học Jung, cũng sống trong thế kỷ này với chúng ta, đã nói: "Trong 30 năm vừa qua, nhiều người từ các nước văn minh đến tìm nói chuyện với tôi... Trong tất

cả những bệnh nhân đó, không có một bệnh nhân nào trên tuổi 35 mà không có nan đề về cách sống đạo. Tôi có thể khẳng định rằng tất cả những người đó đều có bệnh vì đã đánh mất điều mà các tôn giáo sinh động của thời đại đã ban phát cho họ. Và trong số những người đó, người nào không trở về với đời sống tôn giáo, người đó sẽ về với đời sống tôn giáo, người đó sẽ không được lành bệnh thực sự.

Chính các ngành khoa học đã làm cho con người mộ đạo. Vì thế, Kepler đã viết trước đây một thể kỷ: Chúng ta suy nghĩ lại những ý nghĩ của Thượng Đế. “Sir Allister Hardy, nguyên khoa trưởng khoa thảo cầm học trường Đại học Ox-ford viết: “Một uy quyền mà chúng ta gọi là Thượng Đế đã tham dự vào tiến trình của sự sống.” “Tôi tin rằng thế giới sống động này liên hệ mật thiết với thần học cũng như với vật lý và hóa học, rằng yếu tố Thượng Đế đã tạo ra một phần của quá trình thiên nhiên, không phải siêu nhiên nhưng siêu thể.” Ngoài ra, Har-dy còn nói: “Mọi tôn giáo liên hệ với khoa học và thần học thiên nhiên sẽ không tiêu diệt lòng kính mến Thượng Đế. Chúng ta phải trở về khởi điểm, cho thế giới đi lạc.”

Bertrand Russel không phải là một khoa học gia. Russel không hề có một khám phá khoa học nào. Tuy nhiên chúng tôi cũng xin phép trích dẫn những điểm mà Russel viết về Cơ-Đốc Giáo: “Có vài điều mà thời đại chúng ta cần và vài điều nên tránh... Thời đại này cần cảm thương... cần nhất là hi vọng và khích lệ... Căn bản của tất cả mọi sự rất giản dị và rất cũ, quá giản dị đến nỗi tôi gần muốn hổ thẹn khi nhắc đến vì sợ cái cười thương hại của những người vô liêm sỉ. Cái mà tôi muốn nói là tình yêu, tức là tình yêu của Chúa Cứu Thế hay sự cảm thương. Nếu ai cảm nghiệm được tình yêu ấy, người đó sẽ có lý do để sống, một người hướng dẫn để hành động, một nguyên nhân để

can đảm, một điều tối cần thiết để thành thực một cách trí thức.”

Bây giờ chúng ta bàn về các khoa học gia thực sự. C.Chant, một khoa học gia chân chính, Giáo sư thiên văn học, nói: "Tôi không ngần ngại quả quyết 90% các nhà thiên văn học đều đi đến kết luận vũ trụ không phải là kết quả của một luật lệ mù lòa nhưng được điều khiển với một trí óc vĩ đại. Còn 10% các nhà thiên văn học là những người Nga; họ không được phép phát biểu những điều họ nghĩ."

Chúng tôi xin lập lại điểm này: Hầu hết các khoa học gia đều không chủ trương khoa học mâu thuẫn với tôn giáo.

Những người vô thần chống lại tôn giáo dựa vào suy luận: trí óc của con người hoạt động tương tự như một cái máy. Tinh thần không đóng một vai trò nào cả.

Ngày nay con người chế ra được những máy móc "biết nghĩ", có thể bắt chước hay hoàn tất những hoạt động tinh thần, có thể thông dịch, chơi cờ, giải quyết những nan đề suy tư mau hơn người.

Tuy nhiên, và đây chính là điểm mà ta thường lầm lẫn, những máy móc này do trí óc con người suy nghĩ làm ra. Máy móc là kết quả của những quá trình suy nghĩ của trí óc và không có điều gì hoàn toàn mới cả.

Con người có thể đi bộ khoảng 10 cây số trong một tiếng đồng hồ, nhưng đã khám phá ra phi cơ phản lực có tốc lực hàng ngàn cây số một giờ. Còn mắt có thể nhìn vạn vật trong một khoảng cách giới hạn nào đó, nhưng con người đã khám phá ra ống dòm và kính hiển vi để có thể nhìn thấy những vật mà mắt không thể ghi nhận được.



Con người có khả năng chế tạo ra những dụng cụ để phụ giúp cho giác quan. Những máy móc "biết nghĩ" thuộc vào loại này. Tất cả máy móc đều do trí óc con người nghĩ ra.

Ai đã làm ra "máy óc" của con người?

Mỗi người có khoảng 10 tỉ tế bào não. Mỗi tế bào não có thể liên lạc với 25000 tế bào khác. Có khoảng 10 tỉ lần hai mươi lăm ngàn đường dây liên lạc giữa các tế bào. Đây là một số lượng lớn hơn số lượng nguyên tử trong vũ trụ mà con người đã khám phá ra.

Mỗi người có khoảng 1600 cây sơ huyết quản trong cơ thể. Mỗi người có một triệu rưỡi tuyến mồ hôi. Phổi gồm có 700 triệu tế bào. Tim đập hàng triệu lần trong suốt một đời sống. Trong suốt một đời sống trung bình, tim bơm một trong lượng khoảng sáu trăm ngàn tấn huyết xuyên qua cơ thể. Ai có thể tin một cái cần trục có thể kéo được một trọng tải lớn như vậy tự nhiên mà có, không cần ai làm ra cả ?

Hệ thống thần kinh của mỗi người có khoảng ba trăm tỉ tế bào. Sức khỏe của con người được bảo đảm nhờ ba mươi triệu bạch huyết cầu trong mạch máu và mười ba triệu tỉ hồng huyết cầu.

Phải chi tất cả chúng ta đều có được sự khôn ngoan của Thánh Giăng. Thánh Giăng vốn là một tay ngư phủ. Chắc Thánh Giăng có suy nghĩ nhiều về những huyền bí của con tim. Vì thế Thánh Giăng đã dựa đầu vào ngực của người bạn thân yêu nhất của mình, tức là Chúa Giê-Xu, nghe nhịp đập con tim Ngài, và biết có Thượng Đế, cũng

như một người nghe tiếng tic tắc của đồng hồ thì biết có người đã làm ra chiếc đồng hồ.

Chúng tôi hi vọng các bạn vô thần cũng dựa đầu mình vào ngực Chúa ngay bây giờ để có thể nhận thức được chân lý về Thượng Đế, chứ không đợi đến lúc vào địa ngục. Lúc đó sẽ quá trễ.

Từ suy tư về cái máy "thân xác" của con người, một cái máy tinh vi hơn máy "biết nghĩ", chúng ta bước sang những cây cầu treo tân kỳ. Những cái mành nhện trong vườn là những cái cầu treo tân kỳ đầu tiên. Ai đã cho con nhện óc khôn ngoan của một kỹ sư như vậy? Và ai cho nhện hàng dệt có thể co giãn tốt như vậy? Những kỹ sư hàng không đầu tiên, từ Leonardo da Vinci đến anh em nhà họ Wright, đã học chế tạo phi cơ từ nơi chim trời.

Ngoài ra còn có nhiều điều mà các bạn vô thần thêm thất để phê bình tôn giáo. Sau đây là một vài thí dụ.

Các bạn vô thần nói rằng: "Theo Kinh Thánh Thượng Đế tạo nên tất cả tinh tú, mặt trời và mặt trăng vào ngày thứ tư. Ở đây các bạn thêm chữ "tất cả" vào. Trong Kinh Thánh Sáng thế ký chương 1 không có chữ "tất cả". Kinh Thánh chỉ tường thuật Thượng Đế tạo dựng nên các ngôi sao. Kinh Thánh không phủ nhận sự xuất hiện của các ngôi sao mới. Thượng Đế đã tạo nên vũ trụ dựa theo những định luật của Ngài. Những định luật này cho phép các ngôi sao mới xuất hiện, cũng như người mới, chương trình mới...

Các bạn vô thần cho rằng: Các bậc Giáo phẩm giải thích Thượng Đế tạo dựng nên sự sống chỉ ở trên địa cầu của chúng ta, nhưng khoa học đã chứng minh có sự sống ở

trong vũ trụ. Những bậc giáo phẩm đã giải thích như vậy khi nào và khoa học đã chứng minh trên các ngôi sao có người ở khi nào?

Các bạn vô thần nói rằng: Sự biến đổi của thiên nhiên qua bàn tay của con người chứng tỏ giáo lý “Thế giới do Thượng Đế tạo dựng nên không hề thay đổi” thiếu căn bản. Nhưng giáo lý của tôn giáo nào đã dạy thế giới do Thượng Đế tạo dựng nên không hề thay đổi hay con người không thể biến đổi thiên nhiên? Kinh Thánh đã tường thuật Thượng Đế để A-Đam sống trong vườn Ê-Đen để săn sóc vườn, nghĩa là để biến đổi cái vườn đó. A-Bên là một người chăn súc vật và Ca-In là một nhà nông. Con người có thể ảnh hưởng trên thiên nhiên và thay đổi thiên nhiên.

Các bạn vô thần cũng nói rằng: “Các bậc giáo phẩm dạy Thượng Đế vô sở bất tại, ở đâu cũng có, Lời Thượng Đế đã trở thành xác thịt ở trên tất cả các thế giới có sự sống. Như vậy Chúa Cứu Thế phải sinh ra, phải chịu đau khổ và chịu chết trên hàng hà sa số các hành tinh. Đây chỉ là một một điều bịa đặt ra. Không một bậc giáo phẩm nào dạy như vậy. Trước hết, khoa học chưa hề chứng minh trên các hành tinh có người ở và điểm thứ hai là, không một giáo hội dạy Chúa Cứu Thế đã chết trên các hành tinh đó.

Nhưng về một phương diện khác, các bạn vô thần đã tự mâu thuẫn với chính mình khi họ nói: Các nhà thần học chủ trương Chúa cần phải hi sinh làm của lễ chuộc tội vì con người trên địa cầu đã phạm tội, trong khi đó con người ở các hành tinh khác vẫn trung thành với Chúa. Tất cả chỉ là điều bịa đặt. Không một nhà thần đạo nào chủ trương như vậy.

Các bạn vô thần cũng nói rằng tôn giáo không chấp nhận sự biến dạng của địa cầu về phương diện địa lý, vì địa cầu do Thượng Đế mà ra, con người không được phép nhúng tay vào những tiến trình địa lý. Các bạn muốn nói tôn giáo không cho đào kinh rạch. Nhưng nói như vậy là không nghĩ đến những tín hữu mộ đạo trong thời cổ ở miền Lưỡng Hà và Ai-cập đã đào những hệ thống kinh rạch tối tân. Nhưng tôn giáo chống đạo kinh rạch hồi nào? Và tôn giáo nào chống đào kinh rạch?

Các bạn vô thần đưa ra trường hợp Hoàng tử Golitsin, Thống đốc tỉnh Astrakhan, làm bằng chứng. Trước đây 200 năm, Hoàng tử này đã cấm đào kinh nối liền hai con sông. Nhưng tại sao lại cho rằng Thống đốc của tỉnh này là đại diện cho tôn giáo?

Những người vô thần cũng nói rằng: Các bậc giáo phẩm đã giảng dạy từ hàng ngàn năm chống lại việc con người bay lên trời. Các giáo phẩm đã ngược đãi và thủ tiêu một cách dã man những người muốn bay, đó là chưa nói đến những người muốn bay vào vũ trụ. Ngày nay tất cả những giáo điều căn bản của tôn giáo đã bị tiêu diệt.

Chúng tôi không muốn bất lịch sự, những điểm này cũng chỉ là một điểm bịa đặt. Ai là người muốn bay mà bị thủ tiêu? Người ta đã đối xử với các phi hành gia Mỹ như thế nào?

Phi hành gia Mỹ đầu tiên đã bày tỏ đức tin nơi Thượng Đế của mình. Phi hành gia kế tiếp đọc Kinh Thánh trong khi đi vòng quanh mặt trăng. Khi trở về địa cầu các phi hành gia đã được tiếp đón trọng thể.

Ngoài ra các bạn vô thần còn có nhiều ý nghĩ khác rất kỳ lạ về tôn giáo. Nhưng chúng tôi tin rằng những điều nêu ở trên đã đủ.

Điểm quan trọng là khoa học không có đi ngược với tôn giáo. Khoa học có thể đi ngược lại với một trình độ lỗi thời nào đó của tôn giáo mà thôi.

Nếu ta nói chữ "tàu", là liên tưởng đến nhiều hình ảnh khác nhau về tàu. Ta có thể nghĩ đến chiếc tàu của Nô-ê, đến những chiếc tàu giả dối của người Pô-li-nê-si-ê dùng để xuyên qua đại dương, đến những chiếc tàu của người Viking dùng để đến Mỹ châu lần đầu tiên, đến tàu hơi nước trước đây một thế kỷ hay đến những chiếc tàu tối tân nổi lên các đại dương ngày nay.

Cũng vậy, khi nói đến "tôn giáo" hay "Thượng Đế", ta cũng liên tưởng đến nhiều hình ảnh khác nhau. Con người khác nhau, thuộc nhiều thời đại khác nhau tùy theo kiến thức, cảm giác, trình độ tâm linh đã hiểu Thượng Đế khác nhau. Vì thế con người cũng đã giải thích sự mặc khải của Thượng Đế khác nhau.

Một vài quan niệm về Thượng Đế đã lỗi thời và mâu thuẫn với khoa học. Nhưng không phải tất cả các tôn giáo đều mâu thuẫn với khoa học, cũng như tôn giáo không thể chấp nhận tất cả khoa học vì trong khoa học cũng có nhiều điều đã lỗi thời.

Khoa học và tôn giáo thuộc về hai bình diện khác nhau. Khoa học chỉ tường trình cho ta cái nhìn vật chất về sự vật. Dưới cái nhìn khoa học, bông hoa là sự cân bằng của một cơ cấu sinh hóa gồm chất Carbonat Kali, chất Ester Phosphat, chất Nitơ và một số lượng nước nào đó. Một

định nghĩa khoa học như vậy chắc chắn không làm cho một người yêu hoa vừa ý.

Khoa học chỉ đi được một phần đường. Một phần do nghệ thuật đảm nhiệm, một phần do triết học, và phần cuối cùng do tôn giáo.

Ta sẽ biết rất ít về sự sống nếu ta chỉ cho sự sống là một cơ thể nguyên sinh mà quên những điều mà các nghệ sĩ, kịch gia, họa sĩ, văn sĩ, các bậc lãnh đạo tôn giáo thế giới...để lại, và quên sự kiện Thượng Đế trở thành người, tức là Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Ta sẽ phản khoa học và hoàn toàn sai lầm nếu ta rút gọn sự sống vào khoa học thuần túy.

Từ những đề tài giáo lý, chúng ta bước qua phần thực hành. Các bạn vô thần chỉ trích Lu-ther đã đòi hỏi đàn áp nhóm tà giáo Copernikus thẳng tay. Nhưng Lu-ther đã đưa những đòi hỏi đó hỏi nào? Nếu đọc tất cả các tác phẩm của Luther, chúng ta sẽ không thể tìm ra được những đòi hỏi tương tự.

Thật ra người vô thần không có quyền nêu vấn đề này vì hiện nay có hàng triệu người đã bị kết án tử hình hay đang chịu chết dần mòn trong các trại cải tạo Cộng sản vì họ đã can đảm cổ vũ cho những khuynh hướng chính trị khác hơn khuynh hướng chính trị của các nhà độc tài.

Người ta cũng chỉ trích các Cơ-Đốc Nhân quá khích đã đốt thư viện A-lê-xan-đơ. Thực ra thư viện này bị người Hồi giáo phá hủy vào thế kỷ thứ bảy.

Các bạn vô thần cũng quả quyết rằng sở dĩ nạn đậu mùa lan tràn tại các nước Mỹ, Anh, Hòa Lan và những nước khác vì các linh mục và hàng giáo phẩm vì lý do tôn giáo đã chống lại thuốc chủng ngừa bệnh. Nạn dịch đậu mùa cuối cùng ở các nước này xảy ra lúc nào? Thực ra ta phải nói rằng, tại các nước Âu-Mỹ thuốc chủng ngừa bệnh đậu mùa không cần thiết nữa vì bệnh đậu mùa được coi như đã bị tiêu diệt.

Ngoài ra còn một vấn đề nữa: Hội Thánh Công Giáo La Mã có một danh sách gồm một số sách báo không được đọc. Nhưng Cộng Đồng Vatican II đã bỏ danh sách này. Các nước Cộng Sản cũng có những danh sách tương tự. Khi nào các nước Cộng Sản sẽ bỏ những danh sách đó, cho phép dân chúng đọc sách báo của Pasternak và Solzhenitsyn (Xôn-xơ-hê-nít-xin), hay ít nhất là các tác phẩm của Plato, Newton, Bergson. Đó là chưa nói đến quyền được đọc Kinh Thánh và các sách báo giải nghĩa Kinh Thánh.

Ngay cả những tác phẩm của Stalin cũng nằm trong danh sách các sách báo bị cấm, không còn được phổ biến trong tiệm sách nữa.

Nguyên tắc của sinh vật học là: nhiệm vụ sinh ra cơ quan. Chúng ta có mắt để nhìn ánh sáng và màu sắc. Chúng ta có tai để nghe tiếng động, có tay để xử dụng đồ vật. Chúng ta có trí óc vì phải suy nghĩ nhiều điều. Tại sao chúng ta có khả năng "tin"? Ngay cả một em bé cũng có khả năng TIN này. Vậy phải có một đối tượng tương ứng. Chúng ta có khả năng Tin vì có một Thượng Đế để chúng ta có thể tin. Trên đời không những chỉ có vật chất mà cũng có những thực thể khác. Những thực thể này không có những ký hiệu vật lý hay hóa học.

Khoa học chứng minh cho tôn giáo. Địa cầu cách mặt trời một khoảng cách chính xác và có một quỹ đạo chính xác để bảo tồn sự sống trên địa cầu. Nếu địa cầu quá gần mặt trời, con người sẽ chết cháy. Nếu địa cầu quá xa mặt trời, cái lạnh sẽ làm cản trở sự tăng trưởng. Nếu địa cầu không xoay quanh mặt trời, con người sẽ không có thời tiết bốn mùa.

Hồi còn bị tù vì cố đức tin nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu, có lần tôi nghe người ta cãi nhau về những con súc sắc giả. Nếu con súc sắc nào cứ lần ra mặt số sáu nhiều lần thì biết con súc sắc đó là con súc sắc giả. Không có con súc sắc nào lại cứ ngẫu nhiên ra mặt số sáu hoài hoài. Vũ trụ cũng không được xép đặt một cách ngẫu nhiên. Một triết gia, kể cả một triết gia vô thần, cũng không thể là kết quả sự khai triển ngẫu nhiên của vật chất. Hoàn toàn ngẫu nhiên không thể cấu tạo nên một nhà tư tưởng vô thần.

Nhưng tất cả những dẫn chứng của chúng tôi không thể giúp ích được gì cho những người vô thần thực sự. Quý vị dựa vào các sọ người mà cho rằng không có A-đam. Theo quý vị Kinh Thánh bắt đầu một cách vô chính xác. Tổ tiên của chúng ta là những người rất rừng rú đã phát triển từ thế giới thú vật. Giữa Kinh Thánh và khoa học không có điểm nào hòa hợp cả!

Giả sử 5.000 năm sau có những cuộc nghiên cứu khảo cổ và các nhà khảo cổ học tìm ra được hai, ba cái sọ người của các bộ lạc ở Úc, hay của những người còn sống nếp sống thời thạch khí. Lúc đó các nhà khảo cổ sẽ cho rằng con người trong thời đại của chúng ta không phải là con người văn minh. Nhưng sự thật là con người văn minh có thể du hành lên mặt trăng đang sống đồng thời với những người sơ khai. Vật thì tại sao một vài con cháu của A-đam lại không thể sống đồng thời trong các hang hốc?



Chúng tôi tin rằng chúng ta đã bàn đủ về đề tài khoa học và tôn giáo. Các tác giả Kinh Thánh, những người rất mộ đạo, thường hay thắc mắc. Nhưng thắc mắc của họ có ghi trong sách Gióp. Ngay cả Giăng Báp-tít, đầu ngồi trong tù, cũng thắc mắc không biết Chúa Giê-xu có phải là Chúa Cứu Thế không. Trên cây thập tự, chính Chúa Cứu Thế Giê-xu cũng kêu lớn tiếng: "Thượng Đế ôi, Thượng Đế ôi! Sao Ngài lìa bỏ con?"

Không ai mộ đạo một trăm phần trăm. Người mộ đạo luôn luôn thắc mắc. Cũng vậy, không ai một trăm phần trăm vô thần. Người vô thần cũng có lúc tin. Nhưng trong khi các tác giả Kinh Thánh như Đa-vít, Gióp...trình bày những thắc mắc của mình, các bạn vô thần không thể làm điều đó. Họ không thể phát biểu điều hồ nghi.

Thưa các bạn vô thần, quyền hành chính trị nằm trong tay của các bạn, sự thực khoa học đứng về phía chúng tôi. Chúa Cứu Thế Giê-xu có thể được xem như là người đã sáng lập ra khoa học. Chúa dạy: "Hãy về, thuật lại cùng Giăng những điều các con nghe và thấy!" (Phúc Âm Ma-thi-ơ chương 11 câu 4), "Các con xem loài chim bay liệng trên trời, chúng chẳng gieo, gặt, cũng chẳng tích trữ vào kho, thế mà chúng vẫn sống, vì Cha các con trên trời nuôi chúng." (PHúc Âm Ma-thi-ơ chương 6 câu 26), "Hãy xem hoa huệ ngoài đồng, chúng chẳng làm việc nặng nhọc, cũng chẳng xe tơ kéo chỉ." (Phúc Âm Ma-thi-ơ chương 6 câu 28).

Chúa dạy phải quan sát cẩn thận. Chúa Cứu Thế dạy người tín hữu phải phát biểu những điều mình biết, nghe và thấy. Đó là những nguyên tắc căn bản của khoa học.

## CỦA LỄ CHUỘC TỘI.

Cũng như tất cả mọi người khác, các bạn vô thần cũng có tội, nhưng cũng có thể được tha tội và được cứu rỗi.

Sống là sống với một "sự thực phũ phàng": Tội Lỗi. Tôi có tội của tôi. Các bạn vô thần có tội của các bạn vô thần. Tất cả các triết lý về nhân đạo, vô thần, tôn giáo, những phổng định của người mộ đạo và của người vô thần đều không có thể giải phóng con người khỏi tội lỗi. Chỉ Thượng Đế mới có thể thực hiện điều này. Chúng tôi đã cố gắng trình bày giá trị của Kinh Thánh. Xin các bạn đọc Kinh Thánh, học hỏi phương cách làm sao các bạn có thể được giải phóng khỏi tội lỗi, làm sao các bạn có thể trở thành con của Thượng Đế và làm sao các bạn có thể tiếp nhận được sự sống vĩnh cửu.

Thánh Phao-Lo viết: "Trước hết, tôi truyền lại cho anh em những chân lý tôi đã tin nhận: Chúa Cứu Thế chịu chết vì tội chúng ta theo lời Thánh Kinh. Chúa được mai táng, qua ngày thứ ba Ngài sống lại theo lời Thánh Kinh." (Thư Cô-rinh-tô chương 15 câu 3-4) Cái chết của Chúa Cứu Thế tại Palestine trước đây gần hai ngàn năm có liên hệ đến tội lỗi của tôi, và tội lỗi của tôi có thể nhờ sự hi sinh này mà được tha thứ. Điểm này rất khó hiểu. Nhưng để được tha thứ, chúng ta không cần phải giải thích tường tận sự hi sinh này của Chúa Cứu Thế. Chúng ta chỉ cần phải tin Chúa Cứu Thế đã chết vì tội của ta, đã mang án thế cho chúng ta và tội của chúng ta sẽ không bị xét xử.

Chúa Cứu Thế là Thượng Đế đã trở thành người. Chúa đã khiêm tốn tự hạ mình xuống và mang những án phạt

của tội lỗi chúng ta qua sự đau khổ của Ngài. Thánh Phi-e-rơ đã dạy như sau: "Anh em đã biết rõ, Thượng Đế đã phải trả giá rất cao để cứu chuộc anh em khỏi nếp sống lầm lạc của tổ tiên. Không phải trả giá bằng bạc vàng dễ mất, mau hư nhưng bằng huyết quý báu của Chúa Cứu Thế, Chiên Con vô tội không tỳ vết của Thượng Đế." (Thư I Phi-e-rơ chương 1 câu 18) Và trên Thiên Đàng vang vọng tiếng hát ca tụng sự hi sinh của Chúa Cứu Thế: Ngài xứng đáng lấy sách và tháo các ấn; vì Ngài đã chịu chết để lấy huyết mình chuộc về cho Thượng Đế những người thuộc mọi dòng giống, dân tộc, quốc gia. Họ trở thành công dân Nước Chúa, làm thầy tế lễ của Thượng Đế và sẽ cai trị thế giới. Tôi lại nhìn và nghe tiếng hát của hàng triệu thiên sự đứng bao quanh Ngài, bốn sinh vật và các trưởng lão. Các thiên sứ hát lớn tiếng: Chiên Con đã chịu chết đáng được uy quyền, giàu có, khôn ngoan, sức mạnh, vinh dự, vinh quang và chúc tụng!" (Khải thị chương 5 câu 9-12)

Khi Chúa dùng huyết của mình chuộc nhân loại thuộc tất cả mọi quốc gia, mọi dân tộc, Chúa cũng chuộc người Cộng Sản Vô Thần.

Như tôi đã trình bày ở trên, chúng ta không thể hiểu sự hi sinh chuộc tội của Chúa, nhưng chúng ta có thể hiểu được điểm này một phần nào. Nếu chúng ta nhận thức được rằng Chúa Cứu Thế là Thượng Đế, là Đấng Tối Cao, thánh khiết, thì (chúng tôi biết điều này sẽ làm nhiều người giật mình nhưng chúng tôi không do dự trình bày điều này!) cái chết của Chúa Cứu Thế là một tội phạm nặng nề của nhân loại, chẳng khác gì ta đóng đinh giết chết toàn thể nhân loại. Chúng ta có thể hiểu điều này qua lời dạy của Ê-Sai: "Kìa, các dân tộc khác nào một giọt nước nhỏ trong thùng, và kể như là một mảy bụi rơi trên cân." (Ê-Sai chương 40 câu 15)

Một thí dụ đơn giản để làm sáng tỏ ý nghĩa này: Tôi chạy chữa bệnh lao phổi bằng cách uống nhiều loại thuốc có tác dụng giết vi trùng lao. Ngoài ra nhiều loại thú vật khác nhau đã bị giết để làm thực phẩm cho con người. Lương tâm chúng ta không bị cắn rứt khi làm như vậy. Nhưng lương tâm của chúng ta bị cắn rứt nếu chúng ta hại người khác vì con người mang hình ảnh của Thượng Đế, có giá trị hơn thú vật hay côn trùng rất nhiều. Cũng vậy, Chúa Cứu Thế là Thượng Đế, đã trở thành người. Chúa có giá trị hơn hàng triệu hàng tỉ sinh mạng của con người. Vì thế chỉ một cái chết của Chúa trên cây thập tự cũng đủ để chuộc tội cho toàn thể nhân loại, nhưng với một điều kiện: chúng ta phải tin Chúa đã hi sinh chết thế cho chúng ta. Chúng ta phải tin Thượng Đế là Đấng bất tử đã trở thành người để đau khổ và chết cho con dân của Ngài.

Vì thế Thánh Phao-lô viết: “Chúa Cứu Thế cũng đã chịu khổ. Mặc dù không hề phạm tội, Ngài đã một lần chết vì tội lỗi của tất cả chúng ta, để đem chúng ta trở về với Thượng Đế. Dù thể xác Ngài chết, nhưng tâm linh Ngài vẫn sống.” (Thư I Phi-ê-rơ chương 3 câu 18). Và Thánh Giăng viết: “Nếu chúng ta sống trong ánh sáng như Thượng Đế, chúng ta sẽ giao hảo với nhau, và huyết Chúa Giê-xu con Ngài tẩy sạch tất cả tội lỗi chúng ta.” (Thư I Giăng chương 1 câu 7).

Thánh Phao-lô viết: “Trước là người tội lỗi, ta còn nhờ huyết Chúa được tha thứ, nay ta sạch tội rồi, hẳn Ngài sẽ cứu chúng ta khỏi hình phạt khủng khiếp Thượng Đế dành cho thế gian.” (Thư Rô-ma chương 5 câu 9). Nhưng chúng ta có thể tránh khỏi cơn giận của Thượng Đế vì chúng ta “trong Chúa Cứu Thế được cứu chuộc bởi huyết Ngài.” (Thư Ê-phê-sô chương 1 câu 7).

Sự hi sinh chuộc tội của Chúa là đề tài nghiên ngẫm của người tín hữu của Chúa Cứu Thế Giê-xu kể từ hai ngàn năm nay. Chúa Giê-xu đã chết thay cho chúng ta. Qua sự hi sinh của Chúa, chúng ta có thể bắt đầu một cuộc sống mới. Thượng Đế sẵn sàng tha tội cho chúng ta, nhưng đã để Chúa Cứu Thế chịu đau khổ để chỉ cho chúng ta biết tội lỗi nào cũng sẽ bị phạt. Nhưng nếu chúng ta biết nhìn vào sự đau khổ của Chúa, chúng ta sẽ thấy tội lỗi của chúng ta lớn dường nào. Khi chúng ta tin Chúa, chúng ta sẽ được hợp nhất trong tình yêu với Chúa.

Như một người mẹ cùng chịu đau với đứa con đang bệnh hoạn của mình, như những người vợ cùng chịu đau đớn chung với người chồng, chúng ta cũng chịu đau khổ với Chúa trên đồi Gô-gô-tha và qua thân Ngài, chúng ta nhận lãnh bản án dành cho tội lỗi của chúng ta.

Con người ai ai cũng có tính đổ tội cho người khác. Gặp chuyện gì không vừa ý ta thường giận dữ “trút lên đầu” người khác. Như một em bé chạy đụng vào ghế, người mẹ chỉ cần “đánh” cái ghế là em hết đau. Tính đổ tội cho người khác đâm sâu vào trong tâm con người chúng ta.

Chúa Giê-xu biết rõ tính tình của con người. Vì thế Con Thượng Đế đã đến sống với con người, sẵn sàng để con người đổ tội lỗi của mình lên vai Ngài. Chúa sẵn sàng chịu trách nhiệm về những tội lỗi mà chúng ta đã phạm. Chúa sẵn sàng mang tất cả tội lỗi của chúng ta.

Tôi thành khẩn khuyên các bạn vô thần nên đặt tất cả tội lỗi của mình lên vai của Chúa Cứu Thế Giê-xu. Qua những lời vu cáo chống lại tôn giáo các bạn đã làm hại hàng trăm triệu người. Chúa Cứu Thế, là Đấng mà các bạn đang chống lại, là Chiên Con của Thượng Đế mang

tất cả tội lỗi của thế giới. Nếu các bạn tin Chúa, các bạn sẽ được cứu rỗi.

Các bạn đã dùng những lý thuyết vô thần phê bình tôn giáo. Nhưng những phân tích, phê bình đều bó tay trước những đau khổ nội tâm. Lý thuyết vô thần không giúp đỡ gì cho một người đang hấp hối hay cho tang gia được. Các lý thuyết riêng của các bạn sẽ không giúp ích gì cho các bạn nếu các bạn còn nghi ngờ. Có lẽ ngày nay các bạn chưa nghĩ đến một ngày sẽ đến, đó là ngày các bạn đối diện với tử thần.

Mạc-tư-khoa, Bắc-kinh và Hoa-thịnh-đốn đang tranh dành ảnh hưởng trên thế giới. Ai có ảnh hưởng lớn nhất? -Không ai hết! Chỗ có ảnh hưởng lớn nhất, có đông dân số nhất, chỗ Quân chủ và Cộng hòa, người tư bản và người Cộng sản, đảng Stalin và đảng Trotsky, người vô thần và người đạo đức gặp nhau là nghĩa địa. Đối với những người chưa tin Chúa, bên kia nghĩa địa là chỗ lương tâm cắn rứt.

Hấp hối cũng chưa phải là quá trễ. Ngay bây giờ các bạn còn có thể cầu nguyện: Lạy Chúa Giê-xu, Con của Thượng Đế, xin thương xót con là người có tội. Nếu các bạn tin Chúa đã chết thay cho bạn thì bạn sẽ được cứu.

Các bạn thân mến của tôi, chúng ta đã tâm sự với nhau vài tiếng đồng hồ. Bây giờ chúng ta chia tay.

Kinh Thánh có thể cho chúng ta một câu chuyện sau đây: Trong lúc người Do-Thái bị làm nô-lệ ở Ai-cập, một lần kia, trời tối đến ba ngày liền. Trong khi bóng tối che phủ vùng người Ai-cập đang ở đến nỗi không ai thấy ai

hết, nhưng người Do-Thái được sung sướng trong ánh sáng.

Ánh sáng là Lời của Thượng Đế. Dân của Thượng Đế có ánh sáng, và ánh sáng chiếu vào tâm hồn của họ.

Trong thời người Thổ quản trị vùng Palestine, có một vị Tổng đốc cấm người Do-Thái không được thắp đèn vào ban đêm. Nhưng ở Safed, đêm nào cũng vậy, cửa sổ của thầy Joseph Caro cũng le lói ánh sáng. Lính canh báo cho Tổng đốc biết, Tổng đốc liền cưỡi ngựa đến nhà Ra-bi và thấy Ra-bi đang cầm cúi đọc Kinh Thánh, còn trên tường nhà bám đầy những con đom đóm.

Vị Ra-bi thưa với Tổng đốc: “Kinh Thánh không những chỉ chiếu ánh sáng trong cuộc đời của người đọc, nhưng cũng chiếu sáng trên những con đom đóm đang nghe.”

Tôi tin nhiều người trong các bạn, mặc dầu tư tưởng đang còn bị che tối, sẽ nhận được ánh sáng. Ánh sáng chan hòa, ánh sáng của Chúa Cứu Thế, sẽ đem lại ấm áp và vẻ đẹp cho cuộc đời bạn và xã hội của các bạn.

## LỜI KẾT

Các Bạn thân mến! Các Bạn cũng như tôi, chúng ta là những tội nhân. Chúng ta chẳng những đang giết linh hồn của chúng ta nhưng cũng giết linh hồn của người khác nữa.

Vì thế chúng tôi khuyên các Bạn làm theo lời của Sơn-da nói với tên sát nhân Ra-kô-ni-kốp: “Anh hãy đứng dậy, đi ngay ra ngã tư đường. Ở đó anh hãy quì xuống, hôn mặt đất trước hết, vì anh đã làm cho đất này ô nhiễm. Rồi anh hãy cúi đầu trước toàn thể giới, hướng về bốn phương và nói to: Tôi đã giết người! Thượng Đế sẽ ban cho anh sự sống lại. Anh chịu đi không? Anh chịu đi không?”

Tôi cũng xin quì xuống trước mặt các Bạn. Vì trong quá khứ tôi cũng đã từng giết bao linh hồn.

Cũng như các Bạn tôi đã từng là một người vô thần. Nhưng một ngày kia tôi bừng tỉnh, trở lại với Chúa và đã làm điều mà Sonya khuyên bảo. Nay tôi run sợ cho các Bạn. Run sợ vì đau khổ đang chờ đợi các Bạn nếu các Bạn không tiếp nhận Chúa Cứu Thế. Chúa Cứu Thế đã tìm thấy tôi và đã giải phóng tôi.

”Vì Thượng Đế yêu thương nhân loại, đến nỗi hi sinh Con Một của Ngài, để tất cả những người tin nhận Con Thượng Đế đều không bị hư vọng nhưng được sự sống vĩnh viễn. (Phúc Âm Giăng chương 3 câu 16).

Con đường này đang chờ đón các Bạn. Các Bạn chịu đi không? Các Bạn chịu đi không?



Quyển sách này được tác giả viết một phần trong tù, một phần trong khi hầu việc Chúa với Hội Thánh “Hâm Mộ”, tức là Hội Thánh phải hành đạo bí mật vì bị chính phủ ngược đãi, bắt bớ và không công nhận. Vì thế nên các câu trích dẫn không thể trưng ra rõ. Một số các câu trích từ những bản thảo được chụp hình phổ biến mà không mang tên tác giả.\*

## VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ TÁC GIẢ.

Richard Wurmbrand là một Mục Sư Tin Lành thuộc về Giáo Phái Luther. Tại quê hương của Ngài là Lỗ-ma-ni, Ngài bị 14 năm ngục hình Cộng Sản. Ngài là một trong số các văn sĩ Lỗ-ma-ni nổi tiếng nhất thế giới. Và tại quê hương cũng như trên toàn thế giới, Ngài rất được các tín hữu của Chúa Cứu Thế Giê-xu kính trọng.

Năm 1945, Cộng Sản xâm chiếm Lỗ-ma-ni và lợi dụng Giáo Hội cho những mưu đồ riêng của mình. Richard Wurmbrand liền đứng lên cổ võ thành lập một Giáo Hội độc lập, hành đạo trong “hầm mộ” để chẳng những phục vụ dân tộc của mình nhưng cũng phục vụ các anh em binh sĩ Nga-sô đang chiếm đóng. Năm 1948 Wurmbrand và vợ của Ngài bị giam. Vợ của Ngài bị kết án ba năm tù khổ sai, còn Ngài bị ba năm cấm cố. Ngài bị giam cô lập, không được phép tiếp xúc với một người nào trừ ra những người đang hành hạ Ngài. Sau ba năm người ta giam Ngài chung với các tù nhân khác thêm năm năm nữa.

Vì là một vị lãnh đạo Cơ-Đốc Giáo quan trọng, Ngài có rất nhiều uy tín trên quốc tế. Các nhà ngoại giao thường lưu tâm đến tình trạng của Ngài. Nhưng người Cộng Sản cho tin Ngài đã trốn khỏi Lỗ-ma-ni. Các tên Công an chìm giả làm bạn tù đến kể cho vợ Ngài rằng họ có dự lễ an táng Ngài trong nghĩa trang tù nhân. Người ta báo cho gia đình và thân nhân của Ngài biết rằng họ không cần phải tìm kiếm Ngài nữa vì Ngài đã chết rồi.

Sau tám năm Wurmbrand được trả tự do. Ngay tức khắc Ngài bắt tay phục vụ Chúa trong Hội Thánh “Hầm Mộ”.

Hai năm sau Ngài lại bị bắt và bị kết án hai mươi lăm năm tù.

Ngài được phóng thích nhân dịp đại xá năm 1964. Một lần nữa Wurmbrand lại hăng hái dẫn thân phục vụ trong Hội Thánh “Hăm Mộ”. Vì biết rằng Ngài sẽ gặp nguy hiểm nếu bị bắt lại lần thứ ba nên Hội Thánh tại Na-Uy đã thương lượng với chính phủ Cộng Sản để Ngài được phép rời khỏi Lỗ-ma-ni. Lúc đó nhà cầm quyền Cộng Sản bắt đầu “bán” các tù nhân. “Giá căn bản” là 10000 quan mỗi đầu người (1969). Ngài phải trả tới 30000 quan.

Tháng 5 năm 1966, với tư cách là một người chứng, Wurmbrand đã cởi áo đến thắt lưng để chỉ cho toàn thể giới thấy những vết thương đã ăn sâu và loang lổ trên khắp thân thể của Ngài - những vết thương do những cuộc tra khảo của Cộng Sản gây ra. Báo chí khắp thế giới ở Âu Châu, Mỹ Châu và Á Châu đã đăng tải câu chuyện của Ngài.

Tháng chín năm 1966 có tin đảng Cộng Sản Lỗ-ma-ni quyết định ám sát Wurmbrand. Nhưng lời đe dọa đó đã không làm Wurmbrand nhụt chí.

Richard Wurmbrand, với danh hiệu “Tiếng nói của Hội Thánh Hăm Mộ”, tiếp tục hăng say nói lên những người anh em tử đạo của mình, đã tố cáo những thủ đoạn dã man hung ác của người Cộng Sản đã và đang còn áp dụng để đàn áp tinh thần và thể xác của con người.

Richard Wurmbrand luôn luôn nói đến tình yêu của mình và của các anh em tử đạo đối với người Cộng Sản. Dầu đã từng chịu 14 năm ngục tù, Ngài cũng như các anh em tử đạo khác không hề oán hận người Cộng Sản, trái lại

quyết đem “Yêu thương vào nơi oán thù, đem thứ tha vào nơi lăng nhục, đem an hòa vào nơi tranh chấp, đem chân lý vào chốn lỗi lầm.”

Yêu người Cộng Sản, nhưng Richard Wurmbrand không quên chỉ trích chủ nghĩa Cộng Sản và tìm mọi cách cảnh cáo toàn thể thế giới nói chung và người Cộng Sản nói riêng trước hiểm họa của chủ nghĩa vô thần này./-

Quyển sách này là một chứng từ mạnh mẽ, chắc chắn để trả lời cho quyển "Thánh Kinh Đỏ, một quyển sách của người vô thần "Mối-Cau" với những quan điểm sai lầm của nó.

Quyển sách này rất lôi cuốn vì nó chứng minh về sự hiện hữu của Thượng-Đế và cũng là một nền tảng có giá trị trong sự phân tích hiện nay đối với chủ nghĩa vô thần.

Tác giả Richard Wurmbbrand sinh ngày 24.3.1992 tại Bukarest Lỗ-Ma-Ni, Mục sư Tin Lành. Ông biết rõ những lập luận và lối sống của người "Vô Thần Đỏ" không chỉ thời gian 14 năm trong tù tại Lỗ-Ma-Ni mà thôi.

Ông viết sách này sau quyển sách thành công trên thế giới: " Khổ nạn cho Đấng Christ".